BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ

Hà Nội, năm 2018

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Tổng cục Phòng chống thiên tai
Trụ sở: Nhà A4, số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 02437335804, Fax: 02437335701
Website: www.phongchongthientai.vn
Facebook: Thông tin phòng chống thiên tai

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ
Hà Nội, 2018

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam là một trong các quốc gia chịu ảnh hưởng thiên tai nặng nề nhất trên thế giới. Tính đến nay, Việt Nam đã phải hứng chịu hầu hết các loại thiên tai (trừ sóng thần), gây tổn thất nặng nề về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, tác động xấu đến môi trường sống, sản xuất của nhân dân. Diễn biến thiên tai trong những năm 2016, 2017 và đầu năm 2018 cho thấy thiên tai ngày càng bất thường, khó dự báo cả về cường độ và tần suất. Thiên tai có xu hướng xảy ra tại những vùng ít khi bị thiên tai, với cường độ mạnh vượt quá khả năng chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng. Ngập lụt xảy ra tại nhiều vùng với phạm vi rộng, thời gian kéo dài, độ ngập sâu gia tăng, đặc biệt là khu vực miền Trung và các đô thị lớn; sạt lở bờ sông, bờ biển xuất hiện nhiều với diễn biến phức tạp; gia tăng lũ quét, sạt lở đất vùng miền núi…

Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh về kinh tế xã hội trong vòng hơn 30 năm qua tính từ lúc Việt Nam bắt đầu cải cách mở cửa năm 1986, cũng tạo ra nhiều vấn đề: dân số tăng nhanh đặc biệt là dân số đô thị, nhiều khu công nghiệp mới ra đời, gia tăng khai thác tài nguyên thiên nhiên,…Cùng với biến đổi khí hậu và tác động của quá trình phát triển kinh tế-xã hội kém bền vững, rủi ro và thiệt hại do thiên tai ngày càng gia tăng, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước.

Công tác phòng, chống thiên tai đã và đang được Đảng, Nhà nước, Chính phủ quan tâm, nhất là hoàn thiện thể chế, chiến lược, chính sách, tăng cường năng lực và nhận thức của người dân về phòng chống thiên tai. Một trong những chính sách đó là Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 với mục tiêu nâng cao nhận thức của người dân và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành và cộng đồng ở các làng, xã.

Tới nay Đề án 1002 đã phát huy vai trò cao trong việc huy động người dân những vùng chịu nhiều ảnh hưởng thiên tai tham gia vào quá trình phòng chống thiên tai. Quá trình triển khai Đề án cũng đặt ra nhu cầu tiếp tục triển khai mạnh mẽ song phải có cách tiếp cận mới, tổng thể hơn và phải được thực hiện trên pham vi toàn quốc.

Với sự hỗ trợ của tổ chức Catholic Relief Services, Tổng cục Phòng, chống thiên tai đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và chuyên gia về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, xây dựng và ban hành cuốn tài liệu "Hướng dẫn quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị". Tài liệu đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân qua thực tiễn triển khai tại xã/phường/thị xã, các định hướng, chỉ đạo của cấp trên, kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm của các tài liệu về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng dành cho cấp xã đã được ban hành và áp dụng trước đó,…sẽ là một trong những công cụ hữu hiệu triển khai Đề án 1002 cho khu vực đô thị.

Tài liệu cũng nhận được sự quan tâm chỉ đạo và góp ý của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng chống thiên tai, Tiến sỹ Trần Quang Hoài, sự hỗ trợ tích cực của các cố vấn, Tiến sỹ Đặng Quang Tính, Tiến sỹ Nguyễn Hữu Phúc, Thạc sỹ Vũ Văn Tú, và nhiều chuyên gia có kinh nghiệm về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Tổng cục Phòng chống thiên tai trân trọng cảm ơn Catholic Relief Services đã chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và hỗ trợ tài chính trong quá trình xây dựng tài liệu. Tổng cục mong rằng CRS sẽ luôn đồng hành trong công tác phòng chống thiên tai của Việt Nam.

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót, Tổng cục Phòng chống thiên tai mong nhận được các góp ý để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện tài liệu. Mọi ý kiến đóng góp cho tài liệu xin gửi về địa chỉ: Vụ Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Phòng chống thiên tai, số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

Trân trọng.

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN 9

1.1 Cơ sở xây dựng tài liệu 9

1.2 Bối cảnh xây dựng tài liệu: 10

1.3 Nội dung tài liệu 10

1.4 Mục đích của tài liệu 10

1.5 Đối tượng sử dụng tài liệu 10

PHẦN 2. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ 11

2.1. Các khái niệm và thuật ngữ 11

2.2. Một số đặc điểm khu vực đô thị liên quan đến thiên tai 12

2.3. Đặc điểm chính của Quản lý RRTT-DVCĐ 14

PHẦN 3: CÁC NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ 16

3.1. BƯỚC 1: Giới thiệu chung 17

3.2. BƯỚC 2: Chuẩn bị kế hoạch thực hiện 17

3.3. BƯỚC 3: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng 18

3.4. BƯỚC 4: Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai dựa vào cộng đồng 19

3.5. BƯỚC 5: Thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai 20

3.6. BƯỚC 6: Giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng 21

PHẦN 4: HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG 22

4.1. Các hoạt động đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng 22

HOẠT ĐỘNG 1: Chuẩn bị đánh giá 22

HOẠT ĐỘNG 2: Thực hiện đánh giá 23

HOẠT ĐỘNG 3: Tổng hợp và phân tích kết quả đánh giá 23

HOẠT ĐỘNG 4: Kiểm chứng của người dân 24

HOẠT ĐỘNG 5. Xây dựng báo cáo đánh giá 25

4.2. Các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị 25

CÔNG CỤ 1: Thu thập thông tin sẵn có 26

CÔNG CỤ 2: Lịch sử thiên tai 30

CÔNG CỤ 3: Phân tích sinh kế 32

CÔNG CỤ 4: Bản đồ rủi ro thiên tai 35

CÔNG CỤ 5: Bổ sung thông tin và kiểm chứng trên thực địa 41

CÔNG CỤ 6: Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong công tác phòng chống thiên tai 43

CÔNG CỤ 7: Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai 47

CÔNG CỤ 8: Xếp hạng 48

CÔNG CỤ 9: Phân tích nguyên nhân và Đề xuất giải pháp 50

CÔNG CỤ 10: Tổng hợp giải pháp phòng, chống, giảm thiểu rủi ro thiên tai 52

PHẦN 5: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BƯỚC 4 – XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ 53

PHẦN 6: PHỤ LỤC 60

5.1. Phụ lục: Nội dung hoạt động của Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm Cộng đồng 60

5.2. Phụ lục 2: Thu thập thông tin chi tiết 62

5.3. Phụ lục 3: Mẫu Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai khu vực đô thị 67

5.4. Phụ lục 4: Ví dụ về kết quả áp dụng các công cụ 69

TÀI LIỆU THAM KHẢO 117

Sử dụng tài liệu Google để xây dựng bản đồ quản lý RRTT

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATCĐ	An toàn cộng đồng
BĐKH	Biến đổi khí hậu
DBTT	Dễ bị tổn thương
DVCĐ	Dựa vào cộng đồng
HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật
KTXH	Kinh tế-Xã hội
KVĐT	Khu vực đô thị
NTKN	Nhận thức kinh nghiệm
PA	Phương án
PCTT	Phòng chống thiên tai
PCTT&TKCN	Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn
RRTT	Rủi ro thiên tai
RRTT-DVCĐ	Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCXH	Tổ chức xã hội
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
UBND	Ủy ban nhân dân
VC	Vật chất
VSMT	Vệ sinh môi trường

PHẦN 1.

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1.1 CƠ SỞ XÂY DỰNG TÀI LIỆU

a. Cơ sở pháp lý:

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được Quốc hội thông qua tháng 6/2013, có hiệu lực từ ngày 01/5/2014;
- Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/07/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng chống thiên tai;
- Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng";
- Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016 – 2020;
- Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội;
- Quyết định số 3927/QĐ-BNN-HTQT ngày 02/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án "Xây dựng khả năng chống chịu thích nghi và phục hồi khu vực đô thị tại Đồng bằng sông Cửu Long" do Tổ chức Catholic Relief Services, Hoa Kỳ tài trợ.

b. Cơ sở thực tiễn:

Thực hiện Quyết định 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" (sau đây gọi tắt là Đề án 1002), Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo, ban hành nhiều tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án 1002, ví dụ như Bộ chỉ số đánh giá giám sát thực hiện dự án, Tài liệu hướng dẫn quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng dành cho cấp xã,...

Trong quá trình thực hiện, từ thực tiễn cho thấy khu vực đô thị cần phải có một tài liệu chuyên ngành riêng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

1.2 BỐI CẢNH XÂY DỰNG TÀI LIỆU:

- Đô thị hóa:

Quá trình đô thị hóa của Việt Nam đã và đang diễn ra rất nhanh chóng. Về số lượng đô thị, năm 1990 cả nước có khoảng 500 đô thị, tính đến tháng 12 năm 2016 cả nước đã có 795 đô thị. Về quy mô dân số, năm 1999 tổng dân số đô thị chiếm 23,7% dân số cả nước , tới năm 2016, dân số đô thị tại Việt Nam là trên 32 triệu người, chiếm 35,7% dân số cả nước. Quá trình đô thị hóa đã làm trầm trọng thêm rủi ro thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Diễn biến thiên tai:

Diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp, cực đoan, dị thường, không theo quy luật trong bối cảnh biến đổi khí hậu gây hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Điển hình như trận ngập lụt lịch sử ở thành phố Hà Nội năm 2008 gây thiệt hại trên 3.000 tỷ đồng, triều cường ở thành phố Hồ Chí Minh gây thiệt hại không dưới 5.000 tỷ đồng/năm, trận bão số 12/2017 gây thiệt hại 7000 tỷ đồng ở Nha Trang, Khánh Hòa; ngập lụt tại thành phố Hội An năm 2017 ước tính thiệt hại hơn 71 tỷ đồng (Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT).

Theo thống kê, trên 40 tỉnh với hơn 128 đô thị thuộc đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ có nguy cơ ngập cao, 20 đô thị có nguy cơ ngập nặng. Mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất tác động đến phát triển hệ thống đô thị của 31 tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền Trung và Đông Nam Bộ với hơn 139 đô thị chịu ảnh hưởng, 15 đô thị có khả năng chịu tác động mạnh (Bộ Xây dựng, 2016).

1.3 NỘI DUNG TÀI LIỆU:

Phần 1: Giới thiệu tổng quan

Phần 2: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị

Phần 3: Các nội dung của công tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị

Phần 4: Hướng dẫn thực hiện bước 3 - Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Phần 5: hướng dẫn thực hiện bước 4 - Xây dựng kế hoạch PCTT-DVCĐ

Phần 6: Phụ lục

1.4 MỤC ĐÍCH CỦA TÀI LIỆU

Hướng dẫn chính quyền cấp phường và các bên liên quan thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và nâng cao nhận thức cộng đồng tại khu vực đô thị.

1.5 ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU

- Chính quyền cấp phường;
- Các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn phường;
- Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

PHẦN 2.

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ

2.1. KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ

Ba lĩnh vực, ba khía cạnh:

- Ba lĩnh vực: An toàn cộng đồng, Sản xuất kinh doanh, Sức khỏe vệ sinh môi trường;
- Ba khía cạnh: Vật chất, tổ chức xã hội, nhận thức kinh nghiệm.

Biến đổi khí hậu và Thích ứng với biến đổi khí hậu

BĐKH là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan.

Thích ứng với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do dao động và biến đổi khí hậu hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do nó mang lại.

Cảnh quan đô thị

Cảnh quan đô thị là không gian cụ thể có nhiều hướng quan sát ở trong đô thị như không gian trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong đô thị và không gian sử dụng chung thuộc đô thị (Luật Quy hoạch đô thị 2009).

Đánh giá rủi ro thiên tai

Đánh giá rủi ro thiên tai là quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng chống thiên tai nhằm xác định mức độ rủi ro thiên tai.

Đô thị

Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn (Luật Quy hoạch đô thị 2009).

Đô thị mới

Đô thị mới là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai theo định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia, được đầu tư xây dựng từng bước đạt các tiêu chí của đô thị theo quy định của pháp luật (Luật Quy hoạch đô thị 2009).

Giới tính và Giới (Luật bình bẳng giới 2006)

- Giới là khái niệm chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội;
- Giới tính là khái niệm chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ.

Khu đô thị mới:

Khu đô thị mới là một khu vực trong đô thị, được đầu tư xây dựng mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở (Luật Quy hoạch đô thị 2009).

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội là một quá trình tích hợp có chọn lọc những đánh giá tác động thiên tai, giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội (Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Năng lực phòng chống thiên tai

Năng lực phòng chống thiên tai là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, các điều kiện và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức và xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra (Tài liệu Quản lý RRTT-DVCĐ dành cho cấp xã).

Quản lý rủi ro thiên tai

Là quá trình xử lý mối quan hệ giữa thiên tai với các thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra cho người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế-xã hội.

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng chủ động và tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu (Tài liệu Quản lý RRTT-DVCĐ dành cho cấp xã).

Quy hoạch đô thị:

Quy hoạch đô thị là việc tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị, được thể hiện thông qua đồ án quy hoạch đô thị (Luật Quy hoạch đô thị 2009).

Rủi ro thiên tai

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội (Điều 3, Luật PCTT).

Thiên tai

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác (Điều 3, Luật PCTT).

Tình trạng dễ bị tổn thương

Tình trạng dễ bị tổn thương là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai (Tài liệu Quản lý RRTT-DVCĐ dành cho cấp xã).

2.2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC ĐÔ THỊ LIÊN QUAN ĐẾN THIÊN TAI

2.2.1. Một số đặc điểm của khu vực đô thị liên quan đến rủi ro thiên tai:

- Mật độ dân số cao, mang nặng tính hợp cư hơn là quần cư so với các vùng nông thôn. Đô thị càng lớn, mật độ dân số càng cao. Mật độ dân số cao, thiệt hại về sinh mạng sẽ lớn trên cùng một đơn vị diện tích.
- Kinh tế chủ yếu là phi nông nghiệp và có tỷ trọng (giá trị kinh tế trên diện tích) cao. Thiệt hại về hàng hóa, dịch vụ phi nông nghiệp là rất lớn.
- Gắn kết cộng đồng khác biệt nhiều với khu vực nông thôn. Khả năng huy động nhân lực, tổ chức tập huấn và các hoạt động khác về thiên tai cộng đồng là khó khăn, sự tương trợ lẫn nhau hạn chế. Do vậy, thực hiện hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị đòi hỏi sáng tạo, phù hợp với nhiều hình thức và các đối tượng khác nhau.
- Trong đánh giá RRTT-DVCĐ lưu ý tới tình trạng thường xuyên tu sửa xây dựng mới, đặc biệt các trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế - xã hội của vùng, miền, địa phương có hoạt động kinh tế xã hội đa ngành đa lĩnh vực thu nhập bình quân đầu người cao. Do vậy, khi thiên tai xảy ra ngừng các hoạt động kinh tế xã hội, sự chỉ đạo điều hành sẽ dẫn đến thiệt hại vật chất lớn.

Trong kế hoạch PCTT cấp Phường cần xem xét để đảm bảo an toàn cao trước thiên tai cho trung tâm hành chính Phường, trung tâm chỉ đạo, điều hành PCTT, các công trình có giá trị cao về kinh tế-văn hóa, cơ sở của các tổ chức quốc tế, cơ sở có yếu tố người nước ngoài.

- Trình độ dân trí không đồng đều, có sự khác biệt lớn (nhìn chung là cao hơn) vùng nông thôn. Đa số các khu đô thị có sự biến động lớn về dân số cơ học. Những người mới đến thường không nắm rõ lịch sử thiên tai khu vực, không biết được các nguy cơ tiềm ẩn khi thiên tai xảy ra và cũng khó tiếp cận thông tin các phương án PCTT trong tình trạng khẩn cấp.

Trong kế hoạch PCTT cấp Phường cần có chương trình thường xuyên chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm trong cộng đồng (Ví dụ: phương tiện thu nhận thông tin về cảnh báo thiên tai, hiểu thông tin dự báo, kỹ năng thực hiện,…)

- Khu vực đô thị có thuận lợi về hạ tầng nhà ở, kinh tế, thông tin liên lạc, giao thông thuận lợi, cần tránh tư tưởng chủ quan.Vì vậy trong kế hoạch PCTT cần phải có phương án đảm bảo an toàn chi tiết cụ thể từng hạng mục (ví dụ: tài sản nhà nước, cá nhân và các tổ chức liên quan, hoạt động sản xuất kinh doanh,…).

Đặc biệt, đối với hạ tầng thiết yếu (giao thông, y tế, trường học, nước sạch, hệ thống điện, cung cấp lương thực, thực phẩm, thông tin) cần có phương án bảo đảm để không bị ngừng trệ.

Quá trình phát triển đô thị không đồng bộ, không tính đến yếu tố lồng ghép phòng chống thiên tai, sẽ làm trầm trọng hơn thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

- Các công trình xây dựng lớn, các công trình hạ tầng như đường giao thông, cống thoát nước, lưới điện, cấp nước cũng cần được chú ý khi đánh giá RR TT;
- Yếu tố nước ngoài (khách du lịch, khách tạm trú dài hạn, cơ sở kinh doanh, làm việc,…), cũng là một điểm cần lưu ý khi đánh giá RRTT khu vực đô thị.

2.2.2. Một số loại hình thiên tai điển hình và rủi ro thiên tai khu vực đô thị:

a. Phân vùng thiên tai điển hình:

Luật Phòng chống thiên tai 2013 đã xác định Việt Nam chịu tác động của trên 19 loại hình thiên tai. Theo Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, Việt Nam cơ bản được phân thành 08 vùng thiên tai thể hiện trong Hình 1.

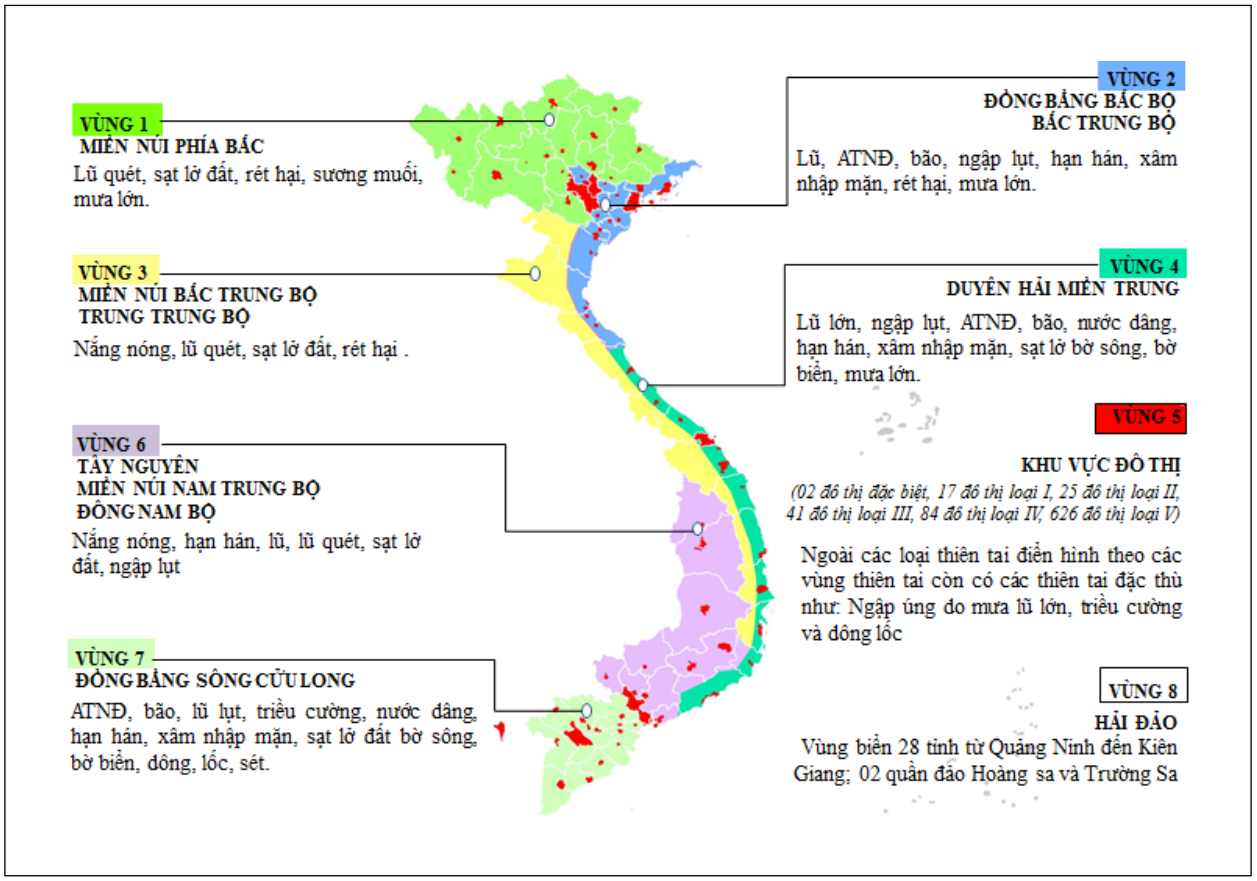

Hình 1. Bản đồ phân vùng thiên tai và các loại hình thiên tai điển hình trên cả nước.

b. Những rủi ro thiên tai thường gặp:

- Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc: cây đổ, tốc mái, đứt đường điện, bay bảng hiệu…
- Mưa lớn, lũ, lũ quét, nước dâng: ngập úng nhà cửa, trường học, cơ sở hạ tầng trang thiết bị hư hỏng; ách tắc giao thông; đình trệ sản xuất, kinh doanh,…
- Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn: thiếu nước sinh hoạt, đình trệ sản xuất do thiếu nước, tăng nguy cơ về hỏa hoạn và dịch bệnh,…
- Sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển: thiệt hại về hạ tầng, nhà cửa, cơ sở sản xuất kinh doanh, du lịch,…

- Rét hại, sương muối: ảnh hưởng tới sức khỏe và sinh hoạt của người dân, đặc biệt là người già, em nhỏ và tới các hoạt động sản xuất nông nghiệp, buôn bán nhỏ,…
- Động đất, sóng thấn: phá hủy nghiêm trọng cơ sở hạ tầng, nhà cửa, cơ sở sản xuất kinh doanh và tính mạng người dân.

2.3 ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA QUẢN LÝ RRTT-DVCĐ:

- Người dân đóng vai trò trung tâm và chủ động trong quá trình Quản lý RRTT-DVCĐ;
- Khuyến khích và huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các thành phần dân cư trong cộng đồng vào công tác quản lý rủi ro thiên tai;
- Tạo cơ hội bình đẳng cho nam, nữ, các nhóm dễ bị tổn thương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai;
- Nâng cao năng lực của cộng đồng về PCTT;
- Quá trình quản lý RRTT-DVCĐ được liên tục phát triển, cập nhật, điều chỉnh dựa trên những bài học kinh nghiệm thực tế của cộng đồng một cách thường xuyên. Đồng thời kết hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật, phối hợp hài hòa giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Chính quyền cấp phường chủ động thực hiện phương án PCTT theo phân công tại Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/07/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Vận dụng phương châm bốn tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ, và hậu cần tại chỗ) vào quá trình Quản lý RRTT-DVCĐ;
- Cộng đồng xác định nội dung PCTT để lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

PHẦN 3.

CÁC NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ

Quy trình Quản lý RRTT-DVCĐ khu vực đô thị bao gồm 6 bước theo sơ đồ sau đây:

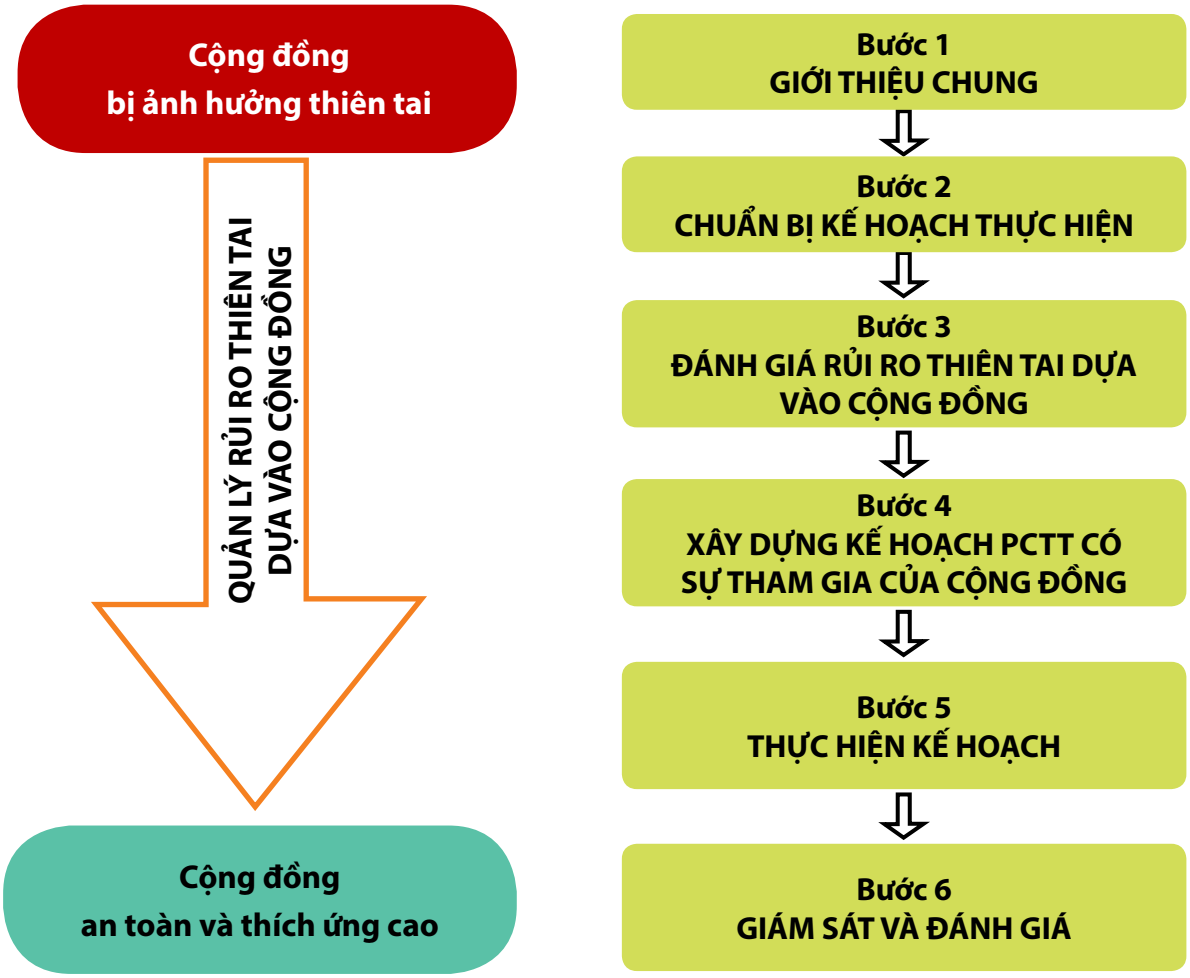

3.1 BƯỚC 1: GIỚI THIỆU CHUNG

3.1.1. Mục đích

- Nêu được ý nghĩa, mục tiêu, sự cần thiết của công tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và nâng cao nhận thức cộng đồng;
- Giới thiệu các nội dung các bước quản lý RRTT-DVCĐ;
- Nâng cao nhận thức của chính quyền, cộng đồng và các bên liên quan về hoạt động Quản lý RRTT-DVCĐ tại phường.

3.1.2. Công việc thực hiện

UBND cấp phường tổ chức cuộc họp, nội dung bao gồm:

- Giới thiệu nội dung, ý nghĩa;
- Xác định thời gian dự kiến, mục tiêu và kết quả cần đạt được;
- Xác định sự phối hợp và tạo cơ hội hợp tác giữa các bên có liên quan.

3.2. BƯỚC 2: CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

3.2.1. Mục đích

- Thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) cấp phường và Nhóm cộng đồng ở cấp tổ dân phố, thống nhất cách thức và cơ chế hoạt động của các nhóm;
- Xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (con người, cơ sở vật chất, tài chính và thời gian thực hiện).

3.2.2. Công việc thực hiện

- ***Thành lập Nhóm HTKT cấp phường và Nhóm Cộng đồng***
  - ✓ Nhóm HTKT cấp phường: Số lượng từ 10 - 17 người. Trưởng nhóm là Phó chủ tịch UBND phường. UBND phường ra quyết định thành lập;

    Thành phần nhóm cần có sự tham gia của đại diện các cơ quan, ban ngành, tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn phường và tùy vào điều kiện của từng phường có thể gồm: Ban chỉ huy PCTT&TKCN phường, văn hóa thông tin, Lao động Thương Binh – Xã hội, địa chính, quy tắc đô thị, công an phường, Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp phường, Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Đoàn thanh niên, y tế, văn phòng thống kê, đại diện Ban giám hiệu của 01 - 02 trường học, đại diện từ khối doanh nghiệp/sản xuất tư nhân trên địa bàn (đảm bảo tỷ lệ nữ chiếm ít nhất 30%),...
  - ✓ Nhóm cộng đồng: Số lượng Nhóm từ 7 - 10 người. Thành phần bao gồm: Tổ trưởng tổ dân phố, đại diện Chi bộ, đại diện các tổ chức chính trị, xã hội, cá nhân có hiểu biết và nhiệt tình;
  - ✓ Nhóm HTKT và nhóm Cộng đồng được tập huấn những kiến thức cơ bản để thực hiện các nội dung của công tác quản lý RRTT-DVCĐ.
- ***Lập kế hoạch thực hiện Quản lý RRTT-DVCĐ***
  - ✓ Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng lập kế hoạch chi tiết gồm các nội dung chính như sau: các hoạt động cụ thể; người chủ trì/phối hợp; thời gian thực hiện; nguồn kinh phí;
  - ✓ UBND phường thông qua, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch trên.

    (Nội dung hoạt động của Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng xem PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 1)

3.2.3. Kết quả mong đợi:

- Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng được thành lập;
- Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng nắm được quy định và hiểu rõ nhiệm vụ, cơ chế điều phối và phối hợp;
- Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng nắm vững kiến thức cơ bản và kỹ năng về thực hiện quản lý RRTT-DVCĐ;
- Bản kế hoạch phân công nhiệm vụ theo nội dung công việc chi tiết được xây dựng.

3.3. BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

3.3.1. Mục đích

- Xác định những thiên tai đã và có nguy cơ xảy ra tại các khu vực trên địa bàn;
- Xác định được các yếu tố dễ bị tổn thương (DBTT) của cộng đồng trước thiên tai;
- Xác định năng lực phòng chống thiên tai trên địa bàn phường;
- Xác định các rủi ro thiên tai và thứ tự ưu tiên để tìm ra các giải pháp phù hợp trong đó lưu ý tới nhóm đối tượng DBTT;
- Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai và cơ sở lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội địa phương;
- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cấp phường về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai, nhằm xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

3.3.2. Nội dung đánh giá:

- Đánh giá các loại hình thiên tai và lịch sử thiên tai;
- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương;
- Đánh giá năng lực PCTT ;
- Đánh giá nhận thức của người dân về rủi ro thiên tai.

3.3.3.Kết quả mong đợi:

- Đánh giá các loại hình thiên tai và lịch sử thiên tai: Xác định được loại hình thiên tai thường xảy ra ở khu vực, mức độ ảnh hưởng,…
- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương: xác định được các yếu tố dễ bị tổn thương,…
- Đánh giá năng lực PCTT: bộ máy, tổ chức, tuyên truyền, tập huấn, các công trình PCTT, phương tiện và trang thiết bị,…
- Đánh giá nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân: đánh giá được mức độ nhận thức của người dân về PCTT;
- Xây dựng được báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai làm cơ sở cho Kế hoạch Phòng chống Thiên tai có sự tham gia của cộng đồng.

3.3.4 Công việc thực hiện: thể hiện trong bảng 3.1.

Bảng 3.1: Công việc thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng - xác định được năng lực PCTT và cơ hội, thách thức

Stt	Hoạt động	Kết quả
1	Chuẩn bị	• hoàn thành kế hoạch và phân công nhiệm vụ • xác định được nội dung và địa điểm đánh giá • hoàn thành việc chuẩn bị các bảng biểu mẫu đánh giá • các thông tin sẵn có (theo biểu mẫu) cơ bản ban đầu
2	Thực hiện đánh giá (Họp, thu thập thông tin,…)	• hoàn thiện số liệu bảng biểu • hoàn thành bản thảo lịch sử thiên tai • hoàn thành sơ hoạ bản đồ • …
3	Tổng hợp, phân tích	• xác định rủi ro thiên tai • xác định được tình trạng dễ bị tổn thương • xác định được năng lực PCTT và cơ hội, thách thức • xác định mức độ nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ của cộng đồng về PCTT • …
4	Kiểm chứng	• hoàn thiện bản đồ số thông qua các thông tin với người dân • hoàn thiên biểu mẫu thu thập lịch sử thiên tai • xếp hạng rủi ro thiên tai • phân tích nguyên nhân, giải pháp • xếp hạng giải pháp ưu tiên • các hoạt động thực hiện giải pháp ưu tiên • ….
5	Viết báo cáo	• báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai • hoàn thiện số hóa bản đồ rủi ro đa thiên tai • …

Lưu ý: Nội dung chi tiết của BƯỚC 3 được hướng dẫn cụ thể trong PHẦN 4-Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

3.4. BƯỚC 4: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

3.4.1 Mục đích

- Xây dựng được kế hoạch phòng chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng sử dụng Kết quả báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Nâng cao nhận thức cộng đồng trong phòng chống thiên tai để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của người dân trên địa bàn.

3.4.2. Nội dung kế hoạch phòng, chống thiên tai

Bản kế hoạch cần đảm bảo các nội dung chính theo quy định tại Điều 15 của Luật phòng, chống thiên tai, cụ thể như sau:

- Đánh giá và cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý;
- Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường xảy ra tại địa phương, chú ý đến đối tượng dễ bị tổn thương, bao gồm: Tổ chức thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể; tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; xác định khu vực nguy hiểm; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai;
- Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và xác định tiến độ hàng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai tại địa phương;
- Xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai.

3.4.3. Công việc thực hiện

a. Chuẩn bị

Căn cứ Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai, UBND cấp phường tổ chức xây dựng dự thảo kế hoạch phòng chống thiên tai.

b. Tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp vào Dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai

- UBND phường tổ chức cuộc họp gồm các thành phần liên quan để trình bày Dự thảo và lấy ý kiến đóng góp;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật báo cáo kết quả đánh giá của các tổ dân phố;
- Đại diện Nhóm HTKT trình bày Dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai;
- Thảo luận, góp ý dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp phường;
- Nhóm HTKT hoàn thiện bản dự thảo cuối cùng và đề nghị UBND phường xem xét, phê duyệt;

Lưu ý: Nội dung chi tiết của bước này được hướng dẫn cụ thể trong PHẦN 5-Hướng dẫn thực hiện BƯỚC 4 –Xây dựng kế hoạch PCTT-DVCĐ khu vực đô thị.

3.5. BƯỚC 5: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Sau khi phê duyệt, UBND phường:

- Thông báo, tuyên truyền cho người dân, các cơ quan, ban ngành, tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn phường về kế hoạch phòng chống thiên tai dựa vào cộng đồng; đồng thời giải thích các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch;
- Xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện, kết nối với các bên không thuộc sự quản lý của phường;
- Huy động nguồn lực tham gia thực hiện kế hoạch.

3.6. BƯỚC 6-GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PCTT CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

3.6.1. Mục đích

- Bảo đảm thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng một cách hiệu quả;
- Điều chỉnh kịp thời những phát sinh, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện;
- Rút ra các bài học kinh nghiệm để bổ sung, điều chỉnh cho xây dựng kế hoạch PCTT năm sau;
- Tạo cơ chế phản hồi từ người dân, các tổ chức, doanh nghiệp và các bên liên quan.

3.6.2. Công việc thực hiện

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cùng nhóm cộng đồng xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá và đề nghị UBND phường xem xét, phê duyệt;
- UBND phường thông báo rộng rãi kế hoạch giám sát, đánh giá cho cộng đồng trên các bảng thông tin để phối hợp thực hiện, giám sát;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cùng nhóm cộng đồng và người dân tổ chức giám sát, đánh giá dựa trên mục tiêu, nội dung hoạt động của bản kế hoạch đã được phê duyệt;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp thông tin và viết báo cáo giám sát và đánh giá;
- UBND phường tổ chức các cuộc họp định kỳ nghe báo cáo giám sát, đánh giá, đề xuất các điều chỉnh kế hoạch nếu cần và thông báo kết quả các cuộc họp ở cấp phường và tổ dân phố;

Việc đánh giá giám sát nên được thực hiện hàng quý trong điều kiện bình thường và hàng tháng trong mùa mưa bão và đột xuất sau mỗi lần thiên tai xảy ra.

PHẦN 4.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BƯỚC 3 - ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

4.1. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

HOẠT ĐỘNG 1: CHUẨN BỊ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả mong đợi

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật được tập huấn và được phân công trách nhiệm rõ ràng;
- Kế hoạch thực hiện đánh giá được xây dựng, phê duyệt và thông báo tới người dân.

2. Thời gian thực hiện: Trước khi thực hiện đánh giá ít nhất 10 ngày

3. Các hoạt động cụ thể: UBND phường:

- Tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm Cộng đồng:
  - ✓ Mục đích, nội dung đánh giá và các công cụ đánh giá;
  - ✓ Kỹ năng thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin;
  - ✓ Kỹ năng hướng dẫn người dân xác định và phân tích rủi ro, lựa chọn giải pháp, xây dựng báo cáo đánh giá làm cơ sở để lập kế hoạch phòng, chống thiên tai;
  - ✓ Phân công cụ thể trách nhiệm cho các thành viên trong Nhóm HTKT, Nhóm Cộng đồng.
- Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch đánh giá rủi ro thiên tai cùng Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng:
  - ✓ Lựa chọn đối tượng tham gia đánh giá RRTT-DVCĐ ở tổ dân phố: 10-15 người/tổ dân phố (không thuộc Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng);
  - ✓ Thành phần lựa chọn bao gồm: đại diện người dân với thành phần nghề nghiệp khác nhau (khuyến khích ít nhất 30% là nữ giới và có đại diện nhóm dễ bị tổn thương) và các tổ chức liên quan;
  - ✓ Xác định thời gian và địa điểm đánh giá: Lưu ý thời gian và địa điểm phù hợp, thuận tiện cho người dân.
- Phê duyệt Kế hoạch thực hiện đánh giá;
- Thông báo nội dung và kế hoạch đánh giá tới người dân;
- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá: Chuẩn bị hậu cần, văn phòng phẩm;
- Lưu ý: Máy tính có cài phần mềm ví dụ như Auto CAD, Mapinfo…hỗ trợ quá trình xây dựng bản đồ số.

Chú ý:

- Khi tiến hành đánh giá ở mỗi tổ dân phố, mỗi nhóm đánh giá (theo công cụ) cần có ít nhất 2 người từ Nhóm HTKT (1 người hướng dẫn, 1 người ghi chép);
- Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng chuẩn bị nội dung và công cụ đánh giá, bản đồ hành chính của phường, kẻ bảng biểu, bảng câu hỏi…), đặc biệt lưu ý khi đánh giá đối với các đối tượng dễ bị tổn thương.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả mong đợi

- Người dân chủ động tham gia vào đánh giá rủi ro thiên tai;
- Các thông tin về thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực phòng, chống thiên tai và rủi ro thiên tai được thu thập thông qua các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai.

2. Thời gian thực hiện: ít nhất 1 ngày ở tổ dân phố.

3. Các hoạt động cụ thể:

- Nhóm HTKT tiếp tục thu thập các thông tin sẵn có (sử dụng Công cụ 1): hoàn thiện công cụ 1 bằng các thông tin có sẵn trên địa bàn;
- Tổ chức họp với người dân lần 1 để thực hiện các công cụ 2, 3, 4, 6 thu thập thông tin về thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực và nhận thức của người dân:
  - ✓ Giới thiệu mục đích và nội dung đánh giá;
  - ✓ Chia 4 nhóm (lưu ý đối tượng dễ bị tổn thương và giới) thực hiện 4 công cụ: Lịch sử thiên tai-Công cụ 2, Phân tích sinh kế-Công cụ 3, Sơ họa bản đồ RRTT-Công cụ 4, Điểm mạnh/yếu cơ hội/thách thức trong công tác PCTT-Công cụ 6;
  - ✓ Các nhóm trình bày kết quả các công cụ đã thực hiện và mời nhóm khác bổ sung ý kiến;
- Nhóm HTKT thực hiện Công cụ 5: kiểm chứng trên thực địa;
- Nhóm HTKT trao đổi trực tiếp thêm với các hộ gia đình (mỗi tổ dân phố ít nhất 10 hộ không tham gia cuộc họp trên) để bổ sung và kiểm chứng thông tin.

HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG HỢP VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả mong đợi

- Các thông tin được tổng hợp, phân tích, đánh giá và xếp hạng các RRTT; phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ RRTT;
- Người dân tham gia vào xếp hạng rủi ro thiên tai, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp giảm nhẹ RRTT.

2. Thời gian thực hiện: ít nhất 1 ngày ở tổ dân phố.

3. Các hoạt động cụ thể:

a. Chuẩn bị:

Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng sử dụng kết quả của 6 công cụ để tổng hợp RRTT, thể hiện vào công cụ 7.

b. Thực hiện cụ thể theo 02 phương án:

PA1: Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng tổng hợp, phân tích các công cụ 8,9,10; sau đó tham vấn lấy ý kiến người dân.

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm Cộng đồng:
  - ✓ Sử dụng kết quả công cụ 7 để phân tích, đánh giá, xếp hạng RRTT và thể hiện vào công cụ 8;
  - ✓ Phân tích nguyên nhân các RRTT và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ RRTT để thể hiện vào công cụ 9;
  - ✓ Phân tích, lựa chọn và xếp hạng thứ tự ưu tiên các giải pháp giảm nhẹ RRTT và thể hiện vào công cụ 10;
- Tổ chức họp lần 2 với người dân để giới thiệu và tham vấn lấy ý kiến người dân để hoàn thiện 3 công cụ 8,9,10: Nhóm HTKT và cộng đồng trình bày kết quả công cụ 8,9,10 để tham vấn ý kiến người dân và hoàn thiện.

PA2: Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng cùng với người dân tham gia phân tích, đánh giá công cụ 8,9,10.

- Sử dụng kết quả công cụ 7 để phân tích, đánh giá, xếp hạng RRTT và thể hiện vào công cụ 8;
- Phân tích nguyên nhân các RRTT và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ RRTT để thể hiện vào công cụ 9;
- Phân tích, lựa chọn và xếp hạng thứ tự ưu tiên các giải pháp giảm nhẹ RRTT và thể hiện vào công cụ 10.

HOẠT ĐỘNG 4: KIỂM CHỨNG CỦA NGƯỜI DÂN

1. Kết quả mong đợi

- Họp lần 3 với đại diện người dân trong phường (chưa tham gia họp lần 1, lần 2) để trao đổi lấy ý kiến về kết quả đánh giá RRTT-DVCĐ của phường;
- Họp với đại diện các ban ngành/đoàn thể, trưởng tổ dân phố để lấy ý kiến bổ sung hoàn thiện kết quả đánh giá RRTT-DVCĐ.

2. Thời gian thực hiện: ít nhất 1 ngày ở phường

3. Các hoạt động cụ thể:

a) UBND phường tổ chức họp: Họp lần 3 với đại diện người dân trong phường (chưa tham gia họp lần 1, lần 2) để trao đổi lấy ý kiến về kết quả đánh giá RRTT-DVCĐ của phường.

- Chuẩn bị

Nhóm HTKT và Nhóm Cộng đồng:

- ✓ Chuẩn bị các kết quả đã tổng hợp được từ các công cụ;
- ✓ Mời đại diện người dân trong phường (10-15 người chưa tham gia họp lần 1, lần 2).

Lưu ý: Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới và sự tham gia của đại diện nhóm DBTT.

- Trình bày và lấy ý kiến bổ sung của người dân:

Trình bày kết quả công cụ 7, 8, 9, 10 và lấy ý kiến bổ sung của người dân để hoàn thiện.

b) Tổ chức họp với các ban ngành đoàn thể ở cấp phường

- Chuẩn bị

- ✓ Chuẩn bị các kết quả đã tổng hợp được từ các công cụ;
- ✓ Mời đại diện các ban/ngành trong phường ;

- Trình bày và lấy ý kiến bổ sung.

Trình bày kết quả công cụ 7, 8, 9, 10 và lấy ý kiến bổ sung của các thành phần tham dự cuộc họp để hoàn thiện.

HOẠT ĐỘNG 5. XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả mong đợi

- Báo cáo đánh giá RRTT-DVCĐ cấp phường được hoàn thành với ý kiến đóng góp của chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các bên liên quan và đại diện các tổ dân phố .

2. Thời gian thực hiện: 01 ngày (ngay sau khi hoàn thành các công việc trên)

3 Các hoạt động cụ thể:

- Báo cáo đánh giá RRTT-DVCĐ của phường :
  - ✓ Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật dự thảo báo cáo đánh giá RRTT-DVCĐ (Mẫu báo cáo đánh giá tham khảo PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 3.)
  - ✓ UBND phường phê duyệt

Căn cứ vào báo cáo đánh giá, xây dựng và phê duyệt Kế hoạch PCTT-DCVĐ

4.2. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ

Để đánh giá RRTT-DVCĐ khu vực đô thị cần áp dụng 10 công cụ khác nhau được liệt kê theo bảng 4.1 dưới đây

Bảng 4.1. Tổng hợp các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai

TT	Công cụ	Tổng hợp thông tin từ các công cụ đánh giá				
		Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực	Rủi ro thiên tai
1	Thu thập thông tin sẵn có	X	X	X	X	X
2	Lịch sử thiên tai	X	X	X	X	X
3	Phân tích sinh kế	X	X	X	X	X
4	Bản đồ rủi ro thiên tai	X		X	X	X
5	Khảo sát thực địa	X	X	X	X	X
6	Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong công tác PCTT	X	X	X	X	X

TT	Công cụ	Tổng hợp thông tin từ các công cụ đánh giá				
		Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực	Rủi ro thiên tai
7	Tổng hợp đánh giá RRTT	X	X	X	X	X
8	Xếp hạng RRTT	X	X	X	X	X
9	Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp	X	X	X	X	X
10	Lựa chọn và xếp hạng giải pháp ưu tiên	X	X	X	X	X

CÔNG CỤ 1: THU THẬP THÔNG TIN SẴN CÓ

1. Mục đích

Thu thập các thông tin cơ bản về đặc điểm vị trí địa lý, khí hậu, dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý phục vụ cho việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai.

2. Thời gian:

Công cụ này được thực hiện trước và trong khi tiến hành đánh giá RRTT.

3. Kết quả mong đợi:

Thu thập được đầy đủ các thông tin sẵn có về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng….

4. Chuẩn bị và thực hiện:

- Các tài liệu tổng hợp thuộc các ngành, lĩnh vực có liên quan và các báo cáo hoạt động năm gần nhất của phường (Ít nhất 5 năm gần nhất). Số liệu có thể được thu thập thông qua việc rà soát các báo cáo tổng kết năm của các ngành hoặc hỏi người phụ trách lĩnh vực có liên quan;
- Nhóm HTKT chủ động thực hiện hoặc đề xuất UBND phường giao cán bộ phù hợp thu thập, tổng hợp vào biểu mẫu. Mỗi bảng số liệu có thể phân công người phụ trách;
- Chuẩn bị các biểu mẫu theo mẫu tại Bảng 4.2 và Bảng 4.3;
- Thu thập thông tin về đặc điểm địa hình địa lý, khí hậu dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng…từ các nguồn tài liệu, văn bản sẵn có.

Ví dụ thông tin về vị trí địa lý, địa hình, ranh giới, dân số…của phường:

- Vị trí địa lý: Phường thuộc quận, thành phố nào? Nằm trên địa hình như thế nào? Nằm trong hệ thống sông ngòi nào? Tiếp giáp với các phường hoặc các cảnh quan nào? Chẳng hạn, tiếp giáp với núi, sông, biển, nơi có quốc lộ, tỉnh lộ đi qua...
- Điều kiện khí hậu: Nhiệt độ trung bình, nhiệt độ cực đại, nhiệt độ cực tiểu, lượng mưa cực đại, khoảng thời gian nắng hạn kéo dài cực đại, phân bố mùa từ tháng…đến tháng...
- Các thông tin dân số và các số liệu về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ cho việc lập kế hoạch ứng phó với thiên tai...
- Tiến hành thu thập thông tin sẵn có và điền vào các bảng biểu đã chuẩn bị.

Bảng 4.2: Đặc điểm tự nhiên

STT	Tên mục	Nội dung	Ghi chú
I	Vị trí địa lý	- Phía Bắc giáp:…… - Phía Nam giáp:…. - Phía Đông giáp:… - Phía Tây giáp:….	
II	Địa hình	- Đồng bằng - Vùng ven biển - Vùng trũng - Miền núi - Trung du….	
III	Sông ngòi	- Hệ thống sông lớn chảy qua: - Đặc điểm sông:	
IV	Đất đai	- Tổng diện tích đất tự nhiên:.....ha - Đất thổ cư:.....ha - Đất sử dụng với mục đích khác (khu công nghiệp, công viên, bệnh viện, trường học, siêu thị, mặt nước…):…….ha	

Bảng 4.3 Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn phường	Phân chia theo tổ dân phố			Ghi chú
				1	2	3	
I. Dân số							
1	Tổng số hộ	Hộ					
	Số hộ nghèo	Hộ					
2	Tổng số dân	Người					
	- *Nam*	Người					
	- *Nữ*	Người					
3	Cơ cấu độ tuổi						
	- *Trẻ em (Dưới 16 tuổi)*	Người					
	- *Thanh niên và Trung niên (Từ 16-60 tuổi)*	Người					
	- *Người già (Trên 60 tuổi)*	Người					
4	Số lao động trong độ tuổi						
	- *Nam (16-60)*	Người					

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn phường	Phân chia theo tổ dân phố			Ghi chú
				1	2	3	
	- *Nữ (16-55)*	Người					
5	Đối tượng dễ bị tổn thương (theo Điều 3, Luật PCTT bao gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo).	Người					
6	*Lao động tự do, học sinh sinh viên, người nước ngoài,…*	Người					
7	Dân tộc						
	- *Kinh*	Người					
	- *Khác*	Người					
8	Tôn giáo						
9	Đội xung kích PCTT						
II. Ngành nghề							
1	Công chức, viên chức…thuộc nhà nước	Người					
2	Sản xuất kinh doanh	Người					
3	Dịch vụ	Người					
4	Lao động tự do	Người					
5	Thành phần khác	Người					
III. Cơ sở hạ tầng, vật chất							
1	Công trình công cộng (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)						
	- *Trường học*	Cái					
	- *Trạm y tế*	Cái					
	- *Hội trường, nhà văn hóa*	Cái					
	…						
2	Nhà ở						
	- *Nhà kiên cố (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)*	Cái					
	- *Nhà tạm, dễ sập*	Cái					
	- *Nhà ven sông*	Cái					
	- *Nhà ven núi*	Cái					
	….						
3	Hệ thống giao thông						

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn phường	Phân chia theo tổ dân phố			Ghi chú
				1	2	3	
	- Đường đất	Km					
	- Đường bê tông	Km					
	- *Cầu cống kiên cố*	Km					
	…						
4	Công trình Phòng chống thiên tai						
	- Đê điều	Km					
	- *Hồ đập*	Cái					
	- *Công trình tiêu thoát nước*	Km					
	…						
5	Hệ thống đường điện						
	- *Trạm biến áp*	Cái					
	- Đường dây điện	Km					
	…						
6	Hệ thống nước sinh hoạt						
	- *Công trình cấp nước*	Cái					
	…						
7	Hệ thống thông tin liên lạc						
	- *Cụm loa phường*	Cái					
	- *Loa cầm tay*	Cái					
	Mạng internet và các mạng tiện ích khác						
8	Phương tiện, vật tư, thiết bị,… có thể huy động cho PCTT (Xe ô tô, máy xúc, máy ủi, cưa máy, cưa tay, xuồng, thiết bị chống ách tắc,…)	Cái					
9	Việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, hóa chất xử lý nước, thuốc chữa bệnh…theo phương châm 4 tại chỗ.						

Từ Bảng 4.3 có thể xây dựng thành từng bảng chi tiết như Đối tượng dễ bị tổn thương, Tình trạng nhà ở,… để tiếp cận và hỗ trợ trước, trong và sau thiên tai (Ví dụ tham khảo tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 2 các bảng từ 6.1 đến 6.7)

CÔNG CỤ 2: LỊCH SỬ THIÊN TAI

1. Mục đích:

Thu thập thông tin về các loại thiên tai đã xảy ra trong vòng 5-10 năm gần đây (lịch sử thiên tai) và thiên tai lịch sử (thiên tai lớn nhất đã từng xảy ra không chỉ giới hạn trong khoảng thời gian 5-10 năm gần nhất) kèm theo các diễn biến và thiệt hại, đặc điểm và xu hướng, khu vực chịu thiệt hại, nguyên nhân dẫn đến thiệt hại, kinh nghiệm phòng chống và giảm thiểu thiệt hại và các yếu tố đô thị hóa làm gia tăng hoặc giảm nhẹ rủi ro mỗi khi gặp thiên tai gây ra trên địa bàn phường.

2. Thời gian: Được thực hiện tiếp theo ngay sau HOẠT ĐỘNG 1-Chuẩn bị đánh giá, (PHẦN 4, mục 4.1).

3. Chuẩn bị:

- Thiết bị văn phòng (Máy tính, máy chiếu,...) và văn phòng phẩm. Ví dụ: bảng to hoặc giấy khổ lớn (A0), phấn hoặc bút viết, thước kẻ;
- Xác nhận địa điểm, thành phần và lịch làm việc;
- Chuẩn bị sẵn bảng công cụ 2-bảng 4.4 (bảng giấy hoặc trên máy tính) trước khi tiến hành;
- Thông tin về lịch sử thiên tai đã thu thập và thông qua thảo luận với người dân sẽ được thể hiện ở bảng 4.4.

Bảng 4.4. Lịch sử thiên tai trên địa bàn phường

Thời gian (tháng/năm)	Loại thiên tai	Đặc điểm và diễn biến của thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại do thiên tai gây ra	Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại và bài học kinh nghiệm	Đã làm gì để phòng chống và giảm thiểu thiệt hại	Yếu tố đô thị hóa
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	Bão						
	Ngập lụt						
	…						

4. Trình tự thực hiện:

4.1 Giới thiệu:

Hướng dẫn và giải thích cho người tham gia về Công cụ 2-Lịch sử thiên tai.

4.2 Người dân xác định những thiên tai đã xảy ra:

Những thiên tai nào đã xảy ra? Vào năm/tháng nào? Xác định loại thiên tai nào thường xuyên xảy ra để đưa vào bảng theo thứ tự?,…

4.3. Thu thập thông tin đưa vào bảng 4.4 cho từng loại thiên tai như sau:

- Đặc điểm và diễn biến của thiên tai (Cột 3 Bảng 4.4): Số lần(tần suất) xảy ra, độ lớn (cường độ) thiên tai, diễn biến, đặc thù của thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu;

- Khu vực chịu thiệt hại (Cột 4 Bảng 4.4): Nêu chi tiết thiệt hại tại khu vực chịu thiệt hại và phân tích nguyên nhân của từng đợt thiên tai;
- Thiệt hại do thiên tai gây ra (Cột 5 Bảng 4.4): Nêu chi tiết thiệt hại về người và tài sản...
- Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại và bài học kinh nghiệm (Cột 6 Bảng 4.4):
  - ✓ Dự báo, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, quy hoạch và quản lý qui hoạch;
  - ✓ Cơ sở hạ tầng: nhà cửa, hệ thống giao thông, tiêu thoát nước, hệ thống điện, cây xanh, công trình PCTT,…
  - ✓ Tổ chức bộ máy PCTT: Hoàn thiện bộ máy, xây dựng quy chế hoạt động, khả năng phối hợp, điều phối,…
  - ✓ Nguồn lực PCTT: Lực lượng, trang thiết bị, vật tư,…
  - ✓ Nhận thức cộng đồng: Nhận thức, kinh nghiệm, tính chủ quan của người dân, tính hợp tác, tương trợ,…
  - ✓ An toàn cộng đồng: các yếu tố, đối tượng dễ bị tổn thương,…
  - ✓ Sản xuất kinh doanh: các hoạt động xây dựng, khai thác khoáng sản, hoạt động du lịch, buôn bán, sản xuất ở vùng nguy cơ cao bị ảnh hưởng thiên tai (ngập kho chứa, cửa hàng, biển quảng cáo,…
- Đã làm gì để phòng chống và giảm thiểu thiệt hại (cột 7-Bảng 4.4):
  - ✓ Tập huấn nâng cao nhận thức, diễn tập,…
  - ✓ Xác định điểm tránh trú an toàn sơ tán dân,…
  - ✓ Có cảnh báo kịp thời không,…
  - ✓ Có hỗ trợ đối tượng dễ bị tổng thương hay không,…
  - ✓ Tìm kiếm cứu nạn có kịp thời hay không,…
  - ✓ Có nhu yếu phẩm để hỗ trợ người dân hay không,…
  - ✓ Có đủ vật tư để phục hồi tái thiết hay không,…
  - ✓ Chủ động của người dân và chính quyền,…
  - ✓ …
- Yếu tố đô thị hóa (cột 8-Bảng 4.4): phân tích đánh giá thay đổi địa hình, địa mạo, phát triển cơ sở hạ tầng, đô thị, sản xuất kinh doanh…làm gia tăng hoặc giảm nhẹ rủi ro mỗi khi gặp thiên tai:

Không lồng ghép nội dung PCTT vào vào quy hoạch/kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đô thị có thể dẫn đến:

- ✓ San lấp mặt bằng làm thay đổi địa hình, địa mạo, cốt nền (đồi, rừng, sông, hồ, ao…);
- ✓ Xây dựng công trình đường sá, cầu cống, cảng biển/sông làm thay đổi, hạn chế khả năng tiêu thoát nước;
- ✓ Phát triển khu dân cư đô thị không tính đến yếu tố rủi ro thiên tai làm tăng khả năng ngập lụt, sạt lở, làm giảm khả năng chứa và thoát nước, thoát lũ;
- ✓ Phát triển sản xuất, kinh doanh, nhà hàng, dịch vụ du lịch,…làm tăng nguy cơ ảnh hưởng bởi thiên tai và ô nhiễm môi trường...

(Xem thêm ví dụ cho Công cụ 2 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 4-Bảng 6.8)

CÔNG CỤ 3: PHÂN TÍCH SINH KẾ

1. Mục đích:

Thu thập, tổng hợp, phân tích, lựa chọn những hoạt động sinh kế trên địa bàn có khả năng bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Ví dụ như:

- Kinh doanh, buôn bán,…
- Sản xuất, chế biến: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,…
- Xây dựng,…
- Dịch vụ: nhà hàng, khách sạn, vận tải, du lịch, y tế, giáo dục…

2. Thời gian: Được thực hiện ngay sau khi thực hiện Công cụ 1 và 2

3. Chuẩn bị:

- Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm, máy tính và các phần mềm phù hợp, máy chiếu. Ví dụ: bảng to hoặc giấy khổ lớn, bút viết, phấn, thước kẻ;
- Xác nhận địa điểm, thành phần và lịch làm việc;
- Chuẩn bị sẵn bảng Công cụ 3-Bảng 4.5 trên giấy và trên máy tính.

Bảng 4.5 – Phân tích mối liên quan giữa thiên tai và các hoạt động sinh kế

I. Thiên tai (*Lịch thiên tai liên quan đến các loại hình thiên tai trên địa bàn*)	**Tháng** (thời điểm thường xảy ra)												**Xu hướng của thiên tai** *(cực đoan, đến sớm/muộn, kéo dài, tác động của BĐKH)*		
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**			
Lũ															
Bão															
…															
II. Hoạt động sinh kế	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động sinh kế	Tại sao dễ bị tổn thương	Kinh nghiệm để nâng cao năng lực
(1)	(2)												(3)	(4)	(5)
Kinh doanh, buôn bán:															

- Bán buôn bán lẻ															
…															
- Vật liệu xây dựng															
…															
Sản xuất, chế biến:															
- Tương bần															
- Làng nghề															
Xây dựng:															
…															
4. Dịch vụ:															
- Khách sạn															
- Xe ôm-taxi															
- Lễ hội, biểu diễn, tổ chức sự kiện															
…															
5. Các hoạt động khác															
…															

4. Trình tự thực hiện:

4.1 Giới thiệu:

Giải thích cho người dân tham gia đánh giá về công cụ phân tích sinh kế ứng với tình hình thiên tai. Sử dụng lịch phù hợp với địa phương (Âm lịch, Dương lịch hoặc theo thời gian phù hợp phong tục địa phương).

4.2 Xác định thời điểm thiên tai xảy ra trong năm và xu hướng của thiên tai trong bối cảnh BĐKH (Mục I của Bảng 4.5)

Theo hướng dẫn tại Bảng 4.5 với từng loại hình thiên tai xảy ra tương ứng theo các tháng trong năm.

Trao đổi với người dân về những câu hỏi sau:

- Những loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương (tham khảo Công cụ 2-Lịch sử thiên tai);
- Thời điểm thường xảy ra từng loại thiên tai của các tháng trong năm (đánh dấu vào hàng tương ứng của bảng 4.5 thông tin vừa thu được vào cột thời gian tương ứng, trong đó ghi chú tháng cao điểm);

- Đề nghị nhận xét về xu hướng thay đổi của thiên tai và khí hậu: có gì thay đổi so với trước không? (hiện tượng thiên tai, thời tiết bất thường, số lần diễn ra nhiều/ít, thời gian diễn ra sớm/muộn/khó dự đoán, mức ảnh hưởng nhiều/ít). Ghi chép các thông tin đó vào Xu hướng của thiên tai – Mục I của Bảng 4.5.

Ví dụ: Bão: đến sớm, kết thúc muộn và khó dự đoán hơn, cường độ mạnh và kèm theo lũ lụt. Thời gian giữa các trận bão gần hơn. Nắng nóng: nhiều đợt kéo dài, nhiệt độ cao.

4.3 Xác định các hoạt động sinh kế tương ứng với thời gian thiên tai xảy ra tại địa phương

- Xác định danh mục các hoạt động sinh kế tại địa phương: kinh doanh, buôn bán; sản xuất, chế biến; xây dựng; dịch vụ;…. (Cột 1, Mục II của Bảng 4.5);
- Xác định quá trình thực hiện, thời điểm kết thúc – Cột 2, Mục II của Bảng 4.5.

Những câu hỏi chuẩn bị:

Để xác định các hoạt động sinh kế, trao đổi với người dân tham gia đánh giá những câu hỏi sau:

- Tại địa phương có những hoạt động sinh kế nào (kinh doanh, buôn bán; Sản xuất, chế biến; Xây dựng; dịch vụ,…). Sau đó xác định thời gian của các hoạt động sinh kế trên? ai thực hiện hoạt động này, tổ chức hay cá nhân?

Chú ý: Khi xác định về các hoạt động sinh kế tương ứng với thời gian thiên tai xảy ra cần xác định thêm tỉ lệ tham gia của nam giới và nữ giới.

Ví dụ:

- Trồng hoa cúc từ tháng mấy đến tháng mấy, thời điểm đó ứng với các nguy cơ thiên tai nào? Nhóm, giới nào đóng vai trò chính trong hoạt động trồng hoa;
- Về kinh doanh buôn bán nhỏ hoặc bán hàng rong: mùa nào bán thức nào và có ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai hay không?
- Về dịch vụ nhà hàng, nghỉ dưỡng, tắm biển,….

Lưu ý: Phần sinh kế nên được chia ra thành các nhóm ngành cụ thể để tránh bỏ sót.

4.4 Phân tích tác động ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động sinh kế đang thực hiện tại địa phương

- Xác định ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động sinh kế - Cột 3, Mục II của Bảng 4.5: Phân tích ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động sinh kế theo lịch thiên tai (lưu ý: tác động của thiên tai đến nam/nữ, đối tượng DBTT):
- Tại sao dễ bị tổn thương - Cột 4, Mục II của Bảng 4.5: Phân tích nguyên nhân, tác động của thiên tai đến hoạt đông sinh kế bị ảnh hưởng trong lịch hiện tại;
- Kinh nghiệm để nâng cao năng lực ứng phó và chuẩn bị trước thiên tai - Cột 5, Mục II của Bảng 4.5: Thu thập kinh nghiệm của các cá nhân, tổ chức khi thiên tai xảy ra.

Trao đổi với người dân về các câu hỏi sau:

- ✓ Thiên tai ảnh hưởng ở giai đoạn nào của hoạt động sinh kế?
- ✓ Ảnh hưởng như thế nào? Có thể gây ra các thiệt hại gì (các lĩnh vực: An toàn cộng đồng, sản xuất kinh doanh, Sức khỏe – vệ sinh – môi trường)? Tạo sao lại có các thiệt hại đó (các khía cạnh về vật chất, Tổ chức xã hội, Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ)?
- ✓ Mô tả ảnh hưởng của thiên tai tới nữ giới, nam giới và các đối tượng dễ bị tổn thương khác. Xác định thời điểm mà người dân dễ bị tổn thương (thiếu ăn, thiếu thu nhập, thiếu nước sản xuất, dịch bệnh, di cư ra khỏi khu vực...).

- Liệt kê các kinh nghiệm của nữ giới và nam giới, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương... khi thiên tai xảy ra và khi có sự thay đổi về khí hậu, xu hướng thiên tai;
- Sự thay đổi về xu hướng của thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu có ảnh hưởng gì đến hoạt động sinh kế?

Ví dụ: Mùa trồng hoa, cây cảnh, khai thác hải sản, kinh doanh du lịch... thay đổi như thế nào khi nhiệt độ, lượng mưa thay đổi?

4.5 Tổng hợp kết quả thảo luận về Phân tích sinh kế :

Từ kết quả thảo luận, tổng hợp thông tin vào Bảng 4.6. Trong đó:

- Cột (1), (2) - Thiên tai và xu hướng của thiên tai: Tổng hợp từ Mục I của Bảng 4.5;
- Cột (3) - Tại sao dễ bị tổn thương (Tình trạng DBTT): Tổng hợp từ cột 4, Mục II của Bảng 4.5;
- Cột (4) - Kinh nghiệm để nâng cao năng lực (Năng lực phòng, chống thiên tai): Tổng hợp từ cột 5, Mục II của Bảng 4.5;
- Cột (5) - Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động sinh kế (Rủi ro thiên tai): Tổng hợp từ cột 3, Mục II của Bảng 4.5.

Bảng 4.6 Tổng hợp công cụ Phân tích sinh kế

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tại sao dễ bị tổn thương (Tình trạng DBTT)	Kinh nghiệm để nâng cao năng lực (Năng lực phòng, chống thiên tai trong hoạt động sinh kế)	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động sinh kế (Rủi ro thiên tai)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

(Xem thêm ví dụ cho Công cụ 2 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 4-Bảng 6.9)

CÔNG CỤ 4: BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI

Gồm 2 loại:

a. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai (dân tự vẽ)

b. Xây dựng bản đồ RRTT ứng dụng công nghệ bản đồ số (chính quyền chủ trì)

1. Mục tiêu:

- Dân tự vẽ sơ họa: thể hiện những rủi ro thiên tai đã xảy ra trên địa bàn mình sinh sống trên cơ sở sơ họa bản đồ hoặc sơ họa trên bản đồ nền sẵn có nhằm nâng cao nhận thức người dân về rủi ro thiên tai. Sơ họa bản đồ do dân tự vẽ không nhất thiết phải theo tỷ lệ thực và các ký hiệu theo quy định;
- Ứng dụng công nghệ để xây dựng bản đồ số: xây dựng bản đồ chuẩn theo tỷ lệ, ký hiệu và hướng chuẩn, nhằm tích hợp và cập nhật vào hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai các cấp;
- Bản đồ RRTT cần đưa ra thông tin dễ hiểu, trình bày các giải pháp cụ thể để giảm thiểu các nguy cơ đặc biệt đối với các vùng thấp trũng, khu nhà yếu, các bến tàu xe, khu nhà trọ , khu ở của người thu nhập thấp, trường học;

- Bản đồ RRTT xác định được các khu vực nguy hiểm và khu vực an toàn đối với từng loại thiên tai đồng thời xác định được các điểm tránh trú an toàn khi sơ tán khẩn cấp, lập phương án ứng phó khi có tình huống khẩn cấp xảy ra;
- Hướng dẫn cách xem bản đồ.
- Bản đồ rủi ro thiên tai có thể được dùng cho các mục đích:
  - ✓ Đặt ở các địa điểm công cộng, khu dân cư tập trung, UBND phường, nhà văn hóa phường, tổ dân phố, trường học, chợ và các điểm vui chơi giải trí,…(in ra các bản đồ khổ lớn, chất liệu bền).
  - ✓ Lưu trong máy tính của phường nhằm phục vụ cho việc cập nhật, chia sẻ thông tin và lập phương án ứng phó thiên tai hàng năm.

2. Thời gian dự kiến:

Tối thiểu 60 phút làm việc với cộng đồng và tối thiểu ½ ngày làm việc tại văn phòng (có sự tham gia của địa chính phường)

3. Dụng cụ chuẩn bị:

- Văn phòng phẩm: Giấy A0, bút dạ nhiều màu (ít nhất có 3 màu xanh, đỏ, đen,…), bút tô nền hoặc bút đánh dấu đọc sách nhiều màu,…
- Thiết bị văn phòng: Máy tính có cài đặt phần mềm xử lý bản đồ, máy chiếu;
- Chuẩn bị bản đồ:
  - ✓ bản đồ giấy: bản đồ hành chính, bản đồ địa hình, địa chất địa mạo,…hoặc bản đồ in ra từ máy tính;
  - ✓ bản đồ số: được in ra từ bản đồ lưu trữ trong máy tính hoặc tải về từ internet

4. Các bước tiến hành:

4.1 Bước 1: Vẽ bản đồ rủi ro thiên tai trên giấy

4.1.1 Vẽ bản đồ sơ họa

Có hai cách để vẽ bản đồ sơ họa:

Cách 1-Dựa vào bản đồ google map:

- Kết nối máy tính có internet với máy chiếu và chiếu lên 1 tờ giấy A0 trắng được đính lên tường, bảng hoặc màn hình máy chiếu,...
- Vào trang web http://maps.google.com gõ từ khóa tên của phường muốn chọn;
- Phóng to bản đồ đến vị trí của phường cho đến khi ranh giới phường phù hợp với kích thước của khổ giấy A0;
- Vẽ các đường nét cơ bản của bản đồ phường lên tờ A0 (sao chép bản đồ trên internet lên tờ A0), bao gồm: địa giới hành chính của phường, vị trí UBND phường, ký hiệu hướng Bắc, các con đường chính nối UBND phường đến trường học, tới các khu dân cư, các khu nhà công cộng, bệnh viện, cơ sở y tế, sông, suối, hồ, ao, hệ thống tiêu thoát nước,…

Hình 4.1: Bản đồ cơ bản của phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang được sao chép từ trang http//www.google.com/earth (hình trên) lên tờ A4 (hình dưới)

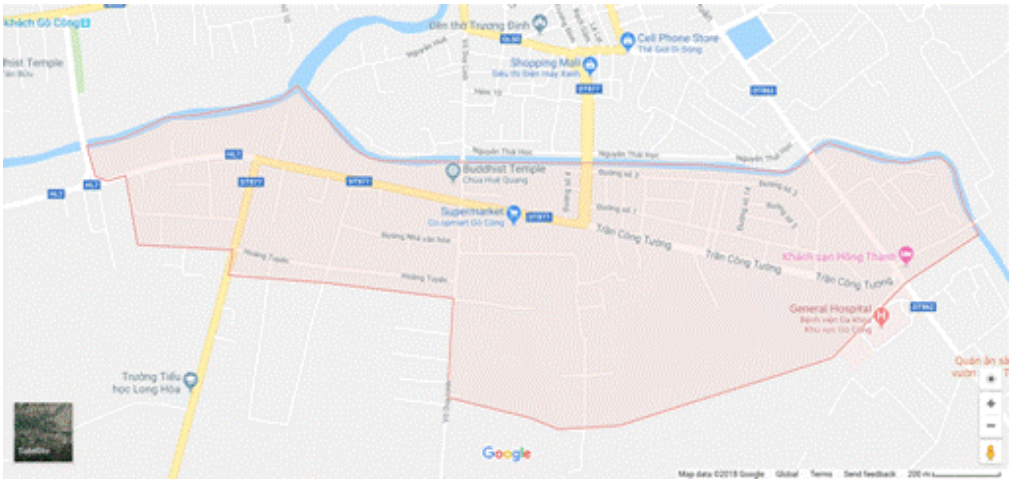

Bên cạnh việc tham khảo internet, bản đồ cơ bản cấp xã/phường có thể tham khảo và truy cập miễn phí từ Thư viện Chính sách và Kỹ thuật Phòng chống thiên tai, của Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật Phòng chống thiên tai, Tổng cục Phòng chống thiên tai (http://www.chinhsach.dmptc.gov.vn:8045/).

Cách 2-Dựa vào bản đồ giấy sẵn có của phường:

Đối với các phường không có điều kiện dùng máy chiếu và máy tính kết nối Internet thì nhóm gồm cán bộ địa chính có thể sử dụng bản đồ nền bằng giấy để xác định các thông tin cơ bản của bản đồ. Sau đó, bản đồ được sao chép sang một tờ A0 với đầy đủ các thông tin cơ bản trước khi điền các thông tin thiên tai vào bản đồ.

4.1.2 Thảo luận về quy mô của bản đồ và thông tin cơ bản:

a. Quy mô bản đồ:

- Nếu địa hình và tình hình thiên tai không phức tạp thì có thể thực hiện quy mô tổ dân phố;
- Những nơi địa hình và tình hình thiên tai phức tạp, có thể có ảnh hưởng RRTT từ các vùng lân cận như lũ quét, sạt lở đất,…thì bản đồ nên được xây dựng ở quy mô cấp phường.

b. Thông tin cơ bản của bản đồ:

- Đường ranh giới của phường;
- Hệ thống sông, suối, ao hồ, hệ thống tiêu, thoát nước,…
- Hệ thống giao thông (ghi rõ tên đường, phố,…);
- Các công trình trên địa bàn phường như: Trụ sở UBND và các nhà văn hóa khu vực, địa điểm trường học, bệnh viện, nhà thi đấu thể thao, công viên, các nhà máy xí nghiệp lớn, khu dân cư và các khu vực đặc biệt,…
- Hệ thống công trình PCTT, kho chứa vật tư thiết bị phục vụ PCTT,… (nếu có);
- Các địa điểm có thể sơ tán dân

Hình 4.1-Ví dụ về ký hiệu sơ họa bản đồ

4.1.3 Thống nhất ký hiệu và màu sắc sử dụng khi vẽ bản đồ:

a. Trong trường hợp xây dựng bản đồ số phải tuân theo tiêu chuẩn quy định về xây dựng bản đồ;

b. Trong trường hợp dân tự vẽ, tự sơ họa thì cần: thống nhất ký hiệu sử dụng, màu vẽ và nội dung ghi chú, trong nội dung ghi chú bao gồm cả ký kiệu của bản đồ nền và thông tin rủi ro thiên tai. Có thể sử dụng màu đỏ dành cho những khu vực không an toàn, dễ bị tổn thương; màu xanh dành cho những khu vực an toàn, nơi có năng lực phòng chống thiên tai hiệu quả. Có thể dùng ký hiệu hoặc giấy màu để dán lên bản đồ nền (Tham khảo Hình 4.1 về cách ký hiệu các thông tin chú thích bản đồ).

4.1.4 Chỉ ra các RRTT và thể hiện trên bản đồ

Sau khi có được bản đồ cơ bản, người chủ trì yêu cầu những người tham gia tập trung về phía bản đồ và thảo luận, cung cấp thông tin đâu là nơi có các rủi ro thiên tai. Ví dụ: Vùng thấp trũng, con đường hay bị ngập lụt, nơi có các hố ga tiêu thoát nước, công trình đang thi công nguy hiểm, nơi dễ bị đuối nước,…Cần lưu ý những RRTT có thể tác động đến nhóm người dễ bị tổn thương.

4.1.5 Xác định khu vực an toàn và không an toàn trên bản đồ cơ bản

Cùng người dân thảo luận và xác định rõ trên bản đồ cơ bản khu vực an toàn, không an toàn và các thông tin khác, ghi chép cẩn thận những thông tin sau:

a. Thông tin về khu vực an toàn: Sử dụng ký hiệu/giấy màu (có thể dùng màu xanh,…) để vẽ/dán lên bản đồ nền về các nơi an toàn. Cụ thể:

- Nơi an toàn có thể sơ tán dân (công sở, nhà chùa, nhà thờ, trường học, nhà kiên cố,…);
- Hệ thống giao thông và hạ tầng cơ bản (trạm y tế, khu vực không ngập, cống, cây xanh, hố ga thoát nước, sân vận động,…);
- Hệ thống trường học an toàn;
- Khu công nghiệp, khu vực sản xuất;
- Các trung tâm chỉ huy PCTT an toàn có thể kết hợp làm nơi sơ tán dân;
- Các công trình phòng chống thiên tai (đê điều, hồ đập, các công trình quản lý,…).

b. Thông tin về khu vực không an toàn: Sử dụng ký hiệu/giấy màu (khác với màu dùng cho khu vực an toàn, có thể dùng màu đỏ,…) để vẽ/dán lên bản đồ nền về các nơi không an toàn. Cụ thể:

- Khu vực công cộng không kiên cố (công sở, trường học, nhà tạm, nhà cấp 4,…);

- Hệ thống giao thông, hạ tầng cơ bản, khu vực dễ bị chia cắt, ngập lụt, sạt trượt,… (Cầu tạm/yếu trạm y tế, cống, cây xanh, hố ga thoát nước,…);
- Các công trình phòng chống thiên tai yếu kém (đê điều, hồ đập, các công trình quản lý,…);
- Khu công nghiệp, khu vực sản xuất, kho bãi, hầm để xe,…

c. Những thông tin không thể hiện được trên bản đồ:

- Hệ thống cảnh báo (loa phát thanh, kẻng, đài, ti vi...);
- Hệ thống điện nước yếu kém;
- Nơi nguy hiểm chưa có biển cảnh báo,…
- Nơi có các đối tượng dễ bị tổn thương (người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ đang nuôi con nhỏ, người neo đơn,…);
- Nơi các đoàn thể hoạt động yếu, chưa có đội xung kích,...
- Gia đình/người dân có kinh nghiệm phòng, chống thiên tai, có thể giúp đỡ người khác;
- Nơi có những tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực và có thể giúp người dân phòng, chống thiên tai.

d. Khai thác bản đồ RRTT:

- Khai thác thông tin
  - ✓ Chi tiết về khu vực an toàn và khu vực có nguy cơ, rủi ro cao;
  - ✓ Hệ thống giao thông và các nguy cơ rủi ro;
  - ✓ Hệ thống trụ sở các cơ quan, các điểm dịch vụ, các điểm sơ tán,…
  - ✓ Khai thác những thông tin chi tiết theo ba lĩnh vực, ba khía cạnh được ghi chú kèm theo trên bản đồ (tham khảo kết quả đã thực hiện tại phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang do tổ chức CRS thực hiện tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 4- bảng 6.11);
- In bản đồ khổ lớn để treo ở trụ sở và những điểm công cộng, đính kèm vào các báo cáo (đánh giá RRTT, phương án ứng phó, kế hoạch PCTT,…).

e. Một số câu hỏi tham khảo trong quá trình vẽ bản đồ như sau:

1) Trên địa bàn phường thường có những loại thiên tai nào?

2) Trong thiên tai những nơi nào dễ bị rủi ro và ảnh hưởng nhất?

3) Đâu là những khu vực dễ bị ngập lụt, hoặc đã từng bị ngập lụt?

4) Đâu là những con đường thường xuyên bị ngập lụt do mưa lũ?

5) Đâu là những khu vực có nhà yếu dễ bị đổ hoặc tốc mái trong bão?

6) Nơi nào có người khuyết tật sinh sống?

7) Nơi nào có các nhà cao tầng, kiên cố?

8) Khi bão và lũ đến người dân thường tránh trú an toàn ở đâu?

9) Đâu là con đường di chuyển an toàn trong thiên tai?

10) Nơi nào có mật độ tập trung cao các cửa hàng buôn bán?

11) Nơi nào có các nhà máy, nơi công nhân ở trọ nhiều?

12) Nơi nào có nguy cơ sạt lở?

13) Nơi nào có nguy cơ bị lũ quét? Hướng của lũ quét từ đâu đến đâu (nếu có)

14) Nơi nào có nguy cơ thiếu nước sinh hoạt trong thiên tai?

15) Nơi nào có nguy cơ ô nhiễm môi trường, phát sinh dịch bệnh sau thiên tai?

16) Nơi nào có hệ thống tường rào, đường điện, hố ga không an toàn?

17) Khu vực ven biển bị ảnh hưởng do bão, sóng, nước biển dâng, sạt lở,…

Hình 4.2. Ví dụ về sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai, địa điểm P5, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang (xem thêm ví dụ về sơ họa bản đồ tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, phụ lục 4)

Lưu ý: Trong trường hợp dân tự sơ họa (không dùng bản đồ có sẵn) thì các bước có thể tiến hành như trên nhưng không cần tỷ lệ.

- Kiểm chứng trên thực địa (theo mẫu hướng dẫn tại Công cụ 5)

4.2 BƯỚC 2: Chuyển thông tin từ bản đồ giấy sang bản đồ số

Cách tiến hành:

Từ các công cụ đã chuẩn bị ở mục 3 và các kết quả đã được thể hiện trên bản đồ ở bước 1 (vẽ bản đồ rủi ro thiên tai trên giấy) và các thiết bị, phần mềm cần thiết khác:

4.2.1 Tiến hành vẽ bản đồ:

- Tô màu bản đồ để phân biệt rõ: đất ở, đất công viên, công trình công cộng, đất mặt nước và các cơ sở hạ tầng đô thị, đất nông nghiệp,...Ký hiệu theo quy chuẩn về ký hiệu bản đồ. Màu sắc có thể sử dụng màu đã quy ước từ trước phù hợp với địa phương đang sử dụng;
- Tiến hành chuyển các thông tin từ sơ họa bản đồ vào bản đồ số. Nên chia bản đồ thành nhiều lớp rủi ro khác nhau ứng với từng loại thiên tai. Ví dụ lớp về rủi ro do bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, nước biển dâng,...
- Kiểm chứng thực địa bản đồ số (theo mẫu hướng dẫn Công cụ 5);
- Hướng dẫn cộng đồng đọc và sử dụng bản đồ.

4.2.2 Trích xuất bản đồ số thành bản đồ ảnh:

- Lưu bản đồ số tổng hợp và theo các lớp khác nhau;
- Trích xuất bản đồ số thành bản đồ ảnh, in và đưa vào Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai và Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp phường.

4.2.3 In bản đồ và treo ở các nơi công cộng

Bản đồ rủi ro thiên tai nên được in khổ lớn, treo ở các nơi công cộng như nhà văn hóa, trường học, chợ, trụ sở UBND phường,... để cộng đồng dễ thấy và sử dụng.

4.2.4 Cập nhật bản đồ hàng năm

- Bản đồ số cần được cập nhật hàng năm, đặc biệt khi có thiên tai xảy ra, thay đổi về quy hoạch,...
- Tham khảo thông tin của Công cụ 5 để cập nhật bản đồ.

CÔNG CỤ 5: BỔ SUNG THÔNG TIN VÀ KIỂM CHỨNG TRÊN THỰC ĐỊA

5.1 Mục đích

- Kiểm chứng và bổ xung thông tin sơ họa bản đồ và bản đồ số rủi ro thiên tai;
- Chi tiết thông tin về hiện trạng cơ sở hạ tầng đô thị, nhà ở, trường học, khu di tích, điểm lưu trú và các điểm nguy cơ để thống kê các điểm tiềm ẩn các rủi ro trong thiên tai, các điểm và công trình có thể được sử dụng làm nơi tránh trú an toàn trên địa bàn phường và những điểm nguy cơ đưa vào bản đồ.

5.2 Thời gian: Thời gian thực hiện khảo sát thực địa có thể được tiến hành ngay sau khi thực hiện buổi tham vấn cộng đồng về lịch sử thiên tai và sơ họa bản đồ.

5.3 Chuẩn bị:

- Chuẩn bị Bảng danh mục của vùng an toàn, vùng không an toàn và những thông tin chưa được thể hiện trên bản đồ (nơi có cây xanh và đường điện không an toàn, nơi có nhà yếu nhà tạm tỷ lệ cao, nơi có nhiều người khuyết tật và người nhập cư thuê trọ, nơi tập trung nhiều các cửa hàng kinh doanh nhưng các kiot tạm bợ,..);
- Dựa vào thông tin từ các bảng trên, nhóm HTKT sẽ thảo luận để xác định các địa điểm sẽ đi khảo sát;
- Tùy từng quy mô của phường mà nhóm HTKT sẽ quyết định việc chia các nhóm thực địa theo sở trường và chuyên môn phụ trách.

Để việc bổ sung và kiểm chứng có hiệu quả, mỗi nhóm nên có khoảng 3-4 người. Mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng có trách nhiệm báo cáo kết quả sau khi đã hoàn thành công việc thực địa. Đại diện lãnh đạo UBND phường là người chủ trì phân công vị trí các nhóm đi thực địa. Tùy số lượng nhóm mà khu vực tổ dân phố có thể được chia ra theo số nhóm khu vực. Cần có trao đổi và phỏng vấn người dân, chú ý đến người có kinh nguyện, uy tín và sống lâu trên địa bàn.

5.4 Tiến hành khảo sát

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật được phân công sẽ sử dụng các bảng biểu trong phần phụ lục công cụ 5 theo sở trường, theo tuyến khảo sát để tiến hành quan sát, phỏng vấn người có liên quan và thu thập thông tin sử dụng mẫu số...và chụp ảnh những vùng nguy cơ cao đính kèm vào báo cáo đánh giá Trong quá trình khảo sát nên lưu ý đến mọi địa điểm mà có ẩn chứa các hiểm họa.

5.4.1 Các bước khảo sát thực địa

Bước 1: Xác định các khu vực cần khảo sát, chia nhóm hỗ trợ kỹ thuật theo tuyến và theo khu dân cư

- Vùng thấp trũng dễ bị ngập lụt;
- Hệ thống điện, hệ thống thoát nước;
- Các điểm nhà cao tầng kiên cố có thể sử dụng làm nơi tránh trú an toàn;
- Vùng ven sông, ven kênh rạch dễ sạt lở;
- Nơi có cây xanh và đường điện không an toàn;
- Nơi có mật độ nhà yếu và nhà tạm cao;
- Nơi có nhiều người khuyết tật và người nhập cư thuê trọ;
- Nơi tập trung nhiều các cửa hàng kinh doanh nhưng các kiot lại tạm bợ.

Bước 2: Tiến hành thu thập thông tin vào bảng biểu

Ngoài kiểm chứng thực địa, tùy theo điều kiện có thể thu thập thông tin liên quan (Có thể tham khảo trong PHẦN 6-PHỤ LỤC, phụ lục 4-bảng 6.11 do tổ chức CRS thực hiện ở Thị xã Gò Công, Tiền Giang

Lưu ý: trong bước 2 cần tiến hành đánh giá cả những khu vực an toàn, những con đường và phương án sơ tán trong trường hợp khẩn cấp

Bước 3: Nhóm HTKT (có sự tham gia của cán bộ địa chính phường) tổng hợp và hoàn thiện bản đồ, viết báo cáo.

5.4.2. Tổng hợp kết quả

Nhóm trưởng thay mặt nhóm mình báo cáo kết quả khảo sát bằng các bảng số liệu trên kèm theo các ghi chú về các rủi ro nếu có. Thông thường đây là các "vấn đề", và các mối nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra các tai nạn thương tích trong hoàn cảnh thiên tai và ngay cả trong điều kiện bình thường. Kết quả này có thể được dùng bổ sung vào hoạt động Lập bản đồ rủi ro thiên tai nếu việc khảo sát thực địa được tiến hành trước đó. Trong trường hợp việc khảo sát thực địa tiến hành sau hoạt động sơ họa bản đồ thì các thông tin khảo sát cần được cập nhật trên bản đồ.

5.5 Kết quả đầu ra: Hiện trạng cơ sở hạ tầng đô thị và nhà ở phòng chống thiên tai bao gồm cả những rủi ro tiềm ẩn và cả những năng lực của cơ sở hạ tầng,

Thông tin thu thập được tổng hợp vào các bảng theo mẫu dưới đây.

Có thể tham khảo thêm bảng hoàn thiện thu thập thông tin thực hiện ở Gò Công, Tiền Giang tại **PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 4-Bảng 6.12.1 đến Bảng 6.12.8.**

CÔNG CỤ 6: ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

6.1. Mục tiêu:

Thu thập, tổng hợp, thông tin và ý kiến đánh giá điểm mạnh và điểm yếu liên quan tới PCTT cấp phường (bộ máy, hệ thống thông tin; công trình PCTT; ý thức, năng lực của người dân,…), phân tích xác định cơ hội và thách thức.

6.2. Thời gian: Được thực hiện đồng thời cùng với 05 Công cụ đã nêu trên

6.3. Chuẩn bị:

- Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm.
- Xác định địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc.
- Kẻ sẵn Bảng công cụ 6-bảng 4.7:

Bảng 4.7. Mẫu đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

Nội dung đánh giá	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

6.4. Điểm mạnh điểm yếu cơ hội thách thức

6.4.1. Điểm mạnh:

a. Bộ máy, tổ chức, nhân lực: Năng lực, trình độ, kinh nghiệm (kỹ thuật, công nghệ, cán bộ Phường hầu hết có trình độ đại học);

b. Hệ thống thông tin liên lạc (thông tin cảnh báo sớm, các phương tiện cá nhân hiện đại, nguồn điện tốt hơn, phương tiện tiếp nhận (loa, đài, TV, dịch vụ internet và mạng xã hội, báo chí,…);

c. Hạ tầng: Giao thông thuận lợi, nhiều công trình kiên cố (công cộng, nhà dân), bệnh viện, siêu thị, chợ, dịch vụ tốt hơn (nhu yếu phẩm cần thiết, lương thực, nước uống…), kêu gọi trợ giúp nhanh, xử lý sự cố nhanh hơn;

d. Nguồn lực có sẵn: các tổ chức sản xuất, kinh tế, dịch vụ… dồi dào, huy động thuận tiện;

e. Nhận thức cộng đồng: có nhận thức chung cao, trong đó có nhận thức về PCTT; có nhiều cơ hội trao đổi, chia sẻ thông tin; người cao tuổi, nghỉ hưu hầu hết đều có trình độ, kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực;

f. Công trình phòng chống thiên tai: hầu hết có hệ số an toàn cao, kiên cố, được đầu tư, duy tu bảo dưỡng thường xuyên;;

g. Ba lĩnh vực (an toàn cộng đồng, sản xuất kinh doanh, sức khỏe vệ sinh môi trường), ba khía cạnh (vật chất, tổ chức xã hội, nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ): cần phân tích cụ thể cho từng lĩnh vực, từng khía cạnh để xác định rõ điểm mạnh của các yếu tố này trong PCTT.

6.4.2 Điểm yếu:

- Đào tạo, tập huấn chưa được thường xuyên;
- Mối gắn kết cộng đồng chưa cao, khó di dời xen ghép do đặc thù sinh hoạt;
- Mật độ dân số đông, địa bàn chật hẹp, việc tổ chức sơ tán gặp nhiều khó khăn;

- Số lượng tạm trú (ở bệnh viện, khách sạn, khách du lịch, lao động ko đăng ký tạm trú,…) biến động, có nguy cơ rủi ro cao khi thiên tai xảy ra;
- Ba lĩnh vực (an toàn cộng đồng, sản xuất kinh doanh, sức khỏe vệ sinh môi trường), ba khía cạnh (vật chất, tổ chức xã hội, nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ): cần phân tích cụ thể cho từng lĩnh vực, từng khía cạnh để xác định rõ điểm yếu của các yếu tố này trong PCTT.
- Cán bộ PCTT kiêm nhiệm

6.4.3. Cơ hội: có nhiều điều kiện để duy trì, phát huy được những điểm mạnh trên địa bàn trong PCTT (những điểm mạnh đã được phân tích ở trên).

6.4.4. Thách thức: xây dựng các phương án để khắc phục điểm yếu, có thể bao gồm:

- Thiếu cán bộ chuyên trách phù hợp, đặc biệt trong PCTT;
- Quản lý tạm trú thành phần lao động tự do;
- Xác định địa điểm sơ tán;
- Ách tắc giao thông trong thiên tai;
- Hệ thống điện, cấp thoát nước và các dịch vụ cơ bản gặp sự cố;
- Ngôn ngữ thông báo cho khách du lịch khi gặp thiên tai;
- …

6.5. Tổ chức thực hiện:

6.5.1. Giới thiệu

Hướng dẫn và giải thích cho người tham gia hiểu về Công cụ 6 - Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong công tác PCTT.

6.5.2. Thảo luận thống nhất với các thành phần tham gia về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, điền vào Bảng 4.7, có thể tham khảo Bảng 4.7a dưới đây:

Bảng 4.7a. Ví dụ về đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

Nội dung đánh giá	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
Bộ máy, tổ chức, nhân lực (Các tổ chức, cá nhân)	Năng lực, trình độ, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân (kỹ thuật, công nghệ, cán bộ Phường hầu hết có trình độ đại học).	• Đào tạo, tập huấn cho tổ chức, cá nhân chưa được thường xuyên • Kinh nghiệm • Tinh thần trách nhiệm	• Tổ chức tập huấn thường xuyên cho các tổ chức, cá nhân • Tạo cơ hội giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm • Xây dựng quy chế quy định trách nhiệm	Thiếu cán bộ chuyên trách phù hợp, đặc biệt trong PCTT

Nội dung đánh giá	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Hệ thống thông tin liên lạc	Thông tin cảnh báo sớm, các phương tiện cá nhân hiện đại, nguồn điện tốt hơn, phương tiện tiếp nhận (loa, đài, TV, dịch vụ inter-net và mạng xã hội, báo chí,…). • Có thể tiếp cận được nguồn thông tin quốc tế và Trung ương			Trách nhiệm truyền và nhận tin của tổ chức, cá nhân có liên quan
Hạ tầng	Giao thông thuận lợi, nhiều công trình kiên cố (công cộng, nhà dân), bệnh viện, siêu thị, chợ, dịch vụ tốt hơn (nhu yếu phẩm cần thiết, lương thực, nước uống…), kêu gọi trợ giúp nhanh, xử lý sự cố nhanh hơn	• Mật độ dân số đông, địa bàn chật hẹp, việc tổ chức sơ tán gặp nhiều khó khăn. • Số lượng tạm trú (ở bệnh viện, khách sạn, khách du lịch, lao động ko đăng ký tạm trú,…) biến động, có nguy cơ rủi ro cao khi thiên tai xảy ra	• Áp dụng kết quả công cụ 5 xác định địa điểm an toàn và không an toàn	• Xác định các địa điểm an toàn để sơ tán • Quản lý tạm trú thành phần lao động tự do • Ách tắc giao thông trong thiên tai • Hệ thống điện, cấp thoát nước và các dịch vụ cơ bản gặp sự cố
Nguồn lực có sẵn	Các tổ chức sản xuất, kinh tế, dịch vụ… dồi dào, huy động thuận tiện.	• Chưa đủ số lượng và chất lượng để đáp ứng theo yêu cầu	Tạo ra cơ chế phối hợp, gắn kết giữa các tổ chức, cá nhân	• Có huy động được hay không?

Nội dung đánh giá	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Nhận thức cộng đồng	- Có nhận thức chung cao, trong đó có nhận thức về PCTT; - Có nhiều cơ hội trao đổi, chia sẻ thông tin; - Người cao tuổi, nghỉ hưu hầu hết đều có trình độ, kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực	• Chưa đào tạo, tập huấn về PCTT thường xuyên • Mối gắn kết cộng đồng chưa cao • Chưa có cơ chế để huy động nguồn lực	• Tổ chức đào tạo, tập huấn thường xuyên • Tạo cơ hội để trao đổi thông tin trong cộng đồng • Tạo điều kiện để tham gia	• Không có nguồn kinh phí để thực hiện • Chưa có địa điểm hoặc phương thức giao lưu phù hợp • Tính tự giác và chủ động tham gia chưa cao
Công trình phòng chống thiên tai	Hầu hết có hệ số an toàn cao, kiên cố, được đầu tư, duy tu bảo dưỡng thường xuyên	Huy động cộng đồng tham gia vào quá trình duy tu bảo dưỡng công trình khó khăn	Sử dụng đa mục tiêu công trình PCTT cho khu vực đô thị	Công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân
Các nội dung khác (phát triển du lịch,….)	Có nhiều khách du lịch	Số lượng biến động, khó quản lý	Tăng việc làm và thu nhập	Ngôn ngữ thông báo cho khách du lịch khi gặp thiên tai

Ngoài ra, có thể xem xét, tham khảo thêm ví dụ dưới dây:

Nhóm HTKT, nhóm cộng đồng và những người tham gia rà soát, xác định những tổ chức, cá nhân trên địa bàn có liên quan tới công tác PCTT để phân tích, đánh giá theo những nội dung đã hướng dẫn, điền vào bảng 4.7, có thể tham khảo ví dụ tại bảng 4.7b.

Bảng 4.7b. Ví dụ về đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

Tổ chức, cá nhân	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
Công ty xây dựng A	Có lực lượng, thiết bị, phương tiện,…	Chưa được tập huấn, đào tạo, diễn tập	Được chủ động tham gia vào công tác PCTT có hiệu quả	Chưa có quy chế của công ty xây dựng A trong việc tham gia PCTT
Nhà chùa	Sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ cộng đồng	Không có người tổ chức	Sẵn sàng chia sẻ địa điểm sơ tán	Thái độ, ứng xử và sinh hoạt ở nơi tôn nghiêm
….				

6.5.3. Kết quả đầu ra

Sử dụng kết quả của Công cụ này làm cơ sở để xây dựng kế hoạch PCTT tại phường, đặc biệt là công tác phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức cá nhân theo điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức. Đồng thời, nhóm HTKT có thể lên phương án phối hợp giữa các bên liên quan để phát huy các điểm mạnh, tận dụng cơ hội và khắc phục điểm yếu của các tổ chức, cá nhân trong công tác PCTT.

Xem thêm ví dụ về Công cụ 6 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 4-Bảng 6.13.

CÔNG CỤ 7: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

7.1. Mục tiêu:

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng sử dụng kết quả của 06 công cụ thu thập thông tin để xây dựng bảng tổng hợp RRTT, bao gồm: loại hình thiên tai, xu hướng thiên tai, tình trạng DBTT, năng lực PCTT, rủi ro thiên tai.

7.2. Thời gian: Sau khi hoàn thành các công cụ từ 1 đến 6.

7.3. Chuẩn bị:

- Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm;
- Xác định địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc;
- Kết quả của 6 công cụ đã thực hiện;
- Kẻ sẵn bảng công cụ 7 theo mẫu Bảng 4.8.

Bảng 4.8. Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

Thiên tai	Xu hướng thiên tai	TTDBTT	Năng lực phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

7.4. Trình tự thực hiện:

1. Nhóm HTKT và nhóm cộng đồng thu thập đầy đủ kết quả của 6 công cụ đã thực hiện.

2. Nhóm trưởng phân công các thành viên tổng hợp theo từng nội dung

3. Cử thư ký ghi vào bảng tổng hợp:

- Cột (1) (Thiên tai): Tổng hợp số liệu từ công cụ 2 – Lịch sử thiên tai, công cụ 3 – Phân tích sinh kế; công cụ 4 – Bản đồ RRTT;
- Cột (2) (Xu hướng thiên tai): Tổng hợp số liệu từ công cụ 2 – Lịch sử thiên tai, công cụ 3 – Phân tích sinh kế; công cụ 4 –Bản đồ RRTT;
- Cột (3) (Tình trạng DBTT): Tổng hợp số liệu từ công cụ 3 – Phân tích sinh kế; công cụ 4 –Bản đồ RRTT, công cụ 5- Bổ sung thông tin và kiểm chứng thực địa; công cụ 6 – Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức;
- Cột (4) (Năng lực PCTT): Tổng hợp số liệu từ công cụ 3 – Phân tích sinh kế; công cụ 4 – Bản đồ RRTT, công cụ 5- Bổ sung thông tin và kiểm chứng thực địa; công cụ 6 – Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức;
- Cột (5) (Rủi ro thiên tai): Tổng hợp số liệu từ công cụ 3 - Phân tích sinh kế, công cụ 4 – Bản đồ RRTT.

Xem thêm ví dụ về công cụ 7 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, Phụ lục 4-bảng 6.14

CÔNG CỤ 8: XẾP HẠNG

8.1 Mục tiêu:

Xếp hạng RRTT, xếp hạng giải pháp, xếp hạng thứ tự ưu tiên, vấn đề quan tâm của người dân tại địa phương.

8.2 Thời gian: Ngay sau khi hoàn thành công cụ 7 – Tổng hợp RRTT

8.3 Chuẩn bị:

- Văn phòng phẩm, phiếu để xếp hạng;
- Xác định địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc;
- Kết quả của công cụ 7 - Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai;
- Kẻ sẵn bảng công cụ 8-bảng 4.9: (theo tổ hoặc cụm tổ dân phố).

Bảng 4.9 Mẫu công cụ xếp hạng

BẢNG XẾP HẠNG RRTT Tổ dân phố: ..... Phường ..... Số người tham gia xếp hạng: .....Nam; .....Nữ				
Rủi ro thiên tai	**Số phiếu cho các thông tin**		**Tổng số phiếu**	**Thứ tự xếp hạng**
	Nhóm Nam	**Nhóm Nữ**		
(1) (Một số ví dụ)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
Nhóm rủi ro về người, rủi ro cho đối tượng dễ bị tổn thương (số người có khả năng bị ảnh hưởng)				
Nhóm rủi ro về sản xuất kinh doanh				
Nhóm rủi ro về cơ sở hạ tầng, công trình PCTT				
….				

8.4 Trình tự thực hiện:

- Tổ chức họp với người dân tham gia đánh giá và giải thích ý nghĩa của hoạt động xếp hạng (xếp hạng RRTT, xếp hạng giải pháp PCTT,…);
- Phổ biến thông tin cần xếp hạng và các tiêu chí xếp hạng cho từng loại thông tin đó;
- Tiêu chí xếp hạng:
  - ✓ Đối với RRTT, tiêu chí gồm: sức mạnh, tần suất xảy ra của thiên tai, phạm vi ảnh hưởng, mức độ thiệt hại có thể xảy ra, ...
  - ✓ Đối với các giải pháp, tiêu chí gồm: các giải pháp công trình và phi công trình

- ✓ Đối với thứ tự ưu tiên về giải pháp và đầu tư: tính cấp thiết, tính khả thi, khả năng huy động nguồn lực để thực hiện, số người hưởng lợi, ...

- Cách xếp hạng: thông tin điền vào bảng 4.9
  - ✓ Mỗi tổ dân phố/cụm tổ dân phố được chia thành hai nhóm Nam và Nữ để tiến hành xếp hạng;
  - ✓ Mỗi người được phát số lượng phiếu tương ứng với số lượng thông tin cần xếp hạng (RRTT, giải pháp PCTT, thứ tự ưu tiên);
  - ✓ Căn cứ tiêu chí xếp hạng để lựa chọn các ưu tiên và bỏ phiếu vào các ô tương ứng (Nam bỏ phiếu vào nhóm Nam, Nữ bỏ phiếu vào nhóm Nữ);
  - ✓ Ví dụ: quy ước bỏ 3 phiếu với những rủi ro cao cần được ưu tiên; bỏ 2 phiếu với những rủi ro ở mức độ trung bình và bỏ 1 phiếu đối với những rủi ro ở mức độ thấp...
  - ✓ Tổng hợp số phiếu và ghi tổng số phiếu vào cột (2) đối với Nam và cột (3) đối với Nữ;
  - ✓ Cộng điểm nhóm Nam ở cột (2) và nhóm Nữ ở cột (3) để đưa vào cột (4)- Tổng điểm;
  - ✓ Tiến hành xếp hạng: Căn cứ vào số điểm ở cột (4), lựa chọn ưu tiên theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp để điền vào cột 5. Thông tin nào có số điểm cao nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất (số 1) và tương tự cho đến hết;
  - ✓ Trường hợp các thông tin có tổng điểm ở cột (4) bằng nhau, có thể dùng cách biểu quyết trực tiếp để sắp xếp lại thứ tự ưu tiên của các thông tin đó.
- Tổng hợp xếp hạng toàn phường:

Từ kết quả xếp hạng của tổ dân phố/cụm tổ dân phố, nhóm HTKT tổng hợp xếp hạng cho toàn phường theo mẫu sau:

Bảng 4.10 Tổng hợp thông tin kết quả xếp hạng

BẢNG XẾP HẠNG:.(tên phường).....												
Hạng mục	**Số phiếu cho các thông tin**								**Toàn phường**			**Thứ tự xếp hạng**
	Tổ dân phố A		**Tổ dân phố B**		**.....**		**Tổ dân phố N**					
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
I. Rủi ro thiên tai												
Nhóm rủi ro về người												
Nhóm rủi ro về sản xuất kinh doanh												
Nhóm rủi ro về cơ sở hạ tầng, công trình PCTT												
...												

BẢNG XẾP HẠNG:.(tên phường).....												
Hạng mục	Số phiếu cho các thông tin								Toàn phường			Thứ tự xếp hạng
	Tổ dân phố A		Tổ dân phố B		.....		Tổ dân phố N					
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng điểm	
II. Giải pháp												
…												
III. Xếp thứ tự ưu tiên												
…												

Xem thêm ví dụ về Công cụ 8 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, phụ lục 3, bảng 6.15 và bảng 6.16.

CÔNG CỤ 9: PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

9.1 Mục tiêu:

Phân tích nguyên nhân sâu xa của các rủi ro và đề ra giải pháp khả thi

9.2 Thời gian: thực hiện sau khi xếp hạng RRTT

9.3 Chuẩn bị:

- Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm;
- Xác định địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc;
- Kẻ bảng công cụ 9-Bảng 4.11.

Bảng 4.11. Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp

Thứ tự ưu tiên các loại hình thiên tai trên địa bàn	Rủi ro thiên tai	Nguyên nhân (trực tiếp, gián tiếp)	Giải pháp
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
Bão	RRTT 1		
	RRTT 2		
Ngập lụt	…		
	…		
Sạt lở đất	…		
...	…		

9.4 Trình tự thực hiện:

9.4.1 Giới thiệu

Giới thiệu về mục đích, ý nghĩa của công cụ Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp

9.4.2. Xác định nguyên nhân

Từ kết quả công cụ xếp hạng rủi ro (công cụ 8), lựa chọn các rủi ro thiên tai liên quan mà cộng đồng ưu tiên và mong muốn được giải quyết để đưa vào phần phân tích xác định nguyên nhân và giải pháp. Mỗi rủi ro thiên tai có thể có nhiều nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp. Việc xác định nguyên nhân sâu xa nhằm mục đích tìm ra gốc rễ vấn đề để xác định giải pháp phù hợp.

Ví dụ câu hỏi thảo luận: các loại thiên tai thường gặp trên địa bàn là gì? Mức độ rủi ro của từng loại thiên tai đó? Nguyên nhân xảy ra rủi ro (do thiên nhiên, do con người, hạ tầng, tổ chức...)? Có thể làm gì để giảm nhẹ các rủi ro?, ...

9.4.3. Phân tích nguyên nhân

Phân tích theo 3 khía cạnh: Vật chất; Tổ chức/xã hội; Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.

Ví dụ về vấn đề: Nhà ở đô thị có nguy cơ bị sập đổ do bão:

- Vật chất:
  - ✓ Do nhà cấp 4 yếu;
  - ✓ Do nhà không được chằng chống trước bão;
- Tổ chức xã hội:
  - ✓ Do không được thông báo tin bão kịp thời;
  - ✓ Do không được cảnh báo kịp thời;
- Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:
  - ✓ Do chủ quan bão không lớn;
  - ✓ Do không có kinh nghiệm ứng phó với bão;
  - ✓ Nhà neo người, các thành viên trong gia đình thuộc đối tượng dễ bị tổn thương không có khả năng tự chằng chống;
- Nhóm HTKT hướng dẫn tổng hợp, phân tích, sắp xếp các nguyên nhân để thấy được mối quan hệ của thiên tai với rủi ro thiên tai (thiên tai-tình trạng dễ bị tổn thương-năng lực phòng chống).

Những người tham gia tự đánh giá, xắp xếp theo quan điểm của mình, viết lên thẻ, sau đó thảo luận để thống nhất thứ tự ưu tiên.

- Tổng hợp thông tin vào cột 1 đến cột 3-bảng 4.9

9.4.4 Xác định giải pháp

Nhóm HTKT thảo luận với người tham gia xác định những giải pháp khả thi để điền vào cột (4).

Ví dụ: Với nguyên nhân do nhà neo người không có khả năng tự gia cố mái che, biển hiệu quảng cáo, thì cần có giải pháp hỗ trợ.

Xem thêm ví dụ về Công cụ 9 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, phụ lục 3, bảng 6.15 và bảng 6.17.

CÔNG CỤ 10: TỔNG HỢP GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

10.1 Mục tiêu

Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai theo thứ tự ưu tiên

10.2 Thời gian: thực hiện sau công cụ 9

10.3 Chuẩn bị:

- Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm;
- Xác định địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc.

Kẻ bảng công cụ 10-bảng 4.12 Tổng hợp giải pháp PCTT

10.4 Trình tự thực hiện:

10.4.1. Xếp hạng giải pháp PCTT

Sử dụng kết quả tổng hợp, phân tích của công cụ 8 và công cụ 9 để lựa chọn thứ tự ưu tiên các giải pháp PCTT và đưa vào bảng 4.12.

Cần lưu ý phân tích các tiêu chí dưới đây để hoàn thiện bảng 10:

- Tính khả thi (khả năng có thể thực hiện được ở cấp phường);
- Tính hiệu quả;
- Số người được hưởng lợi;
- Khả năng huy động nguồn lực.

Sau khi xếp hạng, nhóm HTKT chọn ra một số giải pháp (có thể từ 3-5) để phát triển thành các hoạt động và kế hoạch cụ thể.

Bảng 4.12-Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

STT	Các giải pháp được đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Tổ chức / cá nhân đảm nhiệm	Thời gian dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Dân	Nhà nước	Hỗ trợ bên ngoài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

- Giải pháp đề xuất: Làm gì? (Cột 2);
- Địa điểm và đối tượng hưởng lợi: Cho ai, ở đâu? (Cột 3);
- Các hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp đó: Sẽ làm như thế nào? Bao gồm những hoạt động gì? (Cột 4);
- Tổ chức, cá nhân nào đảm nhiệm? Cột (5);
- Thời gian dự kiến: Sẽ làm vào khung thời gian nào: (Cột 6);
- Nguồn ngân sách dự kiến: Huy động tại chỗ và hỗ trợ từ bên ngoài? (Cột 7-9).

Xem thêm ví dụ về Công cụ 10 tại PHẦN 6-PHỤ LỤC, phụ lục 3, bảng 6.18.

PHẦN 5.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BƯỚC 4 – XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PCTT-DVCĐ

Hướng dẫn chi tiết nội dung xây dựng kế hoạch PCTT cấp Phường có sự tham gia của cộng đồng theo quy định tại Điều 15 của Luật Phòng, chống thiên tai.

Kế hoạch phòng, chống thiên tai được xây dựng tại cấp phường theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được điều chỉnh hàng năm, cập nhật thường xuyên, đặc biệt sau khi có thiên tai lớn hoặc thiên tai cực đoan xảy ra, hoặc có sự điều chỉnh về quy hoạch hay thay đổi lớn về địa hình, phát sinh các khu đô thị, công nghiệp lớn, …

Do đặc thù đô thị có yếu tố người nước ngoài (khách du lịch, khách tạm trú dài hạn, cơ sở kinh doanh, làm việc,…), nên trong kế hoạch PCTT cần được tính đến và thể hiện trong từng giai đoạn phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả.

Nội dung xây dựng Kế hoạch PCTT cấp phường được giới thiệu theo Mẫu dưới đây:

Mẫu -Kế hoạch Phòng chống thiên tai 05 năm cấp phường

UBND PHƯỜNG..... **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày … tháng …năm ….

KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI 05 NĂM

Giai đoạn từ năm …….. đến năm……..

Căn cứ khoản 2, Điều 15 Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo văn bản chỉ đạo số…ngày…tháng …năm… của UBND Quận/huyện…

(Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên quy định về nhiệm vụ và nội dung xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai, lồng ghép kế hoạch phát triển KT-XH, …; Báo cáo đánh giá RRTT-DVCĐ đã được phê duyệt)

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của phường, Ủy ban nhân dân phường xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai 05 năm giai đoạn ……-…..., tầm nhìn…., với các nội dung sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và dự báo tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong phường.

2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong công tác PCTT thuộc địa bàn phường trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm "bốn tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

5. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với công tác PCTT trong tình hình mới tại địa phương.

6. Nâng cao năng lực ứng phó thiên tai, tăng cường về cơ sở vật chất, vật tư phương tiện phòng chống thiên tai xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.

7. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn phường.

8. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

B. NỘI DUNG CỦA "KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI"

I . Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong phường

1. Đặc điểm tự nhiên

Chi tiết về đặc điểm tự nhiên của phường tham khảo PHẦN 4-Bảng 4.2

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

Chi tiết về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng tham khảo PHẦN 4-Bảng 4.3 và PHẦN 6-PHỤ LỤC, phụ lục 2-bảng 6.1 đến 6.7

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình và xu hướng thiên tai

- Nêu loại thiên tai đã xảy ra trong những năm gần đây (5-10 năm) và những thiên tai lịch sử (nếu có);
- Phân tích đặc điểm của từng loại thiên tai theo một số tiêu chí: thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu có thể gây ra sự bất thường của thiên tai hoặc thiên tai cực đoan;
- Những thiệt hại và tác động của thiên tai đã xảy ra ở địa phương;
- Những bài học kinh nghiệm đã được rút ra;
- Nhận định về nguy cơ những loại hình thiên tai có thể xẩy ra trong thời gian tới.

Chi tiết về tình hình và xu hướng thiên tai tham khảo ***PHẦN 4-Bảng 4.4***

2. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân

Xác định rõ những vấn đề cấp thiết cần làm ngay trước mùa thiên tai bão, lũ và các thiên tai khác, xem xét xử lý mối quan tâm lo ngại của người dân đối với những rủi ro có thể xẩy ra, đặc biệt đối với đối tượng dễ bị tổn thương.

3. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

Xác định rõ các yếu tố về cơ cở vật chất, năng lực của cơ quan, tổ chức xã hội về PCTT và nhận thức, kinh nghiệm của cộng đồng, đặc biệt đối tượng DBTT dễ bị ảnh hưởng khi thiên tai xảy ra.

Chi tiết về các yếu tố dễ bị tổn thương tham khảo PHẦN 4-Bảng 4.3, 4.5

4. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai

Xác định rõ các nguồn lực hiện có trong phường và trong dân, khả năng có thể huy động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, bao gồm:

- Cơ sở pháp lý, năng lực bộ máy; nhận thức, kinh nghiệm, kỹ năng của cộng đồng và người dân có thể được huy động và sử dụng trong phòng, chống thiên tai; các nguồn lực (con người, cơ sở vật chất và tài chính; các nguồn lực này ở đâu, do ai đang quản lý, sử dụng);
- Năng lực tổ chức di dời sơ tán dân (địa điểm, phương tiện, tổ chức điều hành);
- Năng lực cứu hộ cứu nạn (con người, phương tiện, trang thiết bị);
- Hệ thống công trình, cơ sở hạ tầng (nhà kiên cố, đường cứu hộ, hệ thống đê điều…);
- Hệ thống cảnh báo, thông tin liên lạc.

Chi tiết về tổng hợp các nguồn lực tham khảo PHẦN 4-Bảng 4.7, 4.8, 4.9

5. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Thu thập và phân tích các thông tin về mức độ nhận thức và hành động của người dân trong công tác phòng, chống thiên tai để có kế hoạch nâng cao nhận thức cho cộng đồng.

6. Phân tích rủi ro - Lựa chọn giải pháp

Phân tích rủi ro do thiên tai gây ra để lựa chọn và tìm ra giải pháp phòng chống thích hợp; đồng thời xác định thứ tự ưu tiên thực hiện cho cộng đồng, chú ý tới nhóm đối tượng DBTT.

III. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả

1. Tổ chức phòng ngừa

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai;

b) Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai;

c) Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có rủi ro thiên tai cao;

d) Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai;

đ) Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình (Tham khảo bảng 4.10);

e) Lập kế hoạch nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác. Các công trình này cần được kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai.

Chi tiết nội dung tại Điều 13, Luật Phòng chống thiên tai; Chi tiết các hoạt động phòng ngừa tại PHẦN 4-Bảng 4.11, 4.12.

2. Xây dựng phương án ứng phó

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

a) Phương án bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm (ví dụ: đê, kè, cống, bờ bao, hồ, đập, hệ thống trạm bơm, kênh, mương,… và các công trình trọng điểm khác);

b) Phương án sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;

c) Phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

d) Quy chế phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

đ) Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;

e) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ), chú ý nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và đảm bảo bình đẳng giới (đặc biệt chú ý nhóm phụ nữ khuyết tật, phụ nữ là người cao tuổi, phụ nữ bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ nghèo, phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ đơn thân, phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số,…);

f) Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai đảm bảo sự tham gia và khả năng tiếp cận thông tin của mọi đối tượng trong cộng đồng;

h) Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật và truyền tải thông tin kịp thời diễn biến thiên tai.

2.2. Phương án ứng phó cho một số loại thiên tai cụ thể (theo Điều 26, Luật PCTT)

** Đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy:*

a) Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

b) Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thuỷ sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác bảo đảm an toàn;

c) Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng trong địa bàn phường;

d) Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

đ) Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

e) Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;

g) Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

h) Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

i) Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

k) Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

** Đối với hạn hán và xâm nhập mặn:*

a) Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn;

b) Kiến nghị vận hành hợp lý các hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;

c) Kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

d) Phối hợp với các đơn vị hữu quan trong việc quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

** Đối với sương muối, rét hại:*

a) Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;

b) Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc;

c) Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

** Đối với động đất, sóng thần:*

a) Chủ động trú, tránh, đảm bảo an toàn khi xảy ra động đất;

b) Chủ động sơ tán ra khỏi khu vực chịu ảnh hưởng của sóng thần;

c) Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương;

d) Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm khác cho người dân bị ảnh hưởng;

đ) Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

** Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác:*

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

2.3 Phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể (theo mục 4.a, Điều 22, Luật Phòng chống thiên tai và hướng dẫn cụ thể tại Nghị định 66/2014/NĐ-CP)

Đối với từng loại thiên tai cụ thể cần xây dựng các phương án ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai, đặc biệt chú ý:

- Cấp độ rủi ro thiên tai liên quan tới trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, ứng phó của phường;
- Đối với thiên tai cực đoan (siêu bão, siêu lũ,…) , trong quá khứ có thể chưa xảy ra đối với một số địa phương, nhưng vẫn phải xây dựng phương án ứng phó theo quy định và theo hướng dẫn của cấp trên.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.

a) Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích;

b) Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;

c) Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trưng dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;

d) Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

đ) Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;

e) Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;

f) Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ.

a) Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả; số liệu phân tách theo nam giới/phụ nữ, độ tuổi và đối tượng DBTT;

b) Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

c) Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất, ưu tiên đối tượng DBTT;

d) Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

đ) Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

(Chi tiết nội dung tại điều 30, 31 Luật PCTT; Chi tiết các hoạt động khắc phục hậu quả tại PHẦN 4-Bảng 4.11, 4.12)

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Xác định rõ trách nhiệm, phân công cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể và các cá nhân thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai:

- Chủ tịch UBND phường chỉ đạo hoàn thiện, phê duyệt bản kế hoạch và tổ chức thực hiện;
- Phân công cụ thể và xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và từng tổ dân phố;
- Tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho người dân về Kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch;
- Huy động người dân tham gia thực hiện các hoạt động theo kế hoạch;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng; tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai.

2. Xác định nguồn lực để thực hiện bản kế hoạch

Cần xác định nguồn lực để thực hiện Kế hoạch PCTT, trong trường hợp thiên tai không xảy ra thì vẫn phải xác định nguồn lực để thực hiện kế hoạch này cho các hoạt động phòng ngừa như tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức, diễn tập, tập huấn,… bao gồm một số nguồn lực chủ yếu sau:

- Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn phường là lực lượng tại chỗ thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai;
- Các nguồn lực từ các tổ chức chính trị xã hội trong phường; ví dụ: lực lượng dân quân tự vệ, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ,…
- Các nguồn vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm trong cộng đồng;
- Hệ thống thông tin, truyền thông công cộng;
- Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Các nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;
- Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các tổ chức khác.

3. Xây dựng tiến độ thực hiện

Xây dựng tiến độ thực hiện các nội dung trong kế hoạch PCTT một cách chi tiết, rõ ràng; theo dõi, giám sát, đánh giá cho từng hoạt động (Ví dụ: thời gian diễn tập, thời gian hoàn thành việc thành lập các nhóm, thành lập Ban chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn cấp phường, thời gian hoàn thành việc giám sát, đánh giá,…).

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị lên cấp trên (Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, UBND) để xin ý kiến chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện;
- Đề xuất các giải pháp phù hợp và huy động các nguồn lực khả thi để thực hiện kế hoạch.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- UBND quận/huyện;
- .....

PHẦN 6.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ NHÓM CỘNG ĐỒNG

1. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp phường

- Tham mưu cho UBND phường xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương;
- Giúp UBND phường điều phối các hoạt động của các nhóm cộng đồng;
- Tổ chức họp từng tổ dân phố (20-30 người) gồm đại diện các tổ chức, đại diện người dân, chú ý đối tượng DBTT (ít nhất 30% là nữ giới) để thu thập thông tin về thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực và nhận thức của người dân;
- Khảo sát thực tế, trao đổi tiếp xúc với các hộ gia đình (mỗi tổ dân phố ít nhất 10 hộ) để bổ sung thông tin;
- Thu thập thông tin từ các tài liệu có liên quan đến công tác quản lý thiên tai;
- Tổng hợp thông tin, đối chiếu, phân tích và so sánh nhằm xác định giải pháp, lập kế hoạch phòng chống thiên tai (Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng và người dân cùng thảo luận để xác định được các rủi ro thiên tai và xếp hạng theo thứ tự ưu tiên; Tìm ra nguyên nhân dẫn đến các rủi ro để đưa ra được các giải pháp phù hợp và lập kế hoạch phòng chống thiên tai cho phường);
- Sơ họa bản đồ, khai thác thông tin trên bản đồ, kiểm chứng cùng người dân;
- Trình bày kết quả đánh giá, bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai; mời người dân bổ sung ý kiến và xếp hạng giải pháp;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cùng Nhóm cộng đồng lập kế hoạch chi tiết gồm các nội dung: Hoạt động cụ thể, người thực hiện, người chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện, nguồn kinh phí và theo dõi, giám sát; báo cáo UBND phường;
- Chủ động và trực tiếp triển khai các hoạt động chuyên môn được giao như việc theo dõi, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn, đảm bảo đạt được mục đích, nội dung và hiệu quả.

* Tuyên truyền, tập huấn

- Tổ chức đánh giá nhu cầu tập huấn của cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Tham mưu cho UBND phường trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn;
- Tham gia tổ chức và là tập huấn chính của các khóa tập huấn cho cộng đồng và các cán bộ làm công tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại phường;

- Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả các khóa tập huấn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng như: nội dung tài liệu đào tạo, kỹ năng và phương pháp tập huấn...

* Đánh giá rủi ro thiên tai

- Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi phường;
- Tổ chức việc thu thập số liệu phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu;
- Phối hợp và tham gia xây dựng tài liệu tập huấn về đánh giá rủi ro thiên tai;
- Xây dựng báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện "Đánh giá rủi ro thiên tai";
- Dự thảo kế hoạch PCTT - DVCĐ cấp phường.

* Theo dõi, đánh giá

- Tham mưu cho UBND phường xây dựng các chỉ số theo dõi, đánh giá, cũng như kế hoạch giám sát, đánh giá;
- Tổ chức đánh giá, theo dõi kết quả và tiến độ thực hiện;
- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng theo dõi, đánh giá;
- Xây dựng báo cáo hàng năm, 05 năm về theo dõi, đánh giá.

2. Nhóm cộng đồng

Phối hợp chặt chẽ và tham gia đầy đủ các "Nội dung hoạt động" của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật đã nêu trên ở phạm vi phường.

PHỤ LỤC 2-THU THẬP THÔNG TIN CHI TIẾT

Bảng 6.1. Tình hình dân số trên địa bàn phường

Dân số	Toàn phường			Theo khối dân phố			
	Tổng	Nam	Nữ	KP1	KP2	KP3	KP4
Dân số							
Số hộ							
Số hộ nghèo							
Độ tuổi lao động (từ 15 tuổi đến 55 (nữ) và 60 (nam))							
Đối tượng dễ bị tổn thương							
Người cao tuổi							
Trẻ em (từ …đến…tuổi)							
Người khuyết tật							
Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi							
Người bị bệnh hiểm nghèo							
Người nghèo							
Nhóm đối tượng cần được quan tâm							
Người lao động tạm cư							
Sinh viên đang thuê trọ (nếu có)							

Bảng 6.2. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Loại hình sản xuất kinh doanh	Chủ sở hữu		Ghi chú
		Công ty vừa và nhỏ	Hộ gia đình	
1	Dịch vụ khách sạn, lưu trú			
2	Dịch vụ ăn uống			
3	Tạp hóa/buôn bán nhỏ			
4	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp			
5	Sản xuất chế biến nông thủy sản			
6	Khác, ghi rõ			

Bảng 6.3 Thống kê hiện trạng nhà ở tư nhân (hộ gia đình) và khả năng chống chịu trong thiên tai trên địa bàn

Địa bàn	Loại nhà (cấp 4 hay nhà tạm)	Số lượng	Hình thức sử dụng			Số lượng nhà KHÔNG an toàn trong các loại hình thiên tai khác nhau (*)			
			Chính chủ ở	Cho thuê ở	Cho thuê kinh doanh	Lụt	Bão		
Khối phố 1									
Tổ dân phố 2									

** Chú thích: Tùy từng địa phương mà có các loại thiên tai khác nhau*

Bảng 6.4. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc, cảnh báo sớm thiên tai

Stt	Loại phương tiện	Số lượng / đơn vị	Tình trạng (mô tả)	Phương án sử dụng trong thiên tai	Chi chú
1	Cụm Loa phường	1 cụm	Hoạt động tốt	Cắt cử cán bộ túc trực, phát bản tin thiên tai 1 lần / giờ	
2	Loa cầm tay	8 cái	Hoạt động tốt	Bàn giao cho tổ xung kích 1 cái và 7 cái cho trưởng khối phố	
3	ICOM (đối với những phường có người dân đi biển)	0			
4	Điện thoại đường dây nóng	0913xxxxxx	Hoạt động	Giao cho đồng chí X phụ trách	
5	Phần mềm tiện ích trên máy tính hoặc di động	1 hệ thống Ứng dụng cảnh báo ngập	Hoạt động	Đề nghị cán bộ cài đặt và thường xuyên cập nhật	
6	Hệ thống đo mưa	Không có			
7	Các biển cảnh báo ở các khu vực nguy hiểm	Không có		Đề nghị khảo sát và cắm biển báo	
8					

Bảng 6.5. Tình trạng các vật liệu, phương tiện công cộng và tư nhân có thể huy động phục vụ công tác ứng phó thiên tai.

Stt	Loại phương tiện	Số lượng	Tình trạng (TỐT/XẤU)	Hình thức huy động (thuê hoặc mượn)	Số nhân lực vận hành	Người phụ trách điều phối tại phường	Ghi chú
1	Xe bus	20	Tốt	Doanh nghiệp cho mượn	20 lái xe	Chủ tịch phường	
2	Xe tải	10	Tốt				
3	Xuồng máy	0					
4	Xe cứu thương	0					
5	Xe cứu hỏa	0					
6	Xe đặc chủng	0					

Stt	Loại phương tiện	Số lượng	Tình trạng (TỐT/XẤU)	Hình thức huy động (thuê hoặc mượn)	Số nhân lực vận hành	Người phụ trách điều phối tại phương	Ghi chú
7	Xe chở rác	5					
8	Bao cát	0					
9	Đá cấp phối	0					
10	Cọc tre	0					
11	Bộ đồ bảo hộ cho tổ xung kích và ban phòng chống lụt bão	0					

Bảng 6.6. Bảng thống kê số lượng nhóm các đối tượng dễ bị tổn thương cần tiếp cận hỗ trợ trước, trong và sau thiên tai

ĐỊA BÀN (tổ dân phố)	ĐỊA CHỈ (HOẶC KHU VỰC)	SỐ LƯỢNG				TÌNH TRẠNG NHÀ Ở				TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG
		Tổng số	Trẻ em	Phụ nữ mang thai và nuôi con dưới 12 tháng	Người cao tuổi và người khuyết tật	Nhà tạm	Cấp 4, lợp ngói và tole	Nhà kiên cố	Nhà trọ	
Tổ 1										
…										
Tổng số										

Bảng 6.7. Nguồn nhân lực

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn phường	Phân chia theo thôn			Ghi chú
				1	2	3	
1	Ban chỉ huy các cấp Thành phần:	Người					
2	Lực lượng cơ động Thành phần:	Người					
3	Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần:	Người					
4	Lực lượng dự bị động viên Thành phần:	Người					
5	Lực lượng dân quân Thành phần:	Người					
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn Thành phần:	Người					
7	Lực lượng y tế	Người					
	...						

PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DVCĐ KHU VỰC ĐO THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường ...., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Phường xxx, Thị Xã/ thành phố…, tỉnh …

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHƯỜNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Đặc điểm địa lý

2. Tình hình dân số

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

5. Hạ tầng cơ sở, tốc độ đô thị hóa

6. Nhà ở

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

8. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai)

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Sử dụng số liệu phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

Nhận xét chung:

Lịch sử thiên tai (Bảng lịch sử thiên tai theo kết quả công cụ 2)

2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

Nhận xét chung:

Bảng tóm tắt các TTDBTT (Sử dụng thông tin từ công cụ 7- Tổng hợp đánh giá RRTT)

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Nhận xét chung:

Bảng tóm tắt Năng lực PCTT (Sử dụng thông tin từ công cụ 7- Tổng hợp đánh giá RRTT)

C. TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI VÀ GIẢI PHÁP GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

1. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

Nhận xét: (Từ công cụ tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai, nhận xét chung về các rủi ro thiên tai tại địa phương, theo các lĩnh vực: An toàn cộng đồng; Sản xuất kinh doanh và Vệ sinh môi trường.

Từ công cụ xếp hạng, tóm tắt các ưu tiên và quan tâm của địa phương theo các nhóm cộng đồng khác nhau).

Bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

Sử dụng kết quả từ công cụ 7, bảng tổng hợp cột 5

Xếp hạng rủi ro thiên tai

Sử dụng kết quả từ công cụ 8 (xếp hạng), cột 1 và 2

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai (Tóm tắt các quan tâm, đề xuất và giải pháp ưu tiên cấp khu phố) Cấp phường: (Tóm tắt các đề xuất và giải pháp ưu tiên cấp phường)

Đề xuất với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan: (Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác)

Nơi gửi:

TM. UBND PHƯỜNG

(Lãnh đạo phường)

Ký và đóng dấu

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCĐ:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCĐ

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá.

PHỤ LỤC 4 - VÍ DỤ VỀ KẾT QUẢ ÁP DỤNG CÁC CÔNG CỤ

Bảng 6.8-Công cụ 2-LỊCH SỬ THIÊN TAI: phường 5, thị xã Gò Công, Tiền Giang

Năm… (tháng)	**Loại thiên tai**	**Đặc điểm và xu hướng của thiên tai**	**Khu vực thiệt hại**	**Thiệt hại, mức độ thiệt hại** *(ATCĐ;SX-KD;VSMT)*	**Tại sao bị thiệt hại?** *(VC;TC/XH;NT,KN,T DĐC)*	**Đã làm gì để PCTT** *(người dân (Nam nữ), chính quyền)*
Tháng 12/2006	Bão số 9	• Gió mạnh cấp 9, cấp 10 giật trên Cấp 13, 14, bão đi nhanh, mạnh, kèm theo mưa to • Xảy ra hàng năm mạnh hơn không theo quy luật.	Toàn phường 5	• Nhà ở bị sập hoàn toàn17 căn, tốc mái 35 căn • Chuồng trại gia súc, gia cầm bị sập đổ 50% • Cây ăn trái gãy đổ 450 cây • Hoa màu và lúa bị mất trắng 12ha • Ao cá bị vỡ trôi mất 100% cá nuôi 03 ao. • Tính tổng thiệt hại chung khoảng hơn 1 tỷ đồng	• Nhà ở không kiên cố, và bán kiên cố • Người dân chủ quan, không kịp chằng chống nhà cửa, chuồng trại • Cây lâu năm ít tỉa cành lúa và hoa màu đến ngày thu hoạch • Bờ ao chưa kiên cố, chưa có bờ kè • Công tác thông tin bão chưa kịp thời	• Chính quyền có thông báo, cảnh báo cho người dân và ổ chức sơ tán đến UBND, trường học, chùa, một số nhà dân kiên cố và trung tâm văn hóa • Các đoàn thể chuẩn bị lực lượng hỗ trợ cho người dễ bị tổn thương (tàn tật, già) • Sau bão có lực lượng xung kích giúp người dân sửa chữa nhà cửa, khôi phục sản xuất. • Tổ chức tuyên truyền cho dân • Vận động nguồn lụ hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho dân tránh bão và gia đình khó khăn sau bão

Năm… (tháng)	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại, mức độ thiệt hại *(ATCĐ;SX-KD;VSMT)*	Tại sao bị thiệt hại? *(VC;TC/XH;NT,KN,T DĐC)*	Đã làm gì để PCTT *(người dân (Nam nữ), chính quyền)*
Tháng 7/2010	Lốc xoáy	• Lốc cục bộ bất ngờ. • Bất ngờ không dự báo được, ngày càng nhiều	Tổ dân phố 2, 3 phường 5	• Sập 01 căn nhà thô sơ • Tốc mái 15 nhà và cây cối đổ ngã trên luồng đi của lốc	• Không được thông tin trước • Xảy ra bất ngờ không đề phòng được	Chính quyền sửa chữa nhà sập sau lốc xoáy bằng nguồn vốn dự phòng của UBND phường
Tháng 2/2015	Hạn hán	• Nắng nóng kéo dài hơn 1 tháng, nhiệt độ cao từ 37-39 độ. • Hàng năm nắng xảy ra nhiệt độ ngày càng cao, thất thường.	Toàn phường 5	• Thiếu nước sinh hoạt • Thiếu nước tưới cho lúa và hoa màu (lúa 30 ha, hoa màu 20 ha) • Lúa và hoa màu bị giảm năng suất không cho thu hoạch • Gia súc gia cầm bán chạy, làm giảm thu nhập, bị thua lỗ	• Không có nguồn nước dự trữ và thiếu CSVC dự trữ, mật độ dân cư quá đông • Không có nguồn để dự trữ nước tưới tiêu, mạch nước ngầm cạn kiệt • Thiếu nước uống cho gia súc gia cầm và nước để vệ sinh chuồng trại nên phải chấp nhận bán chạy, thua lỗ, nợ ngân hàng	• Chính quyền hỗ trợ bơm nước nhưng lượng nước không đủ cung cấp • Các đoàn thể tuyên truyền tiết kiệm nước, VSMT, phòng chống dịch bệnh • Một số người dân sử dụng nước giếng đào, lọc nước ao, đìa để sinh hoạt gia đình
Tháng 7/2015	Nhiễm mặn	• Ruộng bị phèn mặn • Năm nào cũng xảy ra, ngày diện rộng	Toàn phường 5	• Lúa và hoa màu giảm năng suất và bị chết mất trắng (30 ha lúa, 20 ha hoa màu)	• Hạn hán kéo dài, nhiễm mặn diện rộng. • Một số hộ thiếu nước nên lấy nước nhiễm mặn	• Chính quyền hỗ trợ kinh phí để bơm nước xả mặn • Hỗ trợ tái sản xuất 50.000 đồng/1.000m^2/năm

Năm… (tháng)	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại, mức độ thiệt hại *(ATCĐ;SX-KD;VSMT)*	Tại sao bị thiệt hại? *(VC;TC/XH;NT,KN,T DĐC)*	Đã làm gì để PCTT *(người dân (Nam nữ), chính quyền)*
Tháng 6/2011	Giông sét	• Chuyển mưa đầu mùa. • Bất ngờ không dự báo được	Tổ dân phố 3+4	01 người chết	• Khi chuẩn bị mưa không chịu trú ẩn • Để điện thoại di động, vật dụng bằng kim loại bên người	• Chính quyền và đoàn thể tuyên truyền cho người dân phòng chống, bảo vệ tính mạng con người và hỗ trợ gia đình có người bị chết
Tháng 3/2016	Hạn hán và xâm nhập mặn	• Nguồn nước bị cạn kiệt và nhiễm mặn diện rộng • Xảy ra thường xuyên hơn, nhiệt độ tăng cao kéo dài.	Tổ dân phố 2, 3, 4 phường 5	• Lúa, hoa màu bị thiếu nước tưới (12ha) • Nước mặn ảnh hưởng quá trình sinh trưởng của vật nuôi (chậm lớn) 60% gia súc gia cầm của người dân, nên càng nuôi càng thua lỗ	• Thiếu mưa, nắng kéo dài do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, không có nguồn nước dự trữ • Không có nước để vệ sinh cho gia súc gia cầm và chuồng trại nên không phát triển được	• Tổ chức bơm chuyền 02 cấp phục vụ tưới tiêu, kinh phí hơn 30 triệu đồng • Đắp đê 01 đê ngăn mặn

Bảng 6.9 - Công cụ 3-PHÂN TÍCH SINH KẾ phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

STT	Thiên tai	Tháng (dương lịch)												Xu hướng của thiên tai
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Bão								—	—	—			Ngày càng tăng, mạnh, không theo quy luật
2	Hạn hán			—	—	—	—	—						Nắng kéo dài, nhiệt độ tăng cao hơn
3	Lốc							—	—	—	—			Thất thường, cục bộ, mạnh hơn
4	Nhiễm mặn			—	—	—	—	—						Thất thường, độ mặn cao hơn, xâm nhập sâu hơn
5	Giông sét				—	—	—							Thất thường không dự báo được, xảy ra hàng năm

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
1	**Thương mại – dịchvụ: chiếm 50% thu nhập:** Tham gia (nam 40%, nữ 60%), **a, Ngành ăn uống và giải khát**	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—			**Bão**: sập đổ lều quán hư hỏng tài sản, ngưng trệ sản xuất	- Lều quán tạm bợ - Ý thức phòng chống thiên tai chưa cao - Ý thức chấp hành thấp	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
														Người lao động mất thu nhập, giảm kinh tế, nảy sinh tệ nạn xã hội (trộm cắp, gây gổ đánh nhau)	- Làm ảnh hưởng dây chuyền chuỗi cung ứng của các ngành	
	b, Dịch vụ nhà hàng, khách sạn													**Bão**: tốc mái nhà, hư hỏng phòng ốc hư hỏng tài sản, mất doanh thu của chủ và của nhân viên nhà hàng, khách sạn - Người đến tránh trú đông khiến tình hình an ninh phức tạp, tệ nạn xã hội xảy ra	**- Vật chất:** thiếu trang bị để phòng tránh bão. - Tổ chức xã hội: kinh doanh trá hình, thường xuyên thay đổi chủ cơ sở kinh doanh - Ý thức: chấp hành nghĩa vụ thuế chưa cao	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
	c, Dịch vụ cho thuê xe du lịch													- Mất điện, mất nước trong bão làm giảm chất lượng phục vụ - **Bão**: - Làm mất doanh thu -Lao động bị thất nghiệp - Hư hỏng tài sản - Tai nạn lao động	- **Vật chất:** nơi che chắn phương tiện chưa kiên cố -Tổ chức xã hội: một bộ phận không chấp hành luật chung của hợp tác xã (tăng giá cước, đình công) - Ý thức: chưa có ý thức cao trong chấp hành luật giao thông	
	d, Kinh doanh tạp hóa													**Bão:** - Hư hỏng quán làm mất doanh thu - Mất hàng hóa, tài sản, thua lỗ - Không vận chuyển hàng hóa được nên thiếu mặt hàng kinh doanh	- **Vật chất:** lều quán thô sơ không kiên cố, thiếu trang bị -Thiếu vốn do mua chịu. Nợ đọng -Thiếu phương tiện sơ tán - Kho hàng không đảm bảo	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
															- **Tổ chức xã hội:** kinh doanh cá thể, sự kết nối ngành hàng hạn chế - Ý thức: còn chủ quan	
2	**Sản xuất nông nghiệp: Chiếm 30% thu nhập** - Lúa - Hoa màu, cây ăn trái - Tham gia sản xuất Nam chiếm 40% Nữ chiếm 60%	Lúa Đ.Xuân		Hoa màu, cây ăn trái (quanh năm)		Lúa H.Thu				Lúa hè thu muộn				**Bão**: Ngã đổ cây lúa dẫn đến giảm năng suất, ngập úng, cây ăn trái + hoa màu ngã đổ hư hại - **Hạn hán:** thiếu nguồn nước phục vụ cho sản xuất, giảm sản lượng, mất trắng - **Nhiễm mặn:** nước nhiễm mặn ảnh hưởng đến năng suất chết cây lúa, đất bỏ hoang	- **Vật chất:** Thời tiết thay đổi thất thường gây ra sâu bệnh nhiều - Đất thường xuyên bị nhiễm mặn (07 ha lúa ở tổ dân phố 2, 3) - Hệ thống kênh thủy lợi chưa đạt yêu cầu	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
														Lốc: dẫn đến cây lúa, hoa màu bị dập nát không cho thu hoạch **Giông sét:** dẫn đến sập, gãy đổ cây lúa, hoa màu, cây ăn trái, người đi làm bị chết	- **Tổ chức xã hội:** Chưa có hoạt động bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân; Chưa có nguồn quy hoạch rau an toàn; Tập huấn nhưng ít bà con nông dân tham gia; Ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật giả làm mất năng suất - **Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:** Chưa chủ động nguồn nước phục vụ cho sản xuất; chưa có kinh nghiệm xử lý đối với hiện tượng nhiễm mặn Một số ít người dân chưa có nhận thức cao, chưa có kế hoạch trong chuyển đổi sản xuất	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
3	**Tiểu thủ công nghiệp:** chiếm 10% thu nhập. Nam 20%, nữ 80% - Sản xuất nước mắm, bánh kẹo, bánh mì - Nghề mộc - May mặc, kết cườm, kết hoa vải, thú nhồi bông													**Bão:** - Thiếu nguyên liệu cửa hàng kinh doanh ế ẩm, thiếu điện, người lao động không có, đường ngập lụt, giao thông hạn chế ảnh hưởng nữ nhiều -Thiếu điện, không có nắng làm ảnh hưởng đến chất lượng gỗ ảnh hưởng đến nam nhiều, giảm thu nhập, tai nạn lao động Thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, nhân công	- **Vật chất:** Nhà xưởng bị xuống cấp Hàng hóa khan hiếm phải vận chuyển từ xa đến Đường xá hư hỏng, xuống cấp Hệ thống điện không đảm bảo Thiếu trang bị thiết bị PCTT, công nhân chưa có bảo hộ lao động - Tổ chức xã hội: Nhà kinh doanh chưa chú trọng trong xây dựng phương án ứng phó trong PCTT	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
														Nhà xưởng bị tốc mái, hư hỏng, hàng hóa không bán được, giảm thu nhập ảnh hưởng nữ nhiều hơn	Chưa được về tập huấn kỹ năng PCTT - Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ Đa số thiếu kiến thức về PCTT Chưa quan tâm đến điều kiện an toàn cho bản thân	
4	**Lao động làm thuê chiếm 10% thu nhập** Nam 70%, nữ 30% - Thợ hồ - Thợ hàn, gò													**Bão:** - Thất nghiệp dẫn đến không có thu nhập, đời sống khó khăn, nam ảnh hưởng nhiều hơn nữ - Công nhân làm bị rủi ro cao	**Vật chất** Nhà hư hỏng, đường xuống cấp, ngập nước lâu ngày Cây cối đổ ngã ảnh hưởng đến tính mạng	

Hoạt động KT-XH		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động và người tham gia (nam, nữ)	Tại sao? (Tình trạng dễ bị tổn thương về VC/TCXH/NT-KN,TĐĐC)	Năng lực PCTT (người dân, nam – nữ) chính quyền
														Mất điện ảnh hưởng đến việc làm, đường hư hỏng nên không đi làm	- Tổ chức xã hội chưa tạo được nhiều việc làm nên người dân tự học, tự làm, nghề tự phát - Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ Làm theo kinh nghiệm sẵn có, tay nghề không cao nên mức lương thấp	

Bảng 6.10-Công Cụ 4: SƠ HỌA BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang và phường Điện An và Biện Nam Bắc

Sơ họa bản đồ thiên tai phường Điện An

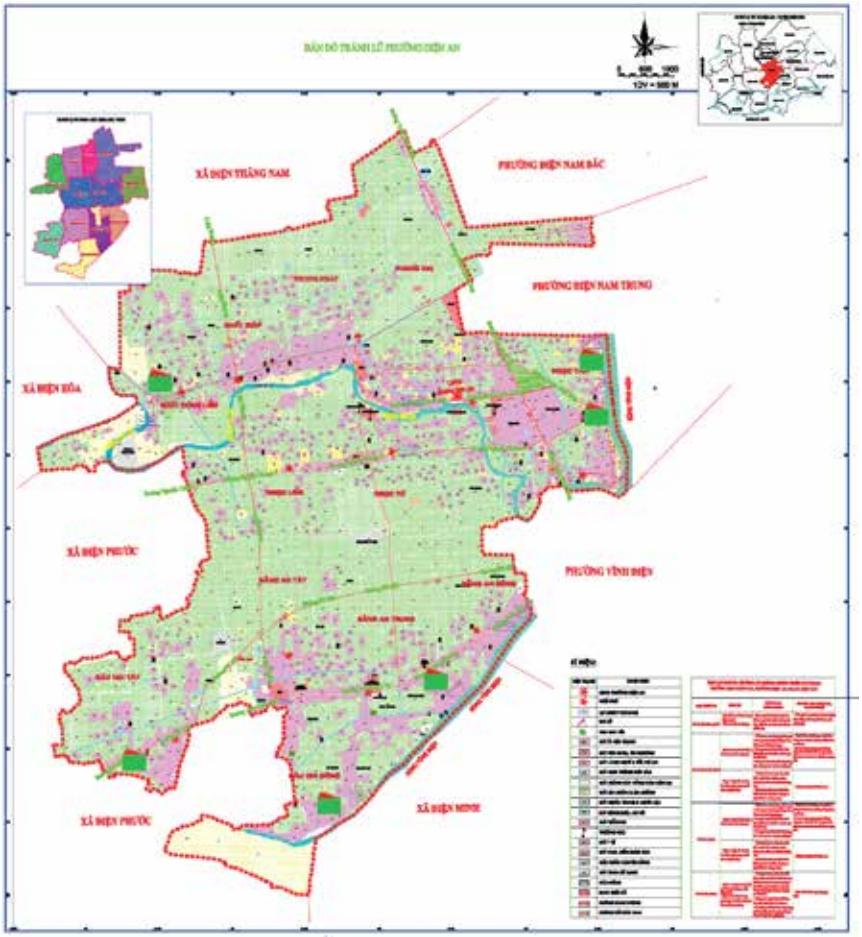

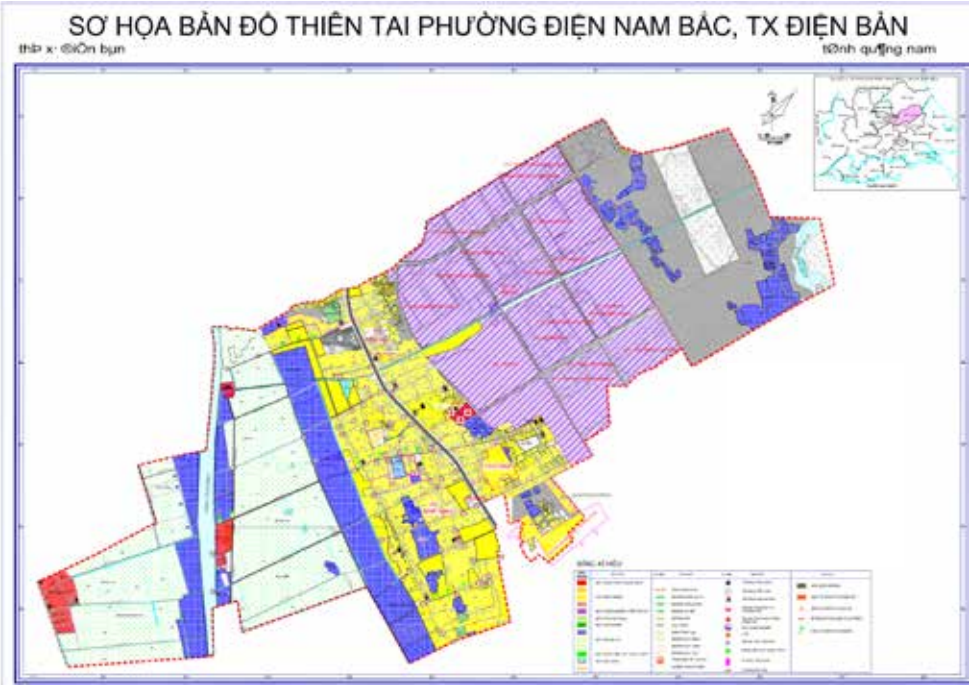

Bảng 6.11- Công cụ 4-TỔNG HỢP CÔNG CỤ SƠ HỌA BẢN ĐỒ RRTT phường 5, thị xã Gò Công, Tiền Giang

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Bão và Lốc xoáy	- Bão tăng cường độ, tăng số lượng, không theo mùa - Lốc xoáy xảy ra thất thường, không dự báo được	**1. An toàn cộng đồng** *** Vật chất** - Một số nhà kiên cố nhưng thiếu nhà vệ sinh nhà tắm, phương tiện - Nhà tạm: 40 căn, mức độ nhà ở dày đặc - Nhà bán kiên cố: 60 căn, cống thoát nước bị ách tắc, không đồng bộ, một số đường thiếu hệ thống thoát nước (nhà nằm trong vùng thấp, gần sông Salicette) - Toàn phường chịu sức ép khi có thiên tai phải tiếp nhận sơ tán khoảng 3.000 người - Cây xanh chưa được chặt tỉa thường xuyên trước mùa mưa bão bị đổ dọc tuyến đường Trần Công Tường kéo theo đường điện chưa kiên cố có 02 hệ thống cũ, mới - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của phường còn thiếu, dân nhập cư ở nhà trọ chưa kiến cố 150 người - Đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ sơ tán khoảng 500 người - Thiếu hệ thống thoát nước nên có mưa là ngập nước cục bộ.	**1. An toàn cộng đồng** *** Vật chất** - Trụ sở các tổ dân phố kiên cố, có 3 chùa + 2 trường học + 1 nhà văn hóa (sức chứa khoảng 4.000 người đến sơ tán - Hệ thống loa phát thanh đảm bảo để thông tin dự báo, cảnh báo cho người dân khi có thiên tai và công tác tuyên truyền - Có máy phát điện, một số áo phao - Có nguồn dự phòng (lương thực thực phẩm nước uống để hỗ trợ khi có lệnh sơ tán). - Có các tuyến đường chính thuận lợi cho việc sơ tán. - Đường giao thông đi lại thuận tiện. - Hệ thống điện đảm bảo điện sinh hoạt của người dân	**1. An toàn cộng đồng** - Nhà ở bị sập, tốc mái khi có Bão xảy ra. - Cây xanh đổ ngã, ách tắc giao thông khi có bão - Nguy cơ người chết bị thương khi có bão và lốc xoáy - Sơ cấp cứu ban đầu gặp khó khăn do trang thiết bị còn thiếu - Đường giao thông hư hỏng, ngập lụt - Tai nạn về điện - Pa nô, biển quảng cáo gãy đổ gây tai nạn giao thông

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		- Hệ thống pa nô, biển quảng cáo chằng chịt, không đảm bảo an toàn khi có bão Hệ thống dây điện còn chưa đảm bảo cách xa các nhà dân *** Tổ chức xã hội** - Đội xung kích chưa tập huấn, thiếu trang thiết bị bảo hộ - Chưa thống kê, cập nhật kịp thời, người dân nhập cư trên địa bàn phường - Cơ chế quản lý cơ sở hạ tầng chưa phân cấp rõ ràng ***Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ** - Kinh nghiệm về PCTT chưa có nhất là người dân nhập cư - Nhận thức về PCTT còn hạn chế, còn chủ quan lơ là - Kinh nghiệm phòng chống thiên tai của các hộ sản xuất, các doanh nghiệp chưa cao	***Tổ chức xã hội** - Ban chi huy PCTT hàng năm được kiện toàn có phân công phân nhiệm cụ thể. - Đội xung kích được tập huấn kỹ năng PCTT nhưng chưa thường xuyên - Có phương án để tiếp nhận người dân nơi khác đến - Đã có kế hoạch phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác PCTT hàng năm *** Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:** Có sự tương trợ cộng đồng tốt và sự hợp tác của các doanh nghiệp	
		2. Sản xuất kinh doanh *** Vật chất:** - Khi có bão 110 cơ sở sản xuất kinh doanh bị đóng cửa, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn -12 ha lúa và hoa màu nằm ở vùng thấp trung thường xuyên bị ngập úng khi có bão kèm theo mưa	**2. Sản xuất kinh doanh** *** Vật chất:** - 110 cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà tương đối xưởng kiên cố - Hệ thống kênh mương đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu.	**2. Sản xuất kinh doanh** - Các cơ sở kinh doanh phải đóng cửa lực lượng lao động mất thu nhập khi có bão xảy ra. - Lúa và hoa màu bị giảm năng suất có khi mất trắng khi có bão xảy ra.

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		- Có 400 các điểm tạp hóa nhỏ, lều quán chưa kiên cố - Nhóm người lao động nhàn rỗi bị thất nghiệp - Lao động ở các ngành nghề chưa có bảo hộ lao động và BHXH *** Tổ chức xã hội:** - Chưa có mô hình kinh tế tập thể - Chưa quản lý được lao động trên địa bàn - Chưa có HTX thu mua hàng hóa tạo đầu ra cho sản phẩm - Chưa có đề án thu hút lực lượng lao động nhàn rỗi vào các ngành nghề ***Nhận thức kinh nghiệm, thái độ** Chưa có kinh nghiệm trong lao động, chủ yếu lao động thủ công, mới từ xã lên phường nên người lao động nhận thức còn hạn chế thái độ chưa tốt, không có bảo hiểm vẫn đi làm - Kinh nghiệm phòng chống thiên tai của các hộ sản xuất, các doanh nghiệp chưa cao	- Hệ thống giao thông nông thôn được bê tông hóa - Đã cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. - Có nhiều ngành nghề như thương mại dịch vụ, kinh doanh nhà hàng khác sạn, cho thuê xe du lịch, buôn bán nhỏ (tạp hóa)… * **Tổ chức xã hội** - Giới thiệu việc làm cho nhóm lao động nhàn rỗi - Có tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao KHKT, chuyển đổi cơ cấu cây trồng - Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng *** Nhận thức kinh nghiệm, thái độ** Người dân có ý thức trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ sản xuất nông nghiệp sang dịch vụ thương mại	- Lều quán đổ sập, hư hỏng hàng hóa khi bão xảy ra. - Tai nạn lao động xảy ra do không có bảo hộ lao động

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		3. Sức khỏe vệ sinh môi trường *** Vật chất:** - Thếu hệ thống thoát nước, một số đoạn đường có thoát nước thường bị tắc nghẽn sạt lở. - Xe rác công lập bị hư hỏng - 10% nhà vệ sinh chưa đảm bảo vệ sinh - Chưa có nơi tập kết rác thải - Thiếu nhân lực thu gom rác - Hệ thống xử lý rác của bệnh viện chưa hợp lý (đốt rác gây ô nhiễm). **- Hệ thống xử lý rác thải tại các hộ sản xuất (ví dụ mắm) còn chưa theo đúng tiêu chuẩn**	**3. Sức khỏe vệ sinh môi trường** *** Vật chất:** - Có hệ thống nước máy bao phủ - 90% hộ dân có hố xí kiên cố hợp vệ sinh - Có tổ thu gom rác dân lập - Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia - Có bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn - Có mạng lưới tổ y tế các tổ dân phố - Đa số người dân có ý thức chăm sóc sức khỏe - Có phương án xây nhà tập kết rác	**3. Sức khỏe vệ sinh môi trường** - Ô nhiễm môi trường trên diện rộng sau bão kèm theo mưa lớn. - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh ở người sau bão và mưa to kéo dài. - Nhà vệ sinh hư hỏng gây ô nhiễm - Thiếu nước sinh hoạt
Hạn hán	Đến sớm, kết thúc muộn, kéo dài nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tăng cao kéo dài	**1. Sản xuất kinh doanh** *** Vật chất:** - Thiếu nước tưới cho cây ăn trái, lúa, hoa màu - Thiếu nước phục vụ chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại nên dễ phát sinh dịch bệnh ở gia súc, gia cầm và con người - Một số hộ chưa có hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi (Tổ dân phố 2)	**1. Sản xuất kinh doanh** *** Vật chất:** - Có Hệ thống bơm chuyền 2 cấp - Hệ thống kênh mương kiên cố, được nạo vét hàng năm. - Một số hộ chuồng trại chăn nuôi kiên cố đảm bảo vệ sinh	**1. Sản xuất kinh doanh)** - Cây ăn trái giảm năng suất và một số bị cây bị chết-mất trắng - Sau đợt hạn hán có một số diện tích đất không sản xuất được phải bỏ hoang - Lúa và hoa màu bị mất mùa giảm năng suất - Gia súc, gia cầm bị chết bị dịch bệnh

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		*** Tổ chức xã hội** - Chưa có hoạt động bao tiêu sản phẩm cho người dân nên được mùa mất giá. - Chưa có kinh phí hỗ trợ bồn chứa nước cho người dân ***Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:** Còn một số cô bác chủ quan, ỷ lại trông chờ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương	*** Tổ chức xã hội** - Chính quyền hỗ trợ kinh phí 500.000 đồng/ ha/năm để giữ đất trồng lúa để đảm bảo an ninh lương thực - Tổ chức các lớp tập huấn cho người dân 70% nam tham gia - UBND phường thông báo tình hình thời tiết về hạn hán cho người dân tiết kiệm nước Tổ chức chuyển đổi cây trồng ***Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:** Người dân có kinh nghiệm chống hạn, bơm nước dự trữ trong ao, đìa	
Nhiễm mặn	Ngày càng bị nhiễm mặn, tình trạng kéo dài, diện rộng	- Thiếu nước ngọt để sản xuất, nhiều diện tích nhiễm mặn kéo dài không trồng trọt được - Mạch nước ngầm không có để sử dụng - Phương tiện kỹ thuật sản xuất còn hạn chế - Chưa có các hội nghề nghề nghiệp hỗ trợ cho sản xuất - Chưa mở lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất về nông nghiệp	- Có một số công ngăn mặn. - Người dân biết cách cải tạo đất để trồng trọt	- Mất đất sản xuất. - Thiếu nước tưới cho cây trồng

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Giông sét	Bất thường, không dự báo được	- Một số hộ dân xây nhà nhưng thiếu hệ thống chống sét. - Một số hộ thiếu kiến thức phòng chống sét nên còn chủ quan	- Chính quyền đã truyên truyền về PCTT trong đó có phòng chống sét. - Một số nhà cao tầng đã lắp đặt hệ thống chống sét	- Nguy cơ người bị chết, bị thương khi có giông sét. - Nhà cửa hư hỏng khi bị sét đánh

Bảng 6.12 - Công cụ 5: BỔ SUNG THÔNG TIN VÀ KIỂM CHỨNG TRÊN THỰC ĐỊA phường 5, thị xã Gò Công, Tiền Giang

BẢNG 6.12.1. Năng lực Các công trình an toàn làm nơi tránh trú an toàn

Stt	Tên công trình	Địa chỉ	Loại nhà	Tình trạng	Số lượng người có thể tránh trú	Số nhà vệ sinh	Số bếp ăn	Tủ thuốc (cơ số thuốc)- theo gói hướng dẫn của bộ Y tế
1	Chùa Vị Thanh	KP3, Phường 5, đường Thủ Khoa Huân	Nhà 4 tầng kiên cố, có tổng số 16 phòng riêng biệt	Tốt, khả năng chống chịu bão cấp 12-13	200	4 nhà vệ sinh trong đó chỉ có 2 nhà vệ sinh an toàn, 2 nhà vệ sinh khác quá cũ và có nguy cơ sập trong bão	1, có khả năng nấu ăn cho 200 người	Có các thuốc men cơ bản
2	Nhà văn hóa phường 5		Nhà 1 tầng kiên cố, nằm trên khu đất cao, rộng và thoáng	Tốt, khả năng chống chịu được bão cấp 12	800	2 khu vệ sinh lớn với 8 bệ vệ sinh riêng biệt cho Nam và Nữ, thiếu giấy vệ sinh	Có bếp ăn đủ lớn	Không có
3	…							
Tổng số	?							

Bảng 6.12.2. Tình trạng nhà yếu có nguy cơ sập trong thiên tai (khảo sát cấp hộ gia đình, khối phố)

Stt	Khu phối, địa chỉ	Loại nhà	Mô tả Tình trạng	Số người sinh sống trong nhà	Tên chủ hộ và nghề nghiệp của chủ hộ
1	KP4, Phường 5	Nhà lá	Yếu, không chịu được gió cấp 8 trở lên	3	Phạm thị Mai Trinh
2	….				
	Tổng số				

Bảng 6.12.3. Tình trạng an toàn trong gió lốc, ngập lụt của các cơ sở sản xuất kinh doanh

(Đánh giá cảm quan về tình trạng kiot kinh doanh, lên danh sách hỗ trợ sơ tán, di dời)

Stt	Tuyến đường, địa chỉ	Tên Kiot	Mặt hàng kinh doanh	Số nhân lực thường xuyên ở cửa hàng	Hiện trang của ki ốt	Ghi chú
1	Kp4, đường Thủ Khoa Huan	Bún o Sáu	Bán bún sáng và tối	2	Bán hàng vỉa hè, có lều dựng tạm không chịu được gió cấp 6	
2	Đường Thủ khoa huân	Tạp hóa Xuân Hòa	Tạp hóa, đồ tiêu dùng	2		Ở khu phố dễ bị ngập lụt
3	Đường thủ khoa huân	Hải sản Duy Hùng	Thủy sản tươi sống	3		Ở khu phố dễ bị ngập lụt chia cắt
4	…					
	Tổng số					

BẢNG 6.12.4. TÌNH TRẠNG KHO BÃI VÀ CÁC CÔNG TRÌNH CỦA DOANH NGHIỆP

(Để thực hiện khảo sát này cần có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp chủ sở hữu của kho bãi và các công trình)

Stt	TÊN KHO BÃI	CHỦ SỞ HỮU	TÌNH TRẠNG (Mô tả tình trạng hiện tai)	NGUY CƠ KHI CÓ THIÊN TAI XẢY RA	ĐỀ XUẤT sự phối hợp giữa chính quyền và doanh nghiệp
1	Kho chứa nông sản Thịnh Phát	Công ty Thịnh Phát	Nhà kho lợp tole, 1 tầng, diện tích 500m^2	Có nguy cơ bị tốc mái với gió cáp 10	Chính quyền nhắc nhở chằng chống nhà cửa, lên phương án sơ tán hàng hóa trước khi bão vào
2	Máy công cụ Vân Hùng	CT TNNH Vân Hùng	Nhà xưởng 500m^2 ở vùng trống, gió lớn, nền thấp	Có nguy cơ lốc mái và ngập úng cục bộ	Lập phương án sơ tán khi có thiên tai

BẢNG 6.12.5: TÌNH TRẠNG ĐIỆN LƯỚI PHỤC VỤ SINH HOẠT VÀ SẢN XUẤT

Stt	Tuyến đường/ khu phố	Tên hệ thống điện (đường điện cao thế, trung thế, điện lưới sinh hoạt, trạm biến áp	Tình trạng (Mô tả tình trạng hiện tại)	Khả năng chống chịu trong bão, giông lốc	Khả năng chống chịu trong lụt	Ghi chú
1	Đường Trần Công Tường, KP2, Phường 5	Hệ thống điện sinh hoạt	Đường điện nằm xen kẽ các hàng cây	Dễ bị đổ ngã trong bão	An toàn	
2	KP4 phường 5	Lưới điện khu dân cư.	Tồn tại 2 hệ thống điện mới và cũ. Hệ thống cũ yếu dễ gãy đổ	Dễ gãy đổ trong thiên tai	An toàn	
3	KP2 phường 5	Lưới điện khu dân cư	Đường điện nằm trên nóc nhà gây nguy hiểm	Nguy hiểm khi mưa gió lớn	An toàn	

Bảng 6.12.6: Tình trạng hệ thống thoát nước

Địa bàn (khu vực)	Hệ thống thoát nước (nêu tên)	Thông tin lịch sử về ngập lụt trên địa bàn và nguyên nhân	Tình trạng hiện tại đến thời điểm khảo sát (Bình thường hay tắc ngẽn, quá tải, ô nhiễm…)	Khả năng thoát nước khi có mưa lớn	
KP2, phường 5	Thoát nước đường phố chính	Thường xuyên ngập cục bộ khi có mưa lớn	Không có hệ thống thoát nước	Không có khả năng	Không có khả năng
Kp4	Hệ thống thoát nước đường Thủ Khoa Huân	Ngập cục bộ	Các hố gaz bị lấp đầy rác	Không có khả năng	Không có khả năng
…					

Bảng 6.12.7: Hiện trạng hệ thống giao thông tiềm ẩn rủi ro

Tuyến đường, địa chỉ	Tình trạng (tốt hoặc xấu/ mô tả)	Nguy cơ trong thiên tai (mô tả cụ thể loại hình thiên tai)	Ghi chú
Đường Trần Công Tường, KP2	Mặt đường xấu Ở khu thấp trũng Không có hệ thống thoát nước và không có vỉa hè	Ngập úng, Đổ cây cối vào đường điện	Phức tạp về cơ quan chủ quản, phân cấp quản lý. Phường đề xuất nhiều lần

Bảng 6.12.8: Hiện trạng hệ thống cây xanh

Tên đường	Loại cây, vị trí	Mô tả hiện trạng	Rủi ro trong bão lũ	Đơn chị chủ quản
Trần Công Tường, KP2	Xà cừu 10 năm tuổi. Dọc tuyến KP2	Cây cao mọc sát đường dây điện trung thế	Cây đổ gây nguy hiểm đường điện	Cty Cây xanh, MT đô thị

Bảng 6.13 - Công cụ 6: PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC PCTT
phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

Người dân, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy PCTT&TKCN phường	- Tổ chức bộ máy đạt chuẩn, chặt chẽ. - Thường xuyên củng cố kiện toàn, phân công trách nhiệm cụ thể. - Chỉ đạo, điều hành hoạt độngPCTT&TKCN phường hàng năm đạt kết quả tốt	- Nguồn lực còn hạn chế - Tính đồng bộ chưa cao có lúc chưa sâu sát. - Bị động trong điều hành khi có nhiều rủi ro khác về đô thị xảy ra cùng lúc	Được sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp lớn trên địa bàn	- Nguồn lao động nhập cư đông - Tiếp nhận sơ tán từ nơi khác đến - Vấn đề sức khỏe môi trường ảnh hưởng từ các nhà máy xí nghiệp không kiểm soát được

Người dân, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Nhóm các hộ sản xuất	Có nguồn lực nhân lực, vật lực để tham gia công tác phòng chống thiên tai tại địa phương	Chưa có nhiều kinh nghiệm phòng chống thiên tai Chưa có kế hoạch/Phương án trong trước và sau thiên tai để đảm bảo kinh doanh liên tục khi thiên tai xảy ra	Sẵn sàng tham gia công tác phòng chống thiên tai tại cộng đồng Sẵn sàng tham gia tập huấn để nâng cao năng lực	Chưa có nhiều thời gian cũng như
Hội liên hiệp phụ nữ	- Dễ huy động nguồn lực từ các hội viên tham gia (nhân lực, vật lực) - Đảm bảo tốt công tác hậu cần khi nhận dân sơ tán - Lực lượng đông, dễ tập hợp. - Có kinh nghiệm trong việc chăm lo cho các thành viên gia đình, chăm sóc nhà cửa, dự trữ lương thực, bảo quản tài sản	- Một số chị em là đối tượng dễ bị tổn thương, sức khỏe hạn chế (mang thai, cho con bú dưới 12 tháng) - Một số chị em sức khỏe chưa đảm bảo như nam, - Ít được tập huấn trong việc thực hành phòng chống thiên tai	Phụ nữ tham gia vào các công ty xí nghiệp có thu nhập cao, phát triển kinh tế gia đình	Nhiều chị em bận công việc gia đình, người thân không tạo điều kiện để lực lượng nữ phát huy

Người dân, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Hội nông dân	- Có nhiều hội viên, thường xuyên tham gia vào các hoạt động PCTT. - Có thể huy động nguồn lực từ các hội viên tham gia (nhân lực, vật lực) - Cung cấp nguồn lương thực thực phẩm dồi dào	- Thiếu tác phong làm việc công nghiệp - Còn chủ quan trước thiên tai. - Chưa có kỹ năng trong tổ chức các hoạt động PCTT cứu hộ cứu nạn	- Có cơ hội tiếp nhận khoa học kỹ thuật để chỉ đạo sản xuất.	Diện tích đất sản xuất ngày càng thu hẹp nên số lượng hội viên ngày càng giảm hơn
Hội Chữ thập đỏ	- Dễ tập hợp, phân phối nhu yếu phẩm và thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ, chăm sóc sức khỏe cho người sơ tán - Vận động được nhiều tổ chức, cá nhân, mạnh thường quân	- Công tác điều phối nhu yếu phẩm có lúc chưa kịp thời - Hạn chế kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu, chưa tập huấn chuyên sâu, thường xuyên	- Có nhiều mạnh thường quân hỗ trợ đóng góp nguồn lực khi có thiên tai xảy ra. - Được cấp trên hỗ trợ sau thiên tai	Người nhập cư khó quản lý nên việc cấp phát hàng cứu trợ khó khăn
Hội Cựu chiến binh	- Là lực lượng nồng cốt của Đảng. - Có kinh nghiệm, nhiệt tình - Có uy tín trong công việc, vận động nguồn lực xã hội	- Đa số là lớn tuổi, sức khỏe yếu - Chưa có nhiều kinh nghiệm trong PCTT		

Người dân, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Đoàn thanh niên	- Nguồn lực trẻ, khỏe, dễ huy động. - Sẵn sàng tham gia ứng phó khi thiên tại - Là lực lượng nòng cốt của đội xung kích	Một đoàn viên thanh niên đi làm ăn ở xa nên tập hợp chậm trễ.	Có nhiều doanh nghiệp ở trên địa bàn mà lực lượng chủ yếu là thanh niên	Lo làm ăm buôn bán và đi làm thuê để tăng thu nhập nên ít quan tâm đến hoạt động PCTT
Công an, Quân sự	- Là lực lượng bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn - Lực lượng đông, dễ tập hợp tổ chức chặt chẽ, kỷ luật cao - Điều động được tổ bảo vệ dân phố, lực lượng trẻ trên địa bàn	- Lực lượng mỏng so với địa bàn - Chưa được tập huấn công tác PCTT thường xuyên	Có doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn nên điều động được các phương tiện vận chuyển khi sơ tán	- Dân nhập cư đông khi có thiên tai thiếu lực lượng để hỗ trợ. - Tiếp nhận số lượng đông người vùng khác đến sơ tán nên vấn đề bảo vệ an ninh trật tự khó khăn
Trường học	- Có cơ sở vật chất để người dân đến tránh trú khi có bão - Số lượng học sinh đông là lược lượng nòng cốt để tuyên truyền phòng chống thiên tai	- Thiếu nhà vệ sinh, bếp nấu ăn cho người dân đi sơ tán. - Học sinh nhỏ tuổi hiếu động dễ gặp rủi ro	- Được nhiều tổ chức quan tâm trong việc xây dựng CSVC. - Được hỗ trợ kinh phí trong công tác tuyên truyền	- Học sinh nhỏ, hiếu động nên khó khăn trong quản lý - Phụ huynh có thành phần là người dân nhập cư nên nhận thức về công tác PCTT chưa đầy đủ

Người dân, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Y tế	- Có đủ thuốc, nhân lực và chuyên môn - Có kiến thức trong chăm sóc sức khỏe và phòng dịch bệnh. -Tuyên truyền phòng bệnh, tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em đạt cao	- Dụng cụ phương tiện chưa đầy đủ.	Được hỗ trợ cơ số thuốc, dụng cụ y tế và hỗ trợ chuyên môn của cấp trên	Xã hội hóa có nhiều thành phần nhiều bệnh, có cả bệnh HIV
Nhà Chùa	Cơ sở vật chất rộng rãi, được sự quan tâm của nhiều phật tử	Công tác tổ chức còn hạn chế, an ninh trật tự không đảm bảo	Có nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài	Khó quản lý các đối tượng đến chùa
Mạnh thường quân (doanh nghiệp, cá nhân)	- Số lượng nhiều, dể vận động - Làm ăn có hiệu quả, có tính hợp tác cao, lực lượng lao động đông. - Có cơ sở vật chất, phương tiện dễ điều động khi có thiên tai	- Đòi hỏi quyền lợi của mạnh thường quân - Nhu yếu phẩm hỗ trợ còn hạn chế - Một số cơ sở kinh doanh điều kiện chưa đảm bảo - Chưa quan tâm đến công tác PCTP, chưa có các phương án ứng phó - Chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động còn hạn chế	- Được chia sẻ thông tin về PCTT - Uy tín, thương hiệu, mở rộng địa bàn	- Đánh đổi vô hình, tạo thương hiệu - Chính sách thuế chưa phù hợp

Người dân, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
Người dân	- Có điều kiện hỗ trợ, chia sẻ về nơi trú ẩn, lương thực, vật lực, nhân lực... - Một số nhà dân là nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán tránh trú	- Nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần quan tâm - Tính chủ quan trong công tác phòng tránh thiên tai của người dân	Có nhiều người con đi làm ăn xa gửi tiền về tăng thu nhập	Dân nhập cư đông, ở nhà thuê, cơ sơ vật chất thiếu thốn

BẢNG 6.14 - Công cụ 7. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ RRTT phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Bão và lốc xoáy	- Bão tăng cường độ, tăng số lượng, không theo mùa - Lốc xoáy xảy ra thất thường, không dự báo được	**1. An toàn cộng đồng** *** Vật chất** - Một số nhà kiên cố nhưng thiếu nhà vệ sinh nhà tắm, phương tiện - Nhà tạm: 40 căn, mức độ nhà ở dày đặc - Nhà bán kiên cố: 60 căn, cống thoát nước bị ách tắc, không đồng bộ, một số đường thiếu hệ thống thoát nước (nhà nằm trong vùng thấp, gần sông Salicette).	**1. An toàn cộng đồng** *** Vật chất** - Trụ sở các tổ dân phố kiên cố, có 3 chùa + 2 trường học + 1 nhà văn hóa (sức chứa khoảng 4.000 người đến sơ tán - Có hệ thống loa phát thanh để thông tin dự báo, cảnh báo cho người dân khi có thiên tai và công tác tuyên truyền - Có máy phát điện, một số áo phao - Có nguồn dự phòng (lương thực thực phẩm nước uống để hỗ trợ khi có lệnh sơ tán).	**1. An toàn cộng đồng** - Nhà ở bị sập, tốc mái khi có Bão xảy ra. - Cây xanh đổ ngã, ách tắc giao thông khi có bão - Nguy cơ người chết bị thương khi có bão và lốc xoáy - Sơ cấp cứu ban đầu gặp khó khăn do trang thiết bị còn thiếu - Đường giao thông hư hỏng, ngập lụt - Tai nạn về điện.

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		- Hệ thống truyền thanh, cảnh báo sớm vẫn còn thiếu và có nhiều cụm loa hư hỏng cần nâng cấp sửa chữa thường xuyên - Toàn phường chịu sức ép khi có thiên tai phải tiếp nhận sơ tán khoảng 3.000 người - Cây xanh bị đổ dọc tuyến đường Trần Công Tường kéo theo đường điện chưa kiên cố có 02 hệ thống cũ, mới - Hệ thống pa nô, biển quảng cáo chằng chịt, không đảm bảo an toàn khi có bão - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của phường còn thiếu. - Dân nhập cư ở nhà trọ chưa kiến cố 150 người - Đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ sơ tán khoảng 500 người - Thiếu hệ thống thoát nước nên có mưa là ngập nước cục bộ *** Tổ chức xã hội** - Đội xung kích chưa tập huấn, thiếu trang thiết bị bảo hộ - Chưa thống kê, cập nhật kịp thời, người dân nhập cư trên địa bàn phường	- Có các tuyến đường chính thuận lợi cho việc sơ tán. - Đường giao thông đi lại thuận tiện. - Hệ thống điện đảm bảo điện sinh hoạt của người dân ***Tổ chức xã hội** - Ban chi huy PCTT hàng năm được kiện toàn có phân công phân nhiệm cụ thể. - Đội xung kích được tập huấn kỹ năng PCTT nhưng chưa thường xuyên - Có phương án để tiếp nhận người dân nơi khác đến - Đã có kế hoạch phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác PCTT hàng năm ***Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:** Có sự tương trợ trong cộng đồng tốt và sự hợp tác của các doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra	- Pa nô, biển quảng cáo gãy đổ gây tai nạn giao thông

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		- Cơ chế quản lý cơ sở hạ tầng chưa phân cấp rõ ràng ***Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ** - Kinh nghiệm về PCTT chưa có nhất là người dân nhập cư - Nhận thức về PCTT còn hạn chế, còn chủ quan lơ là		
		2. Sản xuất kinh doanh ***Vật chất:** **-** Thương mại – dịch vụ: chiếm 50% thu nhập nhưng lều quán tạm bợ (400 lều quán); khi **có bão 110 cơ sở sản xuất kinh doanh bị đóng cửa, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn.** **-** Lao động làm thuê chiếm 10% thu nhập nhưng **công việc không ổn định; thường xuyên thất nghiệp; Lao động ở các ngành nghề chưa có bảo hộ lao động và BHXH** **-** Tiểu thủ công nghiệp: chiếm 10% thu nhập nhưng nhà xưởng bị xuống cấp, hàng hóa khan hiếm phải vận chuyển từ xa đến; Đường xá hư hỏng, xuống cấp; Hệ thống điện không đảm bảo; Thiếu trang bị thiết bị PCTT, công nhân chưa có bảo hộ lao động.	**2. Sản xuất kinh doanh** *** Vật chất:** - 110 cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà tương đối xưởng kiên cố - Hệ thống kênh mương đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Hệ thống giao thông nông thôn được bê tông hóa - Đã cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. - Có nhiều ngành nghề như thương mại dịch vụ, kinh doanh nhà hàng khách sạn, cho thuê xe du lịch, buôn bán nhỏ (tạp hóa)… - Một số nhà xưởng kiên cố có thể làm nơi sơ tán khi cần - Địa bàn phường vùng trung tâm thị xã đi lại thuận tiện để lưu thông hàng hóa	**2. Sản xuất kinh doanh** - Các cơ sở kinh doanh phải đóng cửa lực lượng lao động mất thu nhập giảm kinh tế, nảy sinh tệ nạn xã hội (trộm cắp, gây gổ đánh nhau) - Lều quán đổ sập, hư hỏng hàng hóa khi bão xảy ra. - Lúa và hoa màu bị giảm năng suất có khi mất trắng khi có bão xảy ra. - Tai nạn lao động xảy ra do không có bảo hộ lao động .

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		- Sản xuất nông nghiệp: Chiếm 30% thu nhập nhưng có 12 ha lúa và hoa màu nằm ở vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập úng khi có bão kèm theo mưa. ***Tổ chức xã hội:** - Chưa có mô hình kinh tế tập thể - Chưa quản lý được lao động trên địa bàn; Chưa tạo được nhiều việc làm nên người dân tự học, tự làm, nghề tự phát - Chưa có HTX thu mua hàng hóa tạo đầu ra cho sản phẩm - Chưa có đề án thu hút lực lượng lao động nhàn rỗi vào các ngành nghề ***Nhận thức kinh nghiệm, thái độ** Chưa có kinh nghiệm trong lao động, chủ yếu lao động thủ công, mới từ cấp xã lên cấp phường nên người lao động nhận thức còn hạn chế thái độ chưa tốt, không có bảo hiểm vẫn đi làm - Các ngành nghề ,dịch vụ chủ và nhân viên ý thức phòng chống thiên tai chưa cao	- Dịch vụ nhà hàng khách sạn có cơ sở vật chất kiến trúc kiên cố; Đông lực lượng lao động; có thể hỗ trợ sơ tán được. Nhân viên có hợp đồng lao động đúng pháp luật Một số doanh nghiệp hỗ trợ lương thực cho người dân sơ tán * **Tổ chức xã hội** - Được quan tâm hỗ trợ kịp thời của chính quyền khi có thiên tai - Cho vay vốn để tái sản xuất kịp thời - Giới thiệu việc làm cho nhóm lao động nhàn rỗi - Có tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao KHKT, chuyển đổi cơ cấu cây trồng -Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng - Tập huấn chuyển giao KHKT, chính quyền hỗ trợ đầu ra cho người dân tăng thu nhập *** Nhận thức kinh nghiệm, thái độ** Người dân có ý thức trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ sản xuất nông nghiệp sang dịch vụ thương mại	

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
		3. Sức khỏe vệ sinh môi trường *** Vật chất:** - Thiếu hệ thống thoát nước, một số đoạn đường có thoát nước thường bị tắc nghẽn sạt lở. Hệ thống nước ngầm bị nhiễm mặn. - Xe rác công lập bị hư hỏng - 10% nhà vệ sinh chưa đảm bảo vệ sinh - Hệ thống xử lý rác của bệnh viện chưa hợp lý (đốt rác gây ô nhiễm). ***Tổ chức xã hội:** - Chưa có nơi tập kết rác thải - Thiếu nhân lực thu gom rác - Công tác tuyên truyền vẫn còn hạn chế. ***Nhận thức/ kinh nghiệm/ thái độ/ động cơ** - Người dẫn vẫn thiếu kiến thức trong phòng bệnh, đa số khi đau ốm mới đi khám bác sỹ không thường xuyên khám sức khỏe định kỳ. - Một số đi mua thuốc tự do không theo đơn bác sỹ. -Vẫn còn đa số mua hàng hóa không quan tâm đến hạn sử dụng	**3. Sức khỏe vệ sinh môi trường** *** Vật chất:** - Có hệ thống nước máy bao phủ - 90% hộ dân có hố xí kiên cố hợp vệ sinh - Có tổ thu gom rác dân lập - Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia - Có bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn ***Tổ chức xã hội:** - Có mạng lưới tổ y tế các tổ dân phố - Đã lập phương án xây nhà tập kết rác - Vận động tiêm chủng đạt 100%. - Các tổ chức đoàn thể có tổ chức khám bệnh miễn phí cho người già và người khuyết tật ***Nhận thức/ kinh nghiệm/ thái độ/ động cơ:** - Đa số người dân có ý thức chăm sóc sức khỏe. -Đi tiêm phòng cho phụ nữ có thai và trẻ em dưới 6 tuổi thường xuyên	**3. Sức khỏe vệ sinh môi trường** - Ô nhiễm môi trường trên diện rộng sau bão kèm theo mưa lớn. - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh ở người sau bão và mưa to kéo dài. - Nhà vệ sinh hư hỏng gây ô nhiễm - Thiếu nước sinh hoạt

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Hạn hán	Đến sớm, kết thúc muộn, kéo dài nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tăng cao kéo dài	Sản xuất kinh doanh *** Vật chất:** - Thiếu nước tưới cho cây ăn trái, lúa, hoa màu - Thiếu nước phục vụ chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại nên dễ phát sinh dịch bệnh ở gia súc, gia cầm và con người - Một số hộ chưa có hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi (Tổ dân phố 2) *** Tổ chức xã hội** - Chưa có hoạt động bao tiêu sản phẩm cho người dân nên được mùa mất giá. - Chưa có kinh phí hỗ trợ bồn chứa nước cho người dân *** Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:** Còn một số cô bác chủ quan, ỷ lại trông chờ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương	Sản xuất kinh doanh *** Vật chất:** - Có Hệ thống bơm chuyền 2 cấp - Hệ thống kênh mương kiên cố, được nạo vét hàng năm. - Một số hộ chuồng trại chăn nuôi kiên cố đảm bảo vệ sinh * Tổ chức xã hội - Chính quyền hỗ trợ kinh phí 500.000 đồng/ha/năm để giữ đất trồng lúa để đảm bảo an ninh lương thực -Tổ chức các lớp tập huấn cho người dân 70% nam tham gia - UBND phường thông báo tình hình thời tiết về hạn hán cho người dân tiết kiệm nước Tổ chức chuyển đổi cây trồng *Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Người dân có kinh nghiệm chống hạn, bơm nước dự trữ trong ao, đìa	Sản xuất kinh doanh - Cây ăn trái giảm năng suất và một số bị cây bị chết- mất trắng - Sau đợt hạn hán có một số diện tích đất không sản xuất được phải bỏ hoang - Lúa và hoa màu bị mất mùa giảm năng suất - Gia súc, gia cầm bị chết bị dịch bệnh

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Nhiễm mặn	Ngày càng bị nhiễm mặn, tình trạng kéo dài, diện rộng	- Thiếu nước ngọt để sản xuất, nhiều diện tích nhiễm mặn kéo dài không trồng trọt được - Mạch nước ngầm không có để sử dụng - Phương tiện kỹ thuật sản xuất còn hạn chế - Chưa có các hội nghề nghề nghiệp hỗ trợ cho sản xuất - Chưa mở lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất về nông nghiệp	- Có một số cống ngăn mặn. - Người dân biết cách cải tạo đất để trồng trọt	- Mất đất sản xuất. - Thiếu nước tưới cho cây trồng
Giông sét	Bất thường, không dự báo được	- Một số hộ dân xây nhà nhưng thiếu hệ thống chống sét. - Một số hộ thiếu kiến thức phòng chống sét nên còn chủ quan	- Chính quyền đã truyên truyền về PCTT trong đó có phòng chống sét. - Một số nhà cao tầng đã lắp đặt hệ thống chống sét	- Nguy cơ người bị chết, bị thương khi có giông sét. - Nhà cửa hư hỏng khi bị sét đánh

Bảng 6.15 - Công cụ.8-XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

Tiêu chí	Tổng xếp hạng của KP1+2		Tổng xếp hạng của KP3+4		Tổng xếp hạng kiểm chứng		Tổng xếp hạng toàn phường		Tổng số phiếu xếp hạng	Xếp hạng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng	
Nhà sập, tốc mái, hư hỏng tài sản (60 nhà cấp 4 và 15 nhà tạm)	37	27	43	52	5	62	85	141	226	1
Cây xanh ngã đổ ách tắc giao thông (KP2)	3	6	14	7	16	22	33	35	68	12
Nguy cơ người chết và bị thương (Toàn phường)	1	8	14	19	12	17	27	44	71	11
Đường giao thông sạt lở, hư hỏng cản trở giao thông (KP2 + KP4)	16	10	5	18	8	29	29	57	86	9
Tai nạn lao động, tai nạn điện thường xảy ra đối với người làm thuê	11	15	18	18	12	30	41	63	104	4
Ki-ốt kinh doanh sập đổ, hư hỏng hàng hóa (110 kiot)	9	9	16	11	9	25	34	45	79	10
Mất thu nhập, người lao động thất nghiệp (Toàn phường)	12	16	13	16	10	25	35	57	92	6
Gia súc, gia cầm chết; dịch bệnh (KP1-KP2-KP4)	3	6	7	11	1	15	11	32	43	15
Lúa và hoa màu giảm năng suất, có khi mất trắng (KP2-KP3-KP4)	13	19	15	37	10	27	38	83	121	2
Nguy cơ xảy ra dịch bệnh ở người (KP2-KP3-KP4)	7	10	11	6	9	16	27	32	59	13
Thiếu nước sinh hoạt (Toàn phường)	9	14	9	23	6	27	24	64	88	8
Trụ điện ngã đổ, hệ thống truyền thanh đi cùng cũng bị đổ ngã khi có bão (KP1-KP2-KP3)	19	14	12	10	17	25	48	49	97	5

Tiêu chí	Tổng xếp hạng của KP1+2		Tổng xếp hạng của KP3+4		Tổng xếp hạng kiểm chứng		Tổng xếp hạng toàn phường		Tổng số phiếu xếp hạng	Xếp hạng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng	
Panô, bảng hiệu quảng cáo bị ngã sập khi có gió bão gây ảnh hưởng đến tai nạn giao thông (KP1-KP2-KP3)	14	23	31	32	12	8	57	63	**120**	**3**
Tuyến đường Trần Công Tường bị ngập cục bộ khi có mưa lớn (không có hệ thống thoát nước)		19			5	24	5	43	48	**14**
Các hộ sản xuất, doanh nghiệp chưa có kế hoạch kinh doanh liên tục	13	15	11	12	14	11	12	13	25	10
Ô nhiễm môi trường trên toàn phường					43	45	43	45	88	7
Nhà vệ sinh hư hỏng, mất vệ sinh (KP4)					1	19	1	19	20	16

Bảng 6.16 - Công cụ 8- XẾP HẠNG GIẢI PHÁP GIẢM NHẸ RRTT phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

Giải pháp phòng chống thiên tai	Tổng xếp hạng của KP1+2		Tổng xếp hạng của KP3+4		Tổng xếp hạng kiểm chứng		Tổng xếp hạng của người KT,CT, nam ,nữ		Tổng số phiếu của toàn Phường	Xếp hạng toàn Phường
	Nam (12)	Nữ (14)	Nam (16)	Nữ (20)	Nam (11)	Nữ (26)	Nam (39)	Nữ (60)		
Cũng cố, kiện toàn, tập huấn kỹ năng, mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn…cho Đội xung kích của phường và tổ dân phố; .	8	25	37	61	22	54	67	140	207	1
Tổ chức sơ tán di dời người dân vùng nguy cơ cao và tiếp nhận sơ tán người dân ở các địa phương khác đến nơi an toàn khi có bão xảy ra	44	28	24	32	13	35	81	95	176	2
Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và PCTT, vệ sinh môi trường, CSSK…	4	33	23	21	11	32	38	86	124	3
Kiểm tra giám sát việc lắp đặt pa nô biển quảng cáo, Truyên truyền vận động hướng dẫn chằng chống, sửa chữa trước mùa mưa bão đối với các doanh nghiệp nhà hàng khách sạn, hộ kinh doanh...	40	9	15	23	9	26	64	58	122	5

Giải pháp phòng chống thiên tai	Tổng xếp hạng của KP1+2		Tổng xếp hạng của KP3+4		Tổng xếp hạng kiểm chứng		Tổng xếp hạng của người KT,CT, nam ,nữ		Tổng số phiếu của toàn Phường	Xếp hạng toàn Phường
	Nam (12)	Nữ (14)	Nam (16)	Nữ (20)	Nam (11)	Nữ (26)	Nam (39)	Nữ (60)		
Tập huấn cho các hộ/doanh nghiệp sản xuất về kế hoạch kinh doanh liên tục và xây dựng/thực hiện kế hoạch kinh doanh liên tục	3	30	26	19	14	30	43	79	122	4
Nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây và mua sắm trang thiết bị cảnh báo sớm.	20	37	14	27	5	19	39	83	122	4
Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân	6	11	14	12	4	31	24	54	78	6
Hỗ trợ vay vốn cho các hộ SX kinh doanh, kiểm tra giám sát các doanh nghiệp về an toàn trong SXKD	9	6	16	17	10	28	35	51	86	7
Triển khai đề án XD bãi tập kết rác, củng cố nâng cao năng lực cho đội thu gom rác, kiến nghị xử lý rác ở bệnh viện hợp lý	3	13	14	18	6	15	23	46	69	10
Hỗ trợ xây hầm bioga cho các hộ chăn nuôi và làm nhà vệ sinh cho các hộ khó khăn	3	6	14	15	6	24	23	45	68	9
Nâng cao hệ thống tiêu thoát nước và các cống ngập mặn để đảm bảo thoát nước và vệ sinh môi trường	2	7	11	14	8	20	21	41	62	12

Giải pháp phòng chống thiên tai	Tổng xếp hạng của KP1+2		Tổng xếp hạng của KP3+4		Tổng xếp hạng kiểm chứng		Tổng xếp hạng của người KT,CT, nam ,nữ		Tổng số phiếu của toàn Phường	Xếp hạng toàn Phường
	Nam (12)	Nữ (14)	Nam (16)	Nữ (20)	Nam (11)	Nữ (26)	Nam (39)	Nữ (60)		
Tập huấn chuyển giao KHKT và chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn nông dân gieo trồng theo đúng lịch thời vụ	6	6	10	8	6	14	22	28	50	15
Nạo vét hệ thống kênh mương, nội đồng và hỗ trợ nông dân mua máy bơm, ống dẫn nước để đảm bảo duy trì diện tích trồng lúa, đảm bảo an ninh lương thực	12	10	8	13	8	20	28	43	71	8
Mở rộng mạng lưới nước sạch cho vùng nông thôn (KP3-KP4)	14	9	10	15	9	6	33	30	63	14
Nâng cấp Đường Trần Văn Cương KP2	7	10	18	9	7	19	32	38	70	13
Vận động nguồn lực xây dựng nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở	2		12	15	11	17	25	32	57	11
Tổng cộng	**183**	**183**	**266**	**319**	**149**	**390**	**598**	**949**	**1547**	

Bảng 6.17 - Công cụ 9-TỔNG HỢP PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN RRTT phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

TT	RRTT	TTDBTT	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP
1	Sập nhà tốc mái, mất tài sản (100 căn nhà)	Nhà tạm, cấp 4 vùng xung yếu không chủ động chằng chống	Thiếu nhân lực, Thiếu phương tiện, Chưa được tập huấn kỹ năng, nghề nghiệp không ổn định, Một số hộ chủ quan, có tư tưởng ỷ lại	- Củng cố kiện toàn và trang bị thiết bị cho đội xung kích để hỗ trợ chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão - Truyên truyền, tổ chức tập huấn, diễn tập cho người dân, cho người dân có ý thức PCTT - Sơ tán người dân đến nơi an tòan. - Giới thiệu việc làm, tăng thu nhập - Hỗ trợ xây nhà cho hộ khó khăn
2	Lúa, hoa màu giảm năng suất có khi mất trắng	Lúa, hoa màu nằm ở vùng trũng, thấp Thiếu nước tưới Xuống giống không theo lịch, không đảm bảo	Thiếu hệ thống thoát nước, ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa Không có điều kiện chuyển đổi từ đất ruộng lên gò Nguồn nước bị nhiễm mặn, hệ thống kênh mương không đảm bảo tưới tiêu Thiếu trang thiết bị Chưa tiếp cận KHKT, chuyển giao giống cây trồng Thiếu vốn đầu tư, thiếu kỷ năng	- Nâng cấp hệ thống thoát nước cấp nước, chuyển đổi cơ cấu cây trồng - Hỗ trợ vốn để chuyển đổi lên gò ở khu vực được phép - Nâng cấp hệ thống ngăn mặn - Thường xuyên nạo vét kênh mương, hỗ trợ mua máy bơm, ống dẫn nước - Hỗ trợ vốn đầu tư mua giống và phân bón - Tập huấn hướng dẫn chuyển giao KHKT - Gieo trồng theo mùa vụ và lịch cụ thể

TT	RRTT	TTDBTT	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP
3	Panô, bảng hiệu quảng cáo bị ngã sập khi có gió bão gây ảnh hưởng đến tai nạn giao thông (KP1-KP2-KP3)	-Pa nô, bảng hiệu quảng cáo chằng chịt .	Thiếu nhân lực, Thiếu phương tiện, Chưa được tập huấn kỹ năng, nghề nghiệp không ổn định, Một số hộ chủ quan, có tư tưởng ỷ lại	- Củng cố kiện toàn và trang bị thiết bị cho đội xung kích để hỗ trợ chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão - Truyên truyền, tổ chức tập huấn, diễn tập cho người dân, cho người dân có ý thức PCTT - Sơ tán người dân đến nơi an tòan. - Giới thiệu việc làm, tăng thu nhập - Hỗ trợ xây nhà cho hộ khó khăn
4	Tai nạn lao động, tai nạn điện thường xảy ra đối với người làm thuê	-Thiết bị lao động cũ, thô sơ, dễ hư hỏng - Đường dây điện kết nối chung hệ thống cây xanh - Không tuân thủ kỷ luật trong dây chuyền sản xuất Hệ thống điện sinh hoạt trong gia đình không đảm bảo an toàn - Chủ quan, bất cẩn, liều lĩnh	- Thiếu vốn đầu tư trang bị - Hệ thống điện chưa đồng bộ, hệ thống điện yếu, xuống cấp - Chủ cơ sở không nắm rõ luật lao động nên không trang bị bảo hộ lao động và tập huấn an toàn điện thường xuyên cho người lao động - Công tác quản lý nhà nước trong an toàn điện chưa cao - Người lao động thiếu kiến thức, thu nhập không ổn định - Các doanh nghiệp cơ sở chưa có kế hoạch/phương án trong trước sau thiên tai đảm bảo kinh doanh liên tục	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch và nâng cấp hệ thống điện đã xuống cấp - Tạo điều kiện cho các cơ sở vay vốn trang bị - Tăng cường quản lý nhà nước, tổ chức các lớp tập huấn an toàn điện - Đầu tư trang bị bảo hộ lao động cho người lao động - Giới thiệu việc làm tạo công việc ổn định cho người lao động - Buộc chủ cơ sở cam kết đảm bảo an toàn lao động bằng văn bản cụ thể; nâng cao kiến thức cho người lao động - Các doanh nghiệp/hộ sản xuất cần được tập huấn để xây dựng kế hoạch/ phương án kinh doanh liên tục - Tập huấn cho các hộ/doanh nghiệp về kế hoạch kinh doanh liên tục - Các hộ thực hiện kế hoạch phương án kinh doanh liên tục

TT	RRTT	TTDBTT	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP
5	Trụ điện ngã đổ, hệ thống truyền thanh đi cùng cũng bị đổ ngã khi có bão (KP1-KP2-KP3)	- Đường điện chằng chịt bám theo cây dọc tuyến đường Trần Công Tường. - Một số trụ diện kéo vào nhà hộ gia đình chưa kiên cố (có 02 hệ thống cũ, mới). -Hệ thống truyền thanh (có dây) đi theo đường dây điện bám theo cây xanh	- Vẫn theo hệ thống đường điện và truyền thanh đi với nhau như cũ. - Không có kinh phí để tách riêng 2 hệ thống, thường bị liên quan đến nhau khi bị gãy đổ. - Địa bàn dân cư đông nên hệ thống diện chằng chịt không kiểm soát được. - Người dân từ nông thôn mới lên thành thị thu nhập thấp chưa theo kịp với thay đổi	- Nâng cấp hệ thống đường điện, thay cột cây bằng cột bê tông. - Quy hoạch, thiết kế lại hệ thống đường điện, nếu không dê bị chập điện, gây cháy nổ, gây tai nạn về điện. - Nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây để đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo, truyên truyền PCTT - Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân
6	Ô nhiễm môi trường trên toàn phường	Không có bãi tập kết rác Cống ngăn mặn làm ứ động nước thải Không thu gom rác thường xuyên (xe rác hư hỏng) Một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi	- Hệ thống cống rãnh chưa đảm bảo - Chưa có nơi tập kết rác lâu dài - 10% nhà vệ sinh chưa đảm bảo - Chuồng trại còn một số nơi chưa có hệ thống xử lý nước thải - Hệ thống xử lý rác của bệnh viện chưa hợp lý - Thiếu nhân lực thu gom rác thải (dân lập) và thu nhập thấp - Thiếu thùng rác công cộng, - ý thức người dân chưa cao	- Xây dựng và triển khai đề án xây bãi tập kết rác - Hỗ trợ kinh phí làm nhà vệ sinh và hầm bioga - Nâng cấp hệ thống cống rãnh - Đề xuất nâng phí thu gom rác, hỗ trợ thêm kinh phí thu rác - Kiến nghị nâng cấp hệ thống xử lý của bệnh viện hợp vệ sinh - Trang bị thùng rác công cộng, tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức người dân

Bảng 6-18-Công cụ 10: TỔNG HỢP GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI phường 5 thị xã Gò Công, Tiền Giang

TT (xếp hạng)	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian Dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến (Triệu đồng)		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
1	Cũng cố, kiện toàn, tập huấn kỹ năng, mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn…cho Đội xung kích của phường và các tổ dân phố .	-Địa điểm: UBND Phường và các tổ dân phố. -Đội xung kích	1.Củng cố kiện toàn đội xung kích của phường và các tổ dân phố (phường ? người; mỗi tổ dân phố ? người)	Lãnh đạo UBND	Tháng 3	-		
			2. Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn: 3 lớp	Đội trưởng đội xung kích	Tháng 4	5		
			3. Mua sắm trang thiết bị: - Bộ dụng cụ sơ cấp cứu. - Bộ dụng cụ cứu nạn - Áo mưa, đèn pin…	P.Ban CHPCTT và Đội trưởng đội xung kích	Tháng 4	30		
			Tổng cộng: 35 Triệu VNĐ			35		
2	Tổ chức sơ tán di dời người dân vùng nguy cơ cao và tiếp nhận sơ tán người dân ở các địa phương khác đến nơi an toàn khi có bão xảy ra	- Địa điểm: nhà chùa , nhà văn hóa……. - Người dân vùng nguy cơ cao tổ dân phố? bao nhiêu người ? - Tiếp nhận sơ tán ? người	1. Khảo sát đánh giá nơi đưa người dân đến sơ tán	P. Ban CHPCTT	Tháng 5	-		
			2. Lập kế hoạch – phương án (kinh phí, phương tiện thực hiện ..)	P.Ban CHPCTT	Tháng 5	-		
			3. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	Văn phòng UBND	Tháng 5	50		

TT (xếp hạng)	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian Dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến (Triệu đồng)		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
			4. lập kế hoạch về an ninh trật tự, bảo vệ tài sản	Trưởng Công an, quân sự	Tháng 5			
			5. Diễn tập sơ tán (nếu cần)	Lãnh đạo UBND và trưởng thôn	Trước mùa thiên tai	30	10	30
			6. Tổ chức đi sơ tán khi có lệnh	Lãnh đạo UBND và trưởng khối phố	Khi có lệnh	10	20	20
			7. Bản đồ GIS có tích hợp vị trí nguy cơ và khu vực có nhóm dễ bị tổn thương	BQL dự án tỉnh	100			
			Tổng cộng: 270 Triệu VNĐ					
3	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, chăm sóc sức khỏe, VS-MT (quan tâm vùng nguy cơ cao, có ít nhất 30% nữ)	2.881 người dân vùng nguy cơ cao, đặc biệt người già, trẻ em	1. Lập kế hoạch truyên truyền của năm	Văn hóa phường	Tháng 2	-		
			2. Tuyên truyền qua các buổi họp ở tổ dân phố và các ban, ngành đoàn thể.	Trưởng KP, các ngành, đoàn thể, trạm y tế phường	Thường xuyên	-		
			3. Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh KP, đặc biêt là các câu chuyên, các tiểu phẩm PCTT, phát thanh vào giờ thuận tiện cho tất cả người dân đều được nghe	Cán bộ văn hóa thông tin và các chi, tổ Hội, trưởng tổ dân phố	Thường xuyên	-		

TT (xếp hạng)	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian Dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến (Triệu đồng)		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
			4. Tập huấn nâng cao kiến thức năng lực: - Cán bộ: 1 lớp - Người dân: 8 lớp/4 KP - Học sinh tiểu học ở các trường học: ? lớp	- Lãnh đạo phường. - Trưởng tổ dân phố. - Hiệu trưởng trường tiểu học	Tháng ? đến tháng?	10	5	25
			5. Tuyên truyền bằng: pano, áp phích, tờ rơi biển báo.	Văn hóa	Tháng ?	6	-	18
			6. Lồng ghép vào các chương trình sinh hoạt văn nghệ	Văn hóa	Từ tháng? Đến tháng?	3	7	5
			7. Mua nhà vệ sinh di động	Môi trường				
			Tổng cộng: 79 triệu VNĐ			19	12	48
4	Nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây và mua sắm trang thiết bị cảnh báo sớm.	Đội CHCN, tổ dân phố và người dân toàn phường	1. Khảo sát đánh giá thực trạng	Thường trực BCH-PCTT phường	Tháng 5	-		
			2. Lập đề án	Kế toán, ngân sách	Tháng 5	-		

TT (xếp hạng)	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian Dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến (Triệu đồng)		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
			5. Tổ chức thực hiện nâng cấp và mua sắm: - Nâng cấp công suất máy phát. - Bổ sung các cụm loa. - 4 Bộ âm ly di động 4 KP - Loa cầm tay.	Lãnh đạo UBND, văn phòng, trưởng các tổ dân phố	Tháng 6	?	?	?
			6. Kiểm tra, giám sát có sự tham gia của người dân	Ban giám sát cộng đồng	Tháng 6	-		
			Tổng cộng			?	?	**?**
5	Kiểm tra giám sát việc lắp đặt pa nô biển quảng cáo, Truyên truyền vận động hướng dẫn chằng chống, sửa chữa trước mùa mưa bão đối với các doanh nghệp nhà hàng khách sạn, hộ kinh doanh...	- Các doanh nghiệp, nhà hàng khách sạn, các hộ kinh doanh - Người dân toàn phường	Củng cố, nâng cao năng lực cho đội trật tự đô thị Phường	Lãnh đạo UBND	Tháng 2	-		
			Tổ chức kiểm tra giám sát	Đội trật tự đo thị	Thường xuyên	-		
			Truyên truyền vận động	Văn hóa, trưởng khu phố	Thường xuyên	**5**		
			Xử phạt (nếu có)	Lãnh đạo UBND Đội trật tự đo thị	Thường xuyên			
			Sửa chữa, nâng cấp trước mùa mưa bão	Các doanh nghiệp, nhà hàng khách sạn, các hộ kinh doanh…	Trước mùa mưa bão		50	
			Tổng cộng					

TT (xếp hạng)	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian Dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến (Triệu đồng)		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
5	Tập huấn cho các hộ/ doanh nghiệp sản xuất về kế hoạch kinh doanh liên tục và xây dựng/thực hiện kế hoạch kinh doanh liên tục		Tập huấn cho các hộ/doanh nghiệp sản xuất về kế hoạch kinh doanh liên tục		Tháng 6-7			
			Thực hiện hoạt động trong kế hoạch PCTT		Tháng 6-7			
			-Diễn tập cho các hộ/ doanh nghiệp		Tháng 6-7			
			- Tuyên truyền thực hiện PCTT		Tháng 6-7			
			-Các biện pháp xử lý hố gas, rác thải, nơi chứa hàng có nguy cơ, chặt tỉa cây quanh khu vực		Tháng 6-7			
6	Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân	người thiếu việc làm	1. Khảo sát đánh giá thực trạng	?	?	?	?	?
			2. Tìm các ngành nghề phù hợp	?	?	**?**	**?**	**?**
			3. Giới thiệu việc làm	?	?	**?**	**?**	**?**
			4. Tập huấn ngành nghề	?	?	?	?	?
			5.Có chính sách hỗ trợ vốn	?	?	?	?	?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Quy hoạch đô thị 2009, số 30/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009

2. Luật bình bẳng giới 2006, SỐ 73/2006/QH11 được Quốc hội thông qua qua ngày 29 tháng 11 năm 2006

3. Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg, ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

4. Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011 của Tổng cục Thủy lợi phê duyệt nội dung tài liệu tham khảo Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

5. Quyết định số 315/QĐ-TCTL-GNTT ngày 29/4/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi phê duyệt Tài liệu "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" dành cho cấp xã.

6. Quyết định số 389/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 04/6/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi phê duyệt tài liệu "Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" dành cho cấp xã.

7. Tài liệu Quản lý RRTT-DVCĐ dành cho cấp xã-in và hiệu chỉnh lần thứ 3.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG KHU VỰC ĐÔ THỊ

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Nguyễn Xuân Trường

BAN BIÊN TẬP

Tiến sỹ Trần Quang Hoài	Thạc sỹ Nguyễn Huỳnh Quang
Tiến sỹ Đoàn Thị Tuyết Nga	Thạc sỹ Tạ Ngọc Tân
Thạc sỹ Đặng Quang Minh	Thạc sỹ Thái Thị Khánh Chi
Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Huy	Thạc sỹ Đàm Thị Hoa
Tiến sỹ Nguyễn Trung Kiên	Thạc sỹ Nguyễn Thị Quỳnh Giao
Cử nhân Bùi Thị Mai	Cử nhân Phạm Hồng Quyên
Thạc sỹ Nguyễn Thị Xuân Hồng	Thạc sỹ Phan Thị Việt Hà

CÁC CỐ VẤN

Tiến sỹ Đặng Quang Tính

Tiến sỹ Nguyễn Hữu Phúc

Thạc sỹ Vũ Văn Tú

Thạc sỹ Lương Như Oanh

SỐ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ XUẤT BẢN

3006-2018/CXBIPH/12-129/TN - ISBN: 978-604-973-149-1

THIẾT KẾ VÀ IN TẠI:

In 1.150 quyển khổ A4 tại Công ty TNHH In ấn Thiết kế T.E.A.M

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2018

CATHOLIC RELIEF SERVICES faith. action. results.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CATHOLIC RELIEF SERVICES TẠI VIỆT NAM
P. 301-303, nhà E3, khu Ngoại giao đoàn Trung Tự,
số 06 Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 (24) 3773 8300 - Fax: +84 (24) 3773 8301
Email: crs.vietnam@crs.org - Website: http://www.crs.org

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
Trụ sở: Nhà A4, số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 02437335804, Fax: 02437335701
Website: www.phongchongthientai.vn
Facebook: Thông tin phòng chống thiên tai